

Số: 15 /TB-KS3

Lào Cai, ngày 03 tháng 4 năm 2025

**GIẤY MỜI THAM DỰ ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN 3 - VIMICO**

Trân trọng kính mời cổ đông:

Địa chỉ:

Số CCCD/ Hộ chiếu hoặc ĐKKD:

Tới tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico.

1. Thời gian: Từ 8h00', ngày 25 tháng 4 năm 2025 (Thứ Sáu).

2. Địa điểm: Hội trường – Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico. (Tổ 7, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.)

3. Điều kiện tham dự ĐHĐCĐ:

- Là cổ đông của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico có tên trong danh sách cổ đông chốt đến thời điểm ngày 26/3/2025 tại sổ đăng ký cổ đông Công ty.

- Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự ĐHĐCĐ. Việc ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản (theo mẫu gửi kèm).

4. Nội dung chính của ĐHĐCĐ:

- Thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD, ĐTXD năm 2024; kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2025 của Phó giám đốc Công ty.

- Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và phương hướng, kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2025.

- Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và phương hướng, kế hoạch hoạt động của BKS năm 2025.

- Thông qua báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.

- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2024, kế hoạch năm 2025.

- Thông qua phương án chi trả tiền thù lao, tiền lương, tiền thưởng đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch chi trả năm 2025.

- Thông qua phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2025.

- Thông qua việc thực hiện hợp đồng mua/bán tinh quặng sắt Manhetit được sản xuất tại mỏ sắt Kíp Tước, xã Hợp Thành, TP Lào Cai năm 2025 với Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP.

- Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

5. Đăng ký tham gia và góp ý nội dung ĐHĐCĐ:


Để tạo điều kiện cho công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, đề nghị Quý cổ đông vui lòng gửi: Đăng ký tham dự hoặc ủy quyền tham dự; Ý kiến góp ý về chương trình, nội dung và các dự thảo trình ĐHĐCĐ theo các mẫu đính kèm trước 8h00' ngày 22/4/2025 tới địa chỉ:

Bà Chu Thị Ngọc Huyền - Thư ký Công ty. Số điện thoại: 0985560602.
Email: ngochuyen.chu@gmail.com. Địa chỉ: Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico; tổ 7, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

6. Tài liệu ĐHĐCĐ:

Toàn bộ tài liệu ĐHĐCĐ được đăng tải trên website của Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico tại địa chỉ <http://www.khoangsan3.com.vn>. Các tài liệu họp Đại hội cổ đông sẽ được cập nhật và sửa đổi bổ sung (nếu có) tại đường dẫn nêu trên cho đến khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Trân trọng kính mời!

Nơi nhận: 
- Như kính gửi;
- Lưu: VP, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Tuấn Ngọc

Ghi chú: Khi đến tham dự ĐHĐCĐ, Quý cổ đông hoặc người được ủy quyền vui lòng mang theo và xuất trình các giấy tờ sau: Thư mời, CCCD hoặc hộ chiếu (bản chính) hoặc bản sao Giấy CNĐKDN và giấy ủy quyền hợp lệ tham dự ĐHĐCĐ (nếu là người được ủy quyền) để Ban tổ chức kiểm tra tư cách cổ đông.



CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico

Thời gian: 8h00' ngày 25 tháng 4 năm 2025 (Thứ Sáu)

Địa điểm: Hội trường Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico (Tổ 7, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai)

Chủ tọa Đại hội: Ông Lê Tuấn Ngọc - Chủ tịch HĐQT Công ty.

Thời gian	TT	Nội dung	Thực hiện
7h30-8h00	I	Công tác chuẩn bị	
	1	Đón tiếp đại biểu và cổ đông	Ban tổ chức
	2	Cổ đông đăng ký tham dự ĐHĐCĐ với Ban kiểm tra tư cách cổ đông và nhận tài liệu	Ban kiểm tra tư cách cổ đông
	II	Khai mạc	
	1	Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	Ban tổ chức
	2	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ	Ban kiểm tra tư cách cổ đông
	3	Giới thiệu Chủ tọa điều hành ĐHĐCĐ	Ban tổ chức
	4	Giới thiệu và biểu quyết thông qua Ban thư ký	Chủ tọa
	5	Giới thiệu và biểu quyết thông qua Ban kiểm tra kết quả biểu quyết	Chủ tọa
	6	Thông qua chương trình ĐHĐCĐ	Chủ tọa
	7	Thông qua quy chế tổ chức ĐHĐCĐ	Chủ tọa
	III	Nội dung ĐHĐCĐ	
	1	Thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD, ĐTXD năm 2024; kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2025 của Phó giám đốc Công ty.	Chủ tọa
	2	Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và phương hướng, kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2025.	Chủ tọa
	3	Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và phương hướng, kế hoạch hoạt động của BKS năm 2025.	Ban kiểm soát
	4	Thông qua báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.	Tài chính – Kế toán

Thời gian	TT	Nội dung	Thực hiện
	5	Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2024, kế hoạch năm 2025.	Tài chính – Kế toán
	6	Thông qua phương án chi trả tiền thù lao, tiền lương, tiền thưởng đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch chi trả năm 2025.	Chủ tọa
	7	Thông qua phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2025.	Ban kiểm soát
	8	Thông qua việc thực hiện hợp đồng mua/bán tinh quặng sắt Manhetit được sản xuất tại mỏ sắt Kíp Tước, xã Hợp Thành, TP Lào Cai năm 2025 với Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP.	Ban kiểm soát
	9	Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	Chủ tọa
	10	Báo cáo kết quả biểu quyết	Ban KT kết quả biểu quyết
	11	Trình bày Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ	Ban thư ký
	12	Thông qua Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ	Chủ tọa
12h00	IV	Bế mạc ĐHĐCĐ 2025	Chủ tọa

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN 3 - VIMICO

Kính gửi: **Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025**
Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico

Tên cổ đông/đại diện cổ đông:

Số CMTND/CCCD/HC/ĐKDN:.....

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

Xác nhận tham dự ĐHĐCĐTN năm 2025 của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico vào ngày...../...../2025 với số cổ phần biểu quyết là:.....cổ phần.

Trong đó:

- Số cổ phần sở hữu:.....cổ phần phổ thông.
- Số cổ phần được ủy quyền (nếu có):.....cổ phần phổ thông.

(Kèm theo giấy ủy quyền tương ứng với số cổ phần nhận ủy quyền)

Đề nghị Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, xác nhận vào danh sách cổ đông/ đại diện cổ đông tham dự họp.

Lào Cai, ngày..... tháng năm 2025

CỔ ĐÔNG

(Ký, họ tên – Đóng dấu nếu là tổ chức)

*** Lưu ý:**

- Nếu cổ đông là pháp nhân phải có giấy xác nhận tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.
- Cổ đông xin vui lòng gửi giấy xác nhận tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2025 về Ban Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2025 theo địa chỉ trên Thông báo trước 8h00 ngày 22/4/2025.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN 3 - VIMICO

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico

1. Bên ủy quyền:

Tên cổ đông/đại diện cổ đông:
Số CMTND/ TCCCD/HC/DKDN:.....
Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:
Địa chỉ:.....
Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....
Hiện đang sở hữu: cổ phần của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico
(*Bằng chữ:.....*)

2. Bên nhận ủy quyền:

Ông/(bà):.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:.....
Số cổ phần được ủy quyền:..... cổ phần
(*Bằng chữ:.....*)

3. Nội dung ủy quyền:

Thay mặt người ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico

Có quyền thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico tương ứng số cổ phần được ủy quyền theo Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Điều lệ Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico và quy định của pháp luật.

4. Thời hạn ủy quyền:

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico.

5. Trách nhiệm của các bên:

Bên nhận ủy quyền không được ủy quyền lại cho bên thứ ba để thực hiện các công việc nêu tại Giấy ủy quyền này.

Các bên cam kết chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật.

Lào Cai, ngày..... tháng 4 năm 2025

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

BÊN ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên - Đóng dấu nếu là tổ chức)

* Ghi chú: 1. Cổ đông là pháp nhân thì có văn bản ủy quyền/giao người đại diện thực hiện quyền, nghĩa vụ cổ đông tại ĐHĐCĐ. Tổ chức là cổ đông của Công ty có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 3 người đại diện. Trường hợp cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể phần vốn góp, số cổ phần cho mỗi người đại diện. Bản sao giấy ủy quyền xin vui lòng gửi cho Ban Tổ chức ĐHĐCĐ theo địa chỉ trên thông báo và giấy mời họp trước 8h00 ngày 22/4/2025..

2. Trường hợp bên ủy quyền là nhóm cổ đông thì Mục I ghi là "Nhóm cổ đông" và bổ sung thêm danh sách cổ đông ủy quyền theo mẫu kèm theo.
Người được ủy quyền khi đi tham dự ĐHĐCĐ cần mang theo CMND/Hộ chiếu, thư mời, tài liệu dự họp và giấy ủy quyền bản chính.

DANH SÁCH NGƯỜI ỦY QUYỀN KÈM THEO GIẤY ỦY QUYỀN

STT	Họ và tên	Số CCCD/HC	Ngày cấp, nơi cấp	Số CP sở hữu	Số CP ủy quyền	Ký tên
1						
2						
3						
4						
5						
6						
	Tổng số					



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN 3 - VIMICO

Địa chỉ: Tổ 07, Phường Duyên Hải, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

Điện thoại: 02143.821.292 - Website: www.khoangsan3.com.vn

GCNĐKDN số 0103026986 do Sở KH&ĐT TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/09/2008, thay đổi lần thứ 7 ngày 26/8/2022 theo GCNĐKDN số 0500204315 do Sở KH&ĐT tỉnh Lào Cai cấp



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

THẺ BIỂU QUYẾT

CỔ ĐÔNG:

SỐ CMND/CCCD/HC/ĐKKD:

..... CỘ PHẦN

MÃ SỐ CỘ ĐÔNG:

.....

Ghi chú:

- 01 cổ phần phổ thông tương đương với 01 quyền biểu quyết; Tổng số lượng cổ phần sở hữu bằng tổng số lượng quyền biểu quyết.
- Thẻ biểu quyết này chỉ có giá trị tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 ngày 25/4/2025



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN THAM GIA Ý KIẾN

Kính gửi : Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico

Họ và tên cổ đông :

Số cổ phần sở hữu :

Sau khi đọc các tài liệu chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico (Đại hội), tôi xin đóng góp các ý kiến như sau:

1. Tham gia ý kiến về dự thảo Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ.

.....
.....

2. Tham gia ý kiến về chương trình ĐHĐCĐ

.....
.....

3. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD, ĐTXD năm 2024; kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2025 của Phó giám đốc Công ty.

.....
.....

4. Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và phương hướng, kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2025.

.....
.....

5. Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và phương hướng, kế hoạch hoạt động của BKS năm 2025.

.....
.....

6. Thông qua báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.

.....
.....

Lào Cai, ngày 25 tháng 04 năm 2025



**BIÊN BẢN THẨM TRA THÔNG TIN CỔ ĐÔNG
DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

Hôm nay ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại Hội trường Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico Số 162a, tổ 7, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Ban thẩm tra thông tin cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico, chúng tôi gồm:

1. Trưởng ban
2. Ủy viên
3. Ủy viên

Đã tiến hành kiểm tra thông tin tất cả các cổ đông và người được ủy quyền đại diện đến tham dự Đại hội. Thay mặt Ban thẩm tra thông tin cổ đông tôi xin báo cáo kết quả trước đại hội như sau:

- Tính đến thời điểm 17h00' ngày 26/3/2025, số cổ đông của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico có quyền tham dự Đại hội là 45 cổ đông (trong đó có 02 tổ chức, 43 cá nhân) đại diện cho 3.500.000 cổ phần của Công ty có quyền biểu quyết theo sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

- Tính đến thời điểm 8h00p ngày 25/4/2025, số cổ đông và người được ủy quyền đại diện đến tham dự Đại hội là người, đại diện cho cổ phần, đạt tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Tất cả các cổ đông và đại diện cổ đông có mặt đều có đủ tư cách tham dự Đại hội.

Căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 145 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico, Ban thẩm tra thông tin cổ đông xin công bố:

1. Tất cả các cổ đông và người được ủy quyền đại diện có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Khoáng sản 3 - Vimico được tổ chức ngày hôm nay có đủ tư cách tham dự Đại hội.

2. Số cổ đông hiện diện và người ủy quyền đại diện tham dự tại Đại hội này sở hữu trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, ĐHĐCĐ đủ điều kiện để được tiến hành theo quy định.

Trân trọng!

**T/M BAN KIỂM TRA
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Văn Thanh

Lào Cai, ngày 03 tháng 4 năm 2025

QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN 3 - VIMICO

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

- Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức và điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (sau đây gọi tắt là Đại hội) của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico.
- Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội và thể lệ biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội.
- Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các nội dung được quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Mục tiêu

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành cuộc họp Đại hội được thực hiện thành công và tuân thủ các quy định pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Chương II
ĐIỀU KIỆN THAM DỰ ĐHĐCĐ,
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG, NGƯỜI THAM DỰ ĐHĐCĐ

Điều 3. Điều kiện tham dự ĐHĐCĐ

- Là đại biểu khách mời tham dự.
- Thành viên HĐQT, thành viên BKS và Ban điều hành Công ty.
- Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu của Công ty) của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 26/3/2025 tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

Điều 4. Quyền của cổ đông và người được đại diện theo ủy quyền khi tham dự ĐHĐCĐ

Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:

- Trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.
- Ủy quyền cho người khác dự họp ĐHĐCĐ. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền thì ủy quyền cho người khác dự họp ĐHĐCĐ, người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông.

Trường hợp cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi đại diện.

3. Được Ban tổ chức thông báo công khai nội dung chương trình ĐHĐCĐ.

4. Phát biểu, thảo luận và biểu quyết tất cả các nội dung trong chương trình ĐHĐCĐ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Tại ĐHĐCĐ, mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự ĐHĐCĐ được nhận Thẻ biểu quyết (trong đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số cổ phần có quyền biểu quyết) của cổ đông đó sau khi đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ với Ban kiểm tra thông tin cổ đông.

6. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại ĐHĐCĐ.

7. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại ĐHĐCĐ. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký, trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 5. Nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tham dự ĐHĐCĐ

1. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự ĐHĐCĐ mang theo các giấy tờ sau:

a) Giấy chứng minh thư nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực.

b) Giấy ủy quyền theo mẫu gửi kèm theo Thông báo mời họp ĐHĐCĐ. Trường hợp được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ: nếu cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó; nếu cổ đông là pháp nhân/ tổ chức thì văn bản ủy quyền phải được đóng dấu và ký bởi đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó.

c) Cổ đông chỉ được chính thức tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ sau khi đã thực hiện các thủ tục đăng ký và chứng minh tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của mình là hợp lệ với Ban kiểm tra thông tin cổ đông.

2. Trường hợp cổ đông đã ủy quyền cho người khác mà không có thông báo bằng văn bản về việc hủy ủy quyền thì cổ đông đó khi tham dự ĐHĐCĐ không nhận Thẻ biểu quyết tại ĐHĐCĐ nếu người được ủy quyền của họ đã làm thủ tục nhận Thẻ biểu quyết.

3. Người được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ không được ủy quyền lại cho bên thứ ba.

4. Trong thời gian diễn ra ĐHĐCĐ, cổ đông/đại diện của cổ đông phải tuân thủ theo hướng dẫn, điều khiển của Chủ tọa, tôn trọng kết quả làm việc của ĐHĐCĐ, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

5. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế này, nếu vi phạm thì tùy theo mức độ cụ thể Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo quy định của Điều lệ Công ty.

6. Trường hợp cổ đông rời cuộc họp trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết mà không thông báo với Ban kiểm phiếu thì cổ đông đó coi như là "không có ý kiến" với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại ĐHĐCĐ sau đó. Trường hợp cổ đông rời cuộc họp trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết, nhưng đã thông báo với Ban kiểm phiếu thì cổ đông đó được coi là không tham gia biểu quyết tại Đại hội.

Điều 6. Chủ tọa Đại hội

1. Chủ tịch HĐQT là Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa Đại hội.

2. Chủ tọa Đại hội có thể mời thêm thành viên HĐQT, Ban điều hành Công ty để cùng điều hành ĐHĐCĐ.

3. Chủ tọa Đại hội có trách nhiệm sau:

- a) Chủ trì, điều khiển ĐHĐCĐ;
- b) Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình của Đại hội;
- c) Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
- d) Trả lời hoặc chỉ định thành viên Ban chủ tọa trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
- đ) Làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung, dân chủ, điều hành Đại hội một cách hợp lệ, nghiêm túc và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông, đại diện cổ đông tham dự.

4. Chủ tọa Đại hội có quyền sau:

- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp, trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến hành cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi Đại hội;
- c) Chủ tọa Đại hội có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác theo quy định tại Khoản 8 Điều 146, Luật Doanh nghiệp và Khoản 7 Điều 20, Điều lệ công ty.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thư ký Đại hội

1. Thư ký Đại hội gồm 02 thành viên do Chủ tọa đề cử để giúp việc ĐHĐCĐ và được Đại hội biểu quyết thông qua.



2. Thư ký Đại hội có nhiệm vụ:

- a) Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung của Đại hội.
- b) Dự thảo kết luận và thông báo của Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu. Trình bày trước ĐHĐCĐ về biên bản họp và dự thảo Nghị quyết của Đại hội.
- c) Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu, ý kiến khiếu nại (nếu có) của cổ đông.

Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu tối đa không quá 11 (mười một) thành viên, gồm 01 (một) Trưởng ban và các thành viên kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm phiếu

- a) Hướng dẫn cổ đông tham dự ĐHĐCĐ cách sử dụng thẻ biểu quyết. Thực hiện việc kiểm, đếm thẻ biểu quyết theo từng loại: tán thành, không tán thành, không có ý kiến ngay sau khi ĐHĐCĐ biểu quyết.
- b) Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại ĐHĐCĐ.
- c) Tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả biểu quyết các vấn đề của ĐHĐCĐ.
- d) Lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.
- e) Bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu biểu quyết cho Thư ký Đại hội.
- f) Thực hiện các nhiệm vụ khác được giao.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm tra thông tin cổ đông

1. Ban kiểm tra thông tin cổ đông tối đa không quá 3 (ba) thành viên, gồm Trưởng ban và các thành viên để thực hiện chức năng và nhiệm vụ như sau:

a) Kiểm tra thông tin cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự ĐHĐCĐ và khách mời xuất trình Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền).

b) Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự họp: Thẻ biểu quyết và các tài liệu khác có liên quan đến cuộc họp.

c) Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra thông tin cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại các thời điểm sau:

- Trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;
- Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự ĐHĐCĐ (khi cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).

d) Thực hiện các công việc khác do Ban tổ chức ĐHĐCĐ hoặc Chủ tọa Đại hội phân công.

2. Trường hợp người đến dự họp không đầy đủ tư cách tham dự ĐHĐCĐ thì Ban kiểm tra thông tin cổ đông có quyền từ chối quyền dự họp của người đó, từ chối cấp thẻ biểu quyết và các tài liệu khác có liên quan đến cuộc họp.

Chương III**CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI****Điều 10. Tiến hành Đại hội**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông đã chốt ngày 26/3/2025 tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Ban kiểm tra thông tin cổ đông thông báo số lượng tham dự, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà các cổ đông đại diện và tỷ lệ tham dự để Đại hội có thể tiến hành theo quy định.

2. Trường hợp ĐHĐCĐ không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 nói trên thì việc triệu tập và ĐHĐCĐ các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 11. Chương trình, nội dung làm việc của Đại hội

1. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ thời gian đối với các nội dung trong chương trình họp.

2. Trình tự tổ chức Đại hội (*Xem chương trình Đại hội gửi kèm theo*)

3. Trường hợp có thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp, các thay đổi phải được ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 12. Thảo luận và chất vấn tại Đại hội

1. Căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự và thời lượng cho phép của Đại hội, Chủ tọa Đại hội có thể lựa chọn phương pháp điều khiển cuộc họp hợp lý nhất. Cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ý kiến thảo luận, đưa ra ý kiến chất vấn bằng cách giơ tay đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa hoặc điền vào phiếu câu hỏi gửi cho Thư ký đại hội để chuyển tới Chủ tọa đại hội.

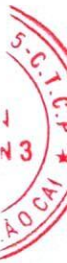
2. Cổ đông phát biểu ngắn gọn, tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội thông qua. Chủ tọa Đại hội có quyền đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

3. Đại hội thống nhất tổng thời lượng phát biểu của một cổ đông tối đa không quá 5 phút. Nếu quá thời lượng này, Chủ tọa Đại hội có thể yêu cầu cổ đông lập các câu hỏi, kiến nghị thành văn bản, Chủ tọa phải ghi nhận và Hội đồng quản trị trong phạm vi thẩm quyền của mình sẽ trả lời bằng văn bản cho cổ đông trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được kiến nghị của cổ đông.

Điều 13. Thể lệ biểu quyết tại Đại hội

1. Nguyên tắc biểu quyết: Các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải được thông qua biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

2. Hình thức biểu quyết: Cổ đông biểu quyết từng nội dung theo chương trình Đại hội bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết nội dung biểu quyết được quy định cụ thể tại chương trình đại hội).



a) Khi biểu quyết một nội dung được Đại hội đưa ra, các cổ đông biểu quyết như sau:

- Bằng hình thức giơ thẻ: Cổ đông giơ thẻ biểu quyết lên cao;

b) Đối với từng nội dung cần biểu quyết, Chủ tọa sẽ hỏi ý kiến theo trình tự: tán thành; không tán thành; không có ý kiến.

4. Điều kiện thông qua

4.1. Nghị quyết về các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

4.2. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty về mô hình hoạt động và Người đại diện theo pháp luật quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp;

d) Quyết định dự án đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

đ) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

e) Các hình thức tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty;

g) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty.

Điều 14. Thẻ biểu quyết

1. Thẻ biểu quyết được đóng dấu của Công ty do Ban kiểm tra thông tin cổ đông phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp. Thẻ biểu quyết được ghi mã số, họ tên của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông và các yếu tố kỹ thuật khác giúp việc cho việc kiểm phiếu chính xác, thuận tiện.

2. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết được xác định bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ.

Điều 15. Biên bản họp Đại hội, dự thảo nghị quyết Đại hội

1. Biên bản họp Đại hội: Tất cả các nội dung tại Đại hội phải được Thư ký ghi vào biên bản họp Đại hội. Chủ tọa và Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản họp ĐHĐCĐ.

2. Biên bản họp phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội. Biên bản ĐHĐCĐ phải được công bố trên website Công ty trong thời hạn 24 giờ và gửi tới các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bế mạc ĐHĐCĐ.

3. Căn cứ biên bản họp Đại hội, báo cáo kết quả kiểm tra thông tin cổ đông, báo cáo kết quả kiểm phiếu của Ban kiểm phiếu và các tài liệu ghi nhận diễn biến, kết quả của ĐHĐCĐ phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Biên bản ĐHĐCĐ là cơ sở để đưa ra Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Điều 16. Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ

Căn cứ biên bản họp Đại hội, báo cáo kết quả kiểm phiếu của Ban kiểm phiếu. Thư ký Đại hội sẽ tổng hợp kết quả và đưa vào dự thảo Nghị quyết. Nghị quyết của ĐHĐCĐ gửi tới các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ĐHĐCĐ bế mạc.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico bao gồm 04 Chương, 17 Điều. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

2. Chủ tọa chịu trách nhiệm điều hành Đại hội theo Quy chế này. Các cổ đông tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo Quy chế này.

3. ĐHĐCĐ quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này. / *Nguyễn*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn
Lê Tuấn Ngọc

Số: 16 /BC-HĐQT

Lào Cai, ngày 03 tháng 4 năm 2025

**BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD, ĐTXD NĂM 2024
KẾ HOẠCH SXKD, ĐTXD NĂM 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico

Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, kết quả thực hiện SXKD, ĐTXD năm 2024 và kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2025 của Công ty như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Công ty thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 với một số thuận lợi, khó khăn cơ bản như sau:

1. Thuận lợi

- Công ty luôn được sự quan tâm, giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi của Tổng công ty Khoáng sản – TKV, cùng các cơ quan quản lý Nhà nước tại Trung ương và địa phương;
- Ngày 15/2/2024 Công ty đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép khai thác (gia hạn) mỏ sắt Kíp Tước đến 15/4/2026;
- Giá bán tinh quặng sắt cao hơn giá kế hoạch năm 2024; CBCNV Công ty luôn đoàn kết, nỗ lực, đồng lòng vượt mọi khó khăn.

2. Khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi, Công ty gặp một số khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2024:

- Khâu bóc xúc đất đá thải chưa đáp ứng nhu cầu sản xuất do quá trình: Cấp giấy phép khai thác, phê duyệt Thiết kế cơ sở và Thiết kế bản vẽ thi công, xin cấp phép sử dụng dịch vụ nổ mìn, cấp giấy phép môi trường... kéo dài, phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, ngày 06/7/2024 Mỏ sắt Kíp Tước mới hoạt động trở lại.
- Công tác bồi thường, GPMB Mỏ sắt Kíp Tước gặp nhiều khó khăn do chưa có sự đồng thuận, phối hợp từ phía các hộ dân, đơn vị tư vấn thực hiện công tác nghiệm thu bản đồ chạ (đến đầu tháng 10/2024 mới hoàn thành). Tính đến ngày



05/3/2025 Công ty mới thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho 25/41 hộ dân với tổng số tiền là 5.130 triệu đồng.

- Mỏ sắt Làng Vinh - Làng Cọ dừng hoạt động đầu tư XDCB, đang thực hiện điều chỉnh Dự án;

- Tháng 9/2024 do ảnh hưởng của bão Yagi mỏ sắt Kíp Tước phải dừng sản xuất dài ngày khắc phục hậu quả do bão gây ra (xưởng tuyển dừng sản xuất 17 ngày do mất điện).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2024

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, song với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT Công ty, Tổng công ty Khoáng sản - TKV cùng với sự đoàn kết, cố gắng nỗ lực phấn đấu của toàn thể CBCNV nên Công ty đạt được kết quả SXKD năm 2024 với những chỉ tiêu chủ yếu sau:

1. Những chỉ tiêu chủ yếu

- Tổng doanh thu: 146.998/ 147.900 triệu đồng, 99,39 % KHN 2024, bằng 49,09 % năm 2023.
- Lợi nhuận trước thuế: 7.928/4.061 triệu đồng, đạt 195,22 % KHN 2024, bằng 90,07 % năm 2023.
- Quỹ tiền lương: 18.797/16.818 triệu đồng, đạt 111,76% KHN 2024, bằng 113,24 % năm 2023.
- Lao động BQSD: 118/123 người, đạt 95,93% KHN 2024, bằng 97,52 % năm 2023.
- Tiền lương bình quân: 13,27/11,25 triệu đồng/người/tháng, đạt 118,04% KHN 2024, bằng 116,13% năm 2023.
- Nộp NSNN: 58.352/48.002 triệu đồng, bằng 121,56 % KHN 2024, bằng 106,47 % năm 2023.
- Hệ số bảo toàn vốn: 1,099 lần, năm 2024 Công ty phát triển được vốn Chủ sở hữu.
- Hệ số nợ/vốn CSH: 2,256 lần, Hệ số Nợ/vốn CSH được cải thiện so với năm 2023.

2. Các chỉ tiêu sản lượng

- Tinh quặng sắt Kíp Tước: 78.294 tấn/ 78.200 tấn, đạt 100,12 % KHN 2024, bằng 108,95 % năm 2023.
- Khai thác quặng NK: 120.732 tấn/121.000 tấn, bằng 99,77 % KHN 2024 và bằng 100 % năm 2023.
- Bốc xúc đất đá thải mỏ Kíp Tước: 261.383/ 400.000 m³, đạt 65,35 % KHN 2024, và bằng 67,43 % năm 2023.

3. Giá thành sản xuất sản phẩm

- Tinh quặng sắt Kíp Tước: 1.382.168 /1.501.287 đồng/tấn, bằng 92,07 % KHN 2024, bằng 92,58% năm 2023.

4. Giá thành tiêu thụ sản phẩm

- Tinh quặng sắt Kíp Tước: 1.650.844/1.675.564 đồng/tấn, bằng 98,52 % KHN 2024, bằng 103,21 % năm 2023.

5. Công tác tiêu thụ

5.1. Về khối lượng sản phẩm tiêu thụ

- Tinh quặng sắt Kíp Tước: 71.612,065 tấn/ 85.000 tấn, đạt 84,25 % KHN 2024, bằng 80,35 % năm 2023.

5.2. Về giá bán bình quân các sản phẩm

- Tinh quặng sắt Kíp Tước: 2.040.954/1.740.000 đồng/tấn, đạt 117,30 % KHN 2024, bằng 120,86 % năm 2023.

6. Công tác đầu tư XDCB

Kế hoạch ĐTXD năm 2024: 10.985 triệu đồng.

Trong đó:

- Giá trị chuyển tiếp năm 2023: 7.785 triệu đồng.

- Dự án Làng Vinh, Làng Cọ: 200 triệu đồng.

- Đầu tư thiết bị duy trì SXKD 2024: 3.000 triệu đồng.

Năm 2024, do tình hình tài chính của Công ty gặp rất nhiều khó khăn nên Công ty chỉ thực hiện đầu tư chuyển tiếp năm 2023, với giá trị là 7.608 triệu đồng, đạt 69,25% KHN 2024

- Mua 01 máy xúc đào bánh xích, gầu 1,9 m³: 5.895 triệu đồng

- Mua 01 máy xúc lật bánh lốp, gầu 3,1 m³: 1.713 triệu đồng.

7. Công tác sửa chữa lớn các công trình kiến trúc

Tháng 12 năm 2024 Công ty tiến hành cải tạo, sửa chữa nhà công vụ khu văn phòng Công ty và Khu tập thể Công ty, dự kiến trước 31/5/2025 hoàn thành và đưa vào sử dụng với tổng số tiền là : **3.075 triệu đồng.**

Trong đó :

- Cải tạo, sửa chữa nhà công vụ khu văn phòng Công ty: 1.090 triệu đồng;

- Cải tạo, sửa chữa khu tập thể Công ty : 1.985 triệu đồng.

8. Công tác sửa chữa lớn, sửa chữa thường xuyên

- Chi phí SCL : 481/1.555 triệu đồng, bằng 30,93% KHN 2024, bằng 51,19% năm 2023.

- SCTX: 10.386/10.078 triệu đồng, bằng 103,06 % KHN 2024 và bằng 83,30 % năm 2023.

9. Chi phí An toàn môi trường

- Chi phí An toàn – VSLĐ: 954 /879 triệu, bằng 108,53 % KHN 2024, bằng 108,29 % năm 2023.

- Chi phí PCTT – TKCN, PNUCSC: 608/167 triệu, bằng 363,35 % KHN 2024 và bằng 410,81 % năm 2023.

- Chi phí bảo vệ MTTX: 205/124 triệu, bằng 166,02 % KHN 2024 và bằng 93,61% năm 2023.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN SXKD NĂM 2024

1. Những mặt đã làm được

- Lợi nhuận, nộp NSNN, thu nhập bình quân đạt vượt mức KHN 2024;

- Khối lượng tinh quặng sắt, khối lượng quặng nguyên khai đạt 100% KHN 2024;

- Công tác thăm dò, phát triển tài nguyên: Đã lập và thi công đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt xin cấp phép khai thác, kéo dài tuổi thọ mỏ sắt Kíp Tước trong những năm tiếp theo. Kết quả thi công đề án đạt mục tiêu đặt ra, đã khoanh nổi, nâng cấp được trữ lượng mỏ sắt Kíp Tước khoảng 400.000 tấn quặng cấp 122;

- Công tác quản lý sản xuất: Sau khi được gia hạn giấy phép khai thác mỏ sắt Kíp Tước, các phòng chuyên môn đã tập trung hoàn thiện hồ sơ thiết kế điều chỉnh trình thẩm định phê duyệt, hoàn thiện các thủ tục pháp lý như điều chỉnh chứng nhận đầu tư, gia hạn thuê đất, giấy an ninh trật tự,... đồng thời đôn đốc, giám sát phân xưởng trong quá trình sản xuất theo mục tiêu kế hoạch đề ra, tăng cường công tác sửa chữa máy móc thiết bị, ổn định dây chuyền công nghệ, đảm bảo mục tiêu an toàn lao động, bảo vệ môi trường, PCCC, không để xảy ra sự cố về AT-MT;

- Công tác bồi thường, GPMB bãi thải mỏ sắt Kíp Tước: Luôn bám sát các cơ quan chuyên môn có thẩm quyền, gần gũi, sâu sát với các hộ dân nằm trong kế hoạch GPMB để tìm phương án tối ưu, đảm bảo không để dừng sản xuất tại mỏ;

- Công ty đã phối hợp tốt với Tổng công ty và các khách hàng giao nhận tinh quặng sắt đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và biện pháp khắc phục

Những tồn tại, hạn chế

(1) Công tác bóc xúc đất đá thải Mỏ sắt Kíp Tước không đạt kế hoạch đề ra, chỉ đạt 261.383/400.000 m³, đạt 65,35% KHN 2024, kết thúc năm còn một số vị trí bị chập tầng tại bờ trụ khai trường, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn.

(2) Công tác xin cấp GPKT mỏ Caolin – Fenspat Hang Doi; công tác bồi thường, GPMB Mỏ sắt Kíp Tước và thực hiện điều chỉnh Dự án mỏ sắt Làng Vinh – Làng Cọ không đạt tiến độ đề ra do nhiều yếu tố khách quan làm ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch SXKD.

(3) Công tác lập dự toán còn hạn chế, việc quản lý chi phí, tập hợp hồ sơ thanh quyết toán chi phí còn chậm tiến độ.

(4) Công tác cơ giới hóa, hiện đại hóa, đầu tư đổi mới thiết bị, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào các lĩnh vực sản xuất (khai thác, tuyển khoáng) và quản lý của Công ty dù đã được chú trọng nhưng chưa có nhiều đột phá.

Nguyên nhân của những hạn chế

- *Nguyên nhân khách quan*: Do chủ trương chính sách, thực trạng công tác quản lý tài nguyên trên địa bàn tỉnh Lào Cai, các yêu cầu và quy định của các cơ quan Nhà nước thay đổi cùng với tình hình tài chính của Công ty còn gặp nhiều khó khăn.

- *Nguyên nhân chủ quan*: Năng lực chuyên môn, trình độ quản lý, sự ham học hỏi của một số CBCNV còn hạn chế; tinh thần trách nhiệm của một số cán bộ và người lao động chưa cao. Trong công tác quản lý, một số bộ phận chưa có mục tiêu cụ thể và kế hoạch chi tiết.

Biện pháp khắc phục

- Bám sát vào mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch HĐQT Công ty phê duyệt và Tổng công ty Khoáng sản - TKV thông qua để điều hành đồng bộ các giải pháp một cách phù hợp với diễn biến trên thị trường. Xây dựng chi tiết kế hoạch thực hiện theo từng tháng, quý, năm; xây dựng các giải pháp điều hành kế hoạch 2025 ngay từ đầu năm, tăng cường kiểm tra, giám sát và đánh giá thực hiện đối với từng giải pháp đã đề ra.

- Phát huy tinh thần đoàn kết, tính chủ động, sáng tạo của mỗi cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, đồng thời động viên kịp thời những ý tưởng hay, những việc làm tốt.

- Đẩy mạnh việc áp dụng tiến bộ khoa học, phát huy các sáng kiến vào sản xuất, cơ giới hóa, tự động hóa nhằm tăng năng suất, tiếp tục cải thiện điều kiện và môi trường làm việc cho người lao động.

PHẦN THỨ HAI: MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2025

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi

- Công ty tiếp tục nhận được sự quan tâm, ủng hộ, giúp đỡ của HĐQT, Tổng công ty Khoáng sản – TKV cũng như địa phương nơi đơn vị đứng chân.

- Tập thể CBCNV toàn Công ty luôn đoàn kết gắn bó, đồng thuận với mục tiêu xây dựng Công ty phát triển.

2. Khó khăn

- Chính sách thuế, phí tăng tạo sức ép lớn đối với công tác tài chính, Công ty vẫn phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền thuê đất, tiền kỹ quỹ cải tạo phục hồi môi trường... tại mỏ sắt Làng Vinh – Làng Cọ.

- Tình hình tài nguyên của Công ty ngày càng khó khăn do nợ hệ số bóc lớn, khai trường chật hẹp, công trường khai thác xuống sâu, điều kiện thi công khó khăn, hàm lượng sắt trong quặng nguyên khai giảm, thiết bị xuống cấp,...

- Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng gặp nhiều vướng mắc, chi phí thực hiện công tác GPMB lớn.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHUNG CỦA CÔNG TY

1. Mục tiêu

Dự kiến được những khó khăn trước mắt, Công ty chủ trương tiết giảm tối đa chi phí, tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả trong hoạt động SXKD. Khắc phục mọi khó khăn để tạo đủ việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, quyền lợi, chế độ chính sách của Nhà nước và người lao động.

2. Nhiệm vụ

- Đẩy mạnh sản xuất tinh quặng sắt tại mỏ Kíp Tước ngay từ đầu năm.

- Tìm kiếm đối tác phối hợp xin cấp GPKT mỏ Kaolin – Felspat mỏ Hang Dơi.

- Thực hiện xong công tác Đền bù giải phóng mặt bằng mỏ Kíp Tước, nộp hồ sơ xin cấp giấy phép khai thác nâng cấp trữ lượng mỏ Kíp Tước, phân đấu trước 15/4/2026 được cấp Giấy phép khai thác mỏ Kíp Tước.

- Hoàn thiện việc điều chỉnh dự án Làng Vinh, Làng Cọ cho phù hợp với tình hình thực tế, quyết toán từng phần giá trị đã ĐT XD CB mỏ sắt Làng Vinh, Làng Cọ.

Các chỉ tiêu về sản xuất năm 2025

Tinh quặng sắt Kíp Tước:	80.000 tấn.
Bốc xúc đất, đá thải Kíp Tước:	400.000 m ³ .
Bốc xúc đất đá ngoài bãi thải:	250.000 m ³

Các chỉ tiêu về tiêu thụ năm 2025

Tinh quặng sắt Kíp Tước:	90.000 tấn.
--------------------------	-------------

Các chỉ tiêu về giá trị chủ yếu năm 2025

Doanh thu:	177.930 triệu đồng.
Lợi nhuận trước thuế:	5.550 triệu đồng.
Nộp NSNN:	68.000 triệu đồng.
Lao động BQ sử dụng:	125 người.
Quỹ lương:	22.146 triệu đồng.

Tiền lương bình quân:	14,764 triệu đồng/người/tháng.
Đầu tư XDCCB:	8.760 triệu đồng.
- Dự án Làng Vinh, Làng Cọ:	100 triệu đồng.
- Đầu tư thiết bị phục vụ SXKD 2025 :	8.660 triệu đồng.

III. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2025.

Để hoàn thành kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2025, Công ty thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

1. Đối với công tác điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh

- Lấy mục tiêu đảm bảo ATLĐ, BVMT là hàng đầu, sản xuất phải đảm bảo tuyệt đối an toàn;

- Tiếp tục chấn chỉnh, duy trì kỷ luật, kỷ cương, quyết liệt và sâu sát hơn nữa trong hoạt động SXKD, đầu tư, phát triển tài nguyên. Xử lý nghiêm khắc đối với các trường hợp vi phạm các quy chế quản lý của Công ty;

- Triển khai giao các chỉ tiêu sản xuất ngay từ đầu năm (trước 05/01), hàng tháng giao kế hoạch khối lượng, duyệt kế hoạch cung ứng vật tư, tổ chức nghiệm thu tháng, quý đối với các Phân xưởng. Công tác thống kê cập nhật kết quả sản xuất thực hiện hàng ngày;

- Bám sát diễn biến thị trường để điều hành sản xuất; Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch; Ban Giám đốc công ty hàng tuần tổ chức giao ban tại Công ty, hàng tháng trước ngày 05-10 tổ chức sơ kết tháng và triển khai kế hoạch tháng tiếp theo, với thành phần là cán bộ chủ chốt Công ty và Phân xưởng;

- Tập trung hoàn thiện báo cáo tổng kết Đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng Mỏ sắt Kíp Tước. Lập Dự án điều chỉnh khai thác mỏ sắt Kíp Tước trình các cơ quan có thẩm quyền xin cấp GPKT, phân đấu trước 15/4/2026 được cấp GPKT mỏ sắt Kíp Tước;

- Tập trung nguồn lực (nhân lực + chi phí), phối hợp với Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng, UBND thành phố Lào Cai và các xã Thống Nhất, Hợp Thành, Cam Đường...đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác bồi thường, GPMB phục vụ công tác đồ thải tại Mỏ sắt Kíp Tước, phân đấu hết Quý 2/2025 thực hiện xong công tác GPMB Mỏ sắt Kíp Tước và hoàn thiện thủ tục thuê đất ngay trong đầu Quý 3/2025;

- Tìm đối tác, nghiên cứu phương án phối hợp đầu tư, xin cấp phép mỏ, liên doanh hoặc chuyển nhượng thu hồi vốn mỏ Caolin – Fenspat;

- Phối hợp với các phòng ban Tổng công ty và đơn vị tư vấn điều chỉnh dự án mỏ sắt Làng Vinh, Làng Cọ và quyết toán giá trị các hạng mục đã đầu tư XDCCB mỏ sắt Làng Vinh, Làng Cọ;

- Quyết liệt trong công tác điều hành, chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất; Duy trì mục tiêu đảm bảo ATMT, kiên quyết không để xảy ra các vụ mất ATLĐ nặng và sự cố môi trường loại I, II theo Quy định của VIMICO và Tập đoàn TKV.

2. Đối với công tác phát triển tài nguyên

- Tại mỏ sắt Kíp Tước: Do Giấy phép khai thác được gia hạn đến 15/4/2026 nên Công ty cần triển khai ngay một số việc như sau: (i) hoàn thiện báo cáo tổng kết Đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng Mỏ sắt Kíp Tước phê duyệt, trên cơ sở đó sẽ lập Dự án điều chỉnh khai thác mỏ sắt Kíp Tước trình các cơ quan có thẩm quyền xin cấp GPKT, phân đấu trước 15/4/2026 được cấp GPKT mỏ sắt Kíp Tước. (ii) Bám sát Tập đoàn TKV và Vimico trong quá trình làm việc với Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đề nghị không đấu giá quyền khai thác khoáng sản để làm thủ tục cấp giấy phép thăm dò mở rộng khu mỏ sắt Kíp Tước theo Quy hoạch 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ, phục vụ Dự án khai thác mở rộng mỏ sắt Kíp Tước, xã Hợp Thành, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

- Đối với mỏ Kaolin - Felspat Hang Dơi, Giáp Lai, Thanh Sơn, Phú Thọ: Tìm đối tác, nghiên cứu phương án phối hợp đầu tư, xin cấp phép mỏ, liên doanh hoặc chuyển nhượng thu hồi vốn.

- Đối với mỏ sắt Làng Vinh – Làng Cọ: Đẩy nhanh tiến độ điều chỉnh dự án, trình HĐQT, cơ quan ban ngành để kết thúc XDCB mỏ đưa vào sản xuất.

3. Đối với công tác Đầu tư xây dựng

- Tổng giá trị ĐTXD năm 2025: **8.760 triệu đồng**, bao gồm:

+ *Dự án Làng Vinh - Làng Cọ: 100 triệu đồng.*

+ *Đầu tư thiết bị phục vụ SXKD năm 2025: 8.660 triệu đồng.*

- Phối hợp chặt chẽ với đơn vị tư vấn trong việc rà soát, hoàn thiện các hồ sơ pháp lý phục vụ cho công tác Quyết toán đầu tư XDCB tại mỏ sắt Làng Vinh – Làng Cọ.

4. Đối với công tác quản lý kỹ thuật cơ bản

4.1. Công tác khai thác mỏ

- Cần tập trung đẩy mạnh khai thác, đặc biệt tại mỏ sắt Kíp Tước để chuẩn bị diện khai thác quặng, xây dựng kế hoạch tổng thể, cải tạo bờ vách, phân đấu toàn mỏ đạt sản lượng bóc đất, đá 400.000 m³, khai thác quặng NK 121.000 tấn, hàm lượng 38,8% Fe.

- Bốc xúc, vận chuyển đất đá ngoài bãi thải 250.000 m³.

- Duy trì đảm bảo các chỉ tiêu công nghệ khai thác và kỹ thuật khai trường, an toàn trong khai thác.

- Nâng cao chất lượng công tác quản lý kỹ thuật cơ bản mỏ, đảm bảo tính chủ động trong công tác điều hành, chỉ đạo sản xuất và tuân thủ các quy định về quản lý Nhà nước trong hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản.

- Bám sát kế hoạch và các giải pháp điều hành ngay từ tháng 01/2025, nâng cao chất lượng công tác khoan nổ mìn, công tác xúc, bốc, vận chuyển, làm đường.

4.2. Đối với công tác tuyển khoáng

- Quyết tâm tập trung nguồn lực để sản xuất, khối lượng tinh quặng sắt trung bình đạt 5.420 tấn/tháng với hàm lượng đạt > 63,5% Fe;

- Duy trì xưởng tuyển tận thu sản xuất ổn định, sản lượng tinh quặng phân đấu trung bình đạt 1.250 tấn/tháng, hàm lượng > 56% Fe.

4.3. Đối với công tác Cơ điện, SCTX, SCL

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, bảo dưỡng, SCTX, giám sát chặt chẽ các chỉ tiêu tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, vật tư phụ tùng thay thế (duy trì thực hiện thu cũ đổi mới vật tư).

- Xây dựng kế hoạch và thực hiện sửa chữa lớn đúng chu kỳ. Lập kế hoạch điều hành chi tiết công tác SCL từng quý, từng thiết bị, hết tháng kiểm điểm tiến độ, đánh giá chất lượng thực hiện.

5. Đối với công tác ATMT

Hoàn thiện các văn bản quy định, hướng dẫn về công tác ATLĐ. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền ATLĐ trong sản xuất. Bên cạnh đó, cần tăng cường công tác kiểm tra, phúc tra và xử lý nghiêm các trường hợp gây mất ATLĐ, gắn công tác ATLĐ với tiền lương sản xuất. Phần đấu năm 2025 không có tai nạn lao động nặng, nghiêm trọng, không có sự cố môi trường loại I, II.

6. Đối với công tác quản lý kinh tế

6.1. Công tác tài chính kế toán: Đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ, khoanh nợ; ổn định và cân đối được dòng tiền đáp ứng yêu cầu bồi thường, GPMB, ĐTXD, phục vụ sản xuất, nộp thuế phí.

6.2. Công tác quản trị chi phí: Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh nội bộ và các giải pháp cụ thể để triển khai. Theo đó, bám sát kế hoạch kỹ thuật được phê duyệt về sản lượng, điều hành đảm bảo về hiệu quả kinh tế theo tình hình thị trường tại từng thời điểm giá.

6.3. Công tác bán hàng: Thường xuyên theo dõi giá tinh quặng sắt trên thị trường, thực hiện bán tinh quặng sắt vào thời điểm phù hợp, đảm bảo hiệu quả.

6.4. Công tác mua sắm vật tư, nguyên liệu đầu vào: Thực hiện công tác mua sắm thông qua hình thức chào giá cạnh tranh, lấy chất lượng sản phẩm là hàng đầu. Ưu tiên ký hợp đồng với khách hàng chất lượng sản phẩm tốt, cung ứng lâu dài, giá ổn định.

7. Công tác lao động, tiền lương, chăm lo phát triển nguồn nhân lực

7.1. Công tác lao động:

- Tiếp tục triển khai Đề án tái cơ cấu Công ty về việc mô hình tổ chức, định biên lao động giai đoạn 2020-2025. Thực hiện quyết liệt các biện pháp đưa tỷ lệ lao động Công ty về theo quy định.

- Tuyển dụng lao động, bố trí lao động hợp lý đảm bảo tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả SXKD của Công ty.

- Tăng cường tuyên truyền nâng cao hơn nữa tinh thần trách nhiệm, tính tự giác, sáng tạo và thực hành tiết kiệm của CBCN trong lao động sản xuất.

- Kiện toàn công tác cán bộ cấp phòng, đơn vị để đáp ứng yêu cầu quản lý Công ty. Tuyển dụng các vị trí còn thiếu trong dây chuyền sản xuất để đảm bảo hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

7.2. Công tác tiền lương: Tiếp tục xây dựng phương án chi trả tiền lương gắn với hiệu quả công việc, ưu tiên tiền lương cho các vị trí quan trọng quyết định năng suất, hiệu quả của các phân xưởng, như: Công nhân vận hành máy xúc, ô tô, công nhân tuyển khoáng... đảm bảo công khai, minh bạch, qua đó khích lệ người lao động yên tâm lao động sản xuất.

7.3. Chăm lo phát triển nguồn nhân lực:

- Quan tâm chăm lo, xây dựng đội ngũ, phát triển nguồn nhân lực, cải thiện tiền lương, thu nhập, điều kiện làm việc cho NLĐ.

8. Công tác sáng kiến, cải tiến kỹ thuật hợp lý hóa sản xuất

- Quan tâm, tổ chức phát động và thực hiện sâu rộng phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất trong toàn Công ty, góp phần nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

9. Các mặt công tác khác


- Tiếp tục cập nhật, rà soát các quy chế, quy định nội bộ của Công ty cho phù hợp với mô hình hoạt động và quy định của Nhà nước, đẩy mạnh việc triển khai áp dụng.


- Tăng cường công tác quản lý bảo vệ tài nguyên khoáng sản, đặc biệt tại mỏ sắt Làng Vinh, Làng Cọ do vị trí nằm cách xa cơ quan quản lý điều hành.

Trên đây là báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico, kính trình Hội đồng quản trị Công ty xem xét phê duyệt ./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS, BGD;
- Website Công ty;
- Lưu HĐQT, VT.

PHÓ GIÁM ĐỐC 



Tạ Quốc Hùng

Số: *17* /BC-HĐQT

Lào Cai, ngày *03* tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Tại Đại hội ĐCĐ thường niên năm 2025

Kính gửi: Quý vị cổ đông Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico xin báo cáo Đại hội ĐCĐ thường niên năm 2025 về kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2024 và phương hướng, kế hoạch hoạt động năm 2025 như sau:

PHẦN 1
KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

1. Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico là Công ty cổ phần hoạt động theo luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, Công ty có trụ sở tại địa chỉ: Số 162A, tổ 7, phường Duyên Hải, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0500204315, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 26/8/2022; Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính là khai thác, chế biến quặng sắt.

2. Công ty có vốn điều lệ 35 tỷ VNĐ, tại thời điểm 31/12/2024 Công ty có vốn chủ sở hữu là 41,6 tỷ VNĐ, cổ đông góp vốn lớn nhất là Tổng công ty Khoáng sản TKV, chiếm 51% vốn điều lệ của Công ty.

3. Cơ cấu tổ chức của Công ty, gồm:

3.1 Nhân sự Thành viên HĐQT Công ty:

- Tổ chức nhân sự của HĐQT Công ty từ ngày 01/01/2024 đến 03/5/2024 có 05 thành viên, gồm:

- | | |
|--------------------------|------------------------------|
| (1) Ông Bùi Tiến Hải | - Chủ tịch HĐQT công ty; |
| (2) Ông Hoàng Minh Thắng | - Thành viên HĐQT- Giám đốc; |
| (3) Ông Cao Anh Hòa | - Thành viên HĐQT; |
| (4) Ông Lê Duy Thanh | - Thành viên HĐQT; |
| (5) Ông Phạm Ngọc Sơn | - Thành viên HĐQT. |

- Ngày 03/5/2024 Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 bầu ra nhân sự mới của Hội đồng quản trị.

Nhân sự HĐQT trong năm 2024 có sự thay đổi như sau:



TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ trong HĐQT	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT		Số nghị quyết/quyết định
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	
1	Bùi Tiến Hải	Chủ tịch		03/5/2024	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024 ngày 03/5/2024
2	Lê Tuấn Ngọc	Chủ tịch	03/5/2024		Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024 ngày 03/5/2024
3	Trần Minh Tuấn	Thành viên	03/5/2024		Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024 ngày 03/5/2024
4	Cao Anh Hào	Thành viên		03/5/2024	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024 ngày 03/5/2024

Đến thời điểm hiện tại HĐQT Công ty gồm 5 thành viên sau:

- (1) Ông Lê Tuấn Ngọc - Chủ tịch HĐQT;
- (2) Ông Hoàng Minh Thắng - Thành viên HĐQT - Giám đốc;
- (3) Ông Trần Minh Tuấn - Thành viên HĐQT;
- (4) Ông Lê Duy Thanh - Thành viên HĐQT;
- (5) Ông Phạm Ngọc Sơn - Thành viên HĐQT;

3.2. Nhân sự Ban kiểm soát Công ty:

Ban kiểm soát công ty hiện nay, gồm 3 thành viên

- (1) Lê Thanh Tùng - Trưởng ban kiểm soát Công ty;
- (2) Vũ Thị Thanh Hảo - Thành viên
- (3) Đinh Quang Hữu - Thành viên

Trong năm 2024 nhân sự BKS công ty có sự thay đổi như sau:

TT	Thành viên BKS	Chức vụ trong BKS	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS		Số nghị quyết/quyết định
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	
1	Đinh Quang Hữu	Thành viên	03/5/2024		Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024 ngày 03/5/2024
2	Nguyễn Thanh Quỳnh	Thành viên		03/5/2024	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024 ngày 03/5/2024

3.3. Ban Giám đốc, các Phòng chuyên môn và Phân xưởng sản xuất.

3.3.1 Ban Giám đốc hiện nay gồm 2 thành viên:

- (1) Ông Hoàng Minh Thắng - Giám đốc Công ty;
 (2) Ông Tạ Quốc Hùng - Phó giám đốc Công ty;

Trong năm 2024 nhân sự Ban lãnh đạo công ty đã có sự thay đổi lý do ông Hoàng Minh Thắng – Giám đốc Công ty được cử tham gia khóa đào tạo Tiếng Anh thuộc chương trình Đào tạo Tiếng Anh và Quản trị doanh nghiệp mở hiện đại niên khóa 2024 – 2025 theo Quyết định số 1894/QĐ-TKV ngày 14/10/2024 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, cụ thể như sau:

TT	Ban Giám đốc	Chức vụ trong BGD	Quản lý điều hành hoạt động Công ty		Số nghị quyết/quyết định
			Ngày nhận nhiệm vụ	Ngày miễn nhiệm vụ	
1	Hoàng Minh Thắng	Giám đốc		21/10/2024	- Nghị quyết số: 21/2024/NQ-HĐQT ngày 18/10/2024 - Quyết định số 25/QĐ-HĐQT ngày 18/10/2024 của Hội đồng quản trị về việc tạm thời thôi quản lý, điều hành Công ty CP Khoáng sản 3 – Vimico
2	Tạ Quốc Hùng	Phó giám đốc	21/10/2024		- Nghị quyết số: 21/2024/NQ-HĐQT ngày 18/10/2024 - Quyết định số 26/QĐ-HĐQT ngày 18/10/2024 của Hội đồng quản trị về việc giao nhiệm vụ cán bộ.

3.3.2 Các phòng ban chuyên môn và phân xưởng sản xuất

- Phòng chuyên môn: 04 Phòng chuyên môn giúp việc
- + Phòng Tổ chức – LĐTL
- + Phòng Kế hoạch – Đầu tư
- + Phòng Kỹ thuật - Cơ điện – ATMT
- + Phòng Tài chính – Kế toán

- Phân xưởng sản xuất: 02 Phân xưởng sản xuất.
- + Phân xưởng mỏ sắt Kíp Tước
- + Phân xưởng mỏ sắt Làng Vinh – Làng Cọ

PHẦN 2

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NĂM 2024

Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico đã triển khai kế hoạch SXKD theo Nghị quyết đại hội ĐCĐ trong điều kiện gặp rất nhiều khó khăn:

- Khâu bóc xúc đất đá thải chưa đáp ứng nhu cầu sản xuất do quá trình: Cấp giấy phép khai thác, phê duyệt Thiết kế cơ sở và Thiết kế bản vẽ thi công, xin cấp phép sử dụng dịch vụ nổ mìn, cấp giấy phép môi trường... kéo dài, phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, ngày 06/7/2024 Mỏ sắt Kíp Tước mới hoạt động trở lại.

- Công tác bồi thường, GPMB Mỏ sắt Kíp Tước gặp nhiều khó khăn do chưa có sự đồng thuận, phối hợp từ phía các hộ dân, đơn vị tư vấn thực hiện công tác nghiệm thu bản đồ chậm (đến đầu tháng 10/2024 mới hoàn thành). Tính đến ngày 05/3/2025 Công ty mới thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho 25/41 hộ dân với tổng số tiền là 5.130 triệu đồng.

- Mỏ sắt Làng Vinh - Làng Cọ dừng hoạt động, đang thực hiện điều chỉnh Dự án;

- Tháng 9/2024 do ảnh hưởng của bão Yagi mỏ sắt Kíp Tước phải dừng sản xuất dài ngày khắc phục hậu quả do bão gây ra (xưởng tuyển dừng sản xuất 17 ngày do mất điện).

Trước tình hình khó khăn đó Công ty đã nỗ lực duy trì hoạt động sản xuất, một số chỉ tiêu cơ bản đạt và vượt mức Kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra, việc làm, thu nhập cho người lao động nâng cao.

1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu SXKD

1.1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu SXKD năm 2024

1.1.1 Chỉ tiêu kinh tế

- Tổng doanh thu: 146.998/ 147.900 triệu đồng, 99,39 % KHN 2024, bằng 49,09 % năm 2023.
- Lợi nhuận trước thuế: 7.928/4.061 triệu đồng, đạt 195,22 % KHN 2024, bằng 90,07 % năm 2023.
- Quỹ tiền lương: 18.797/16.818 triệu đồng, đạt 111,76% KHN 2024, bằng 113,24 % năm 2023.

- Lao động BQSD: 118/123 người, đạt 95,93% KHN 2024, bằng 97,52 % năm 2023.
- Tiền lương bình quân: 13,27/11,25 triệu đồng/người/tháng, đạt 118,04% KHN 2024, bằng 116,13% năm 2023.
- Nộp NSNN: 58.352/48.002 triệu đồng, bằng 121,56 % KHN 2024, bằng 106,47 % năm 2023.
- Hệ số bảo toàn vốn: 1,099 lần, năm 2024 Công ty phát triển được vốn Chủ sở hữu.
- Hệ số nợ/vốn CSH: 2,256 lần Hệ số Nợ/vốn CSH được cải thiện so với năm 2023.

1.1.2 Chỉ tiêu sản lượng

- Tinh quặng sắt Kíp Tước: 78.294 tấn/ 78.200 tấn, đạt 100,12 % KHN 2024, bằng 108,95 % năm 2023.
- Khai thác quặng NK: 120.732 tấn/121.000 tấn, bằng 99,77 % KHN 2024 và bằng 100 % năm 2023.
- Bóc xúc đất đá thải mỏ Kíp Tước: 261.383/ 400.000 m³, đạt 65,35 % KHN 2024, và bằng 67,43 % năm 2023.
- Tiêu thụ: tinh quặng sắt Kíp Tước: 71.612,065 tấn/ 85.000 tấn, đạt 84,25 % KHN 2024, bằng 80,35 % năm 2023.

2. Đánh giá kết quả hoạt động của công ty

Năm 2024, Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico bước vào thực hiện kế hoạch SXKD theo nghị quyết Đại hội ĐCĐ trong điều kiện còn nhiều khó khăn. Tuy nhiên Công ty đã đạt được những thành tựu đáng kể:

- Lợi nhuận, nộp NSNN, thu nhập bình quân đạt vượt mức KHN 2024;
- Khối lượng tinh quặng sắt, khối lượng quặng nguyên khai đạt 100% KHN 2024;
- Công tác thăm dò, phát triển tài nguyên: Đã lập và thi công đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt xin cấp phép khai thác, kéo dài tuổi thọ mỏ sắt Kíp Tước trong những năm tiếp theo. Kết quả thi công đề án đạt mục tiêu đặt ra, đã khoan nôi, nâng cấp được trữ lượng mỏ sắt Kíp Tước khoảng 400.000 tấn quặng cấp 122;
- Công tác quản lý sản xuất: Sau khi được gia hạn giấy phép khai thác mỏ sắt Kíp Tước, các phòng chuyên môn đã tập trung hoàn thiện hồ sơ thiết kế điều chỉnh trình thẩm định phê duyệt, hoàn thiện các thủ tục pháp lý như điều chỉnh chứng nhận đầu tư, gia hạn thuê đất, giấy an ninh trật tự,... đồng thời đôn đốc, giám sát phân xưởng trong quá trình sản xuất theo mục tiêu kế hoạch đề ra, tăng cường công tác sửa chữa máy móc thiết bị, ổn định dây chuyền công nghệ, đảm bảo mục tiêu an toàn lao động, bảo vệ môi trường, PCCC, không để xảy ra sự cố về AT-MT;

- Công tác bồi thường, GPMB bãi thải mỏ sắt Kíp Tước: Luôn bám sát các cơ quan chuyên môn có thẩm quyền, gần gũi, sâu sát với các hộ dân nằm trong kế hoạch GPMB để tìm phương án tối ưu, đảm bảo không để dừng sản xuất tại mỏ;

- Công ty đã phối hợp tốt với Tổng công ty và các khách hàng giao nhận tinh quặng sắt đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, vẫn còn một số tồn tại, như sau:

(1) Công tác bóc xúc đất đá thải Mỏ sắt Kíp Tước không đạt kế hoạch đề ra, chỉ đạt 261.383/400.000 m³, đạt 65,35% KHN 2024, bờ trụ có nhiều vị trí bị chập tầng, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn.

(2) Công tác xin cấp GPKT mỏ Caolin – Fenspat Hang Dơi; công tác đền bù GPMB Mỏ sắt Kíp Tước và thực hiện điều chỉnh Dự án mỏ sắt Làng Vinh – Làng Cọ còn chậm... làm ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch SXKD.

(3) Công tác lập dự toán còn hạn chế, việc quản lý chi phí, tập hợp hồ sơ thanh quyết toán chi phí còn chậm tiến độ.

(4) Công tác cơ giới hóa, hiện đại hóa, đầu tư đổi mới thiết bị, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào các lĩnh vực sản xuất (khai thác, tuyển khoáng) và quản lý của Công ty chưa thực sự được chú trọng.

3. Kết quả công tác của HĐQT

Theo nhiệm vụ được phân công, các thành viên HĐQT đã phối hợp tốt với Ban điều hành công ty. Thực hiện đoàn kết, thống nhất, tiếp tục khẳng định vai trò lãnh đạo, dẫn dắt hoạt động SXKD của Công ty, từng bước vượt qua các khó khăn của năm 2024, kiểm soát tốt các hoạt động SXKD và đầu tư đảm bảo ổn định sản xuất.

Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức, chỉ đạo Ban điều hành triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội ĐCĐ một cách nghiêm túc và tổ chức họp 10 phiên, ban hành 28 nghị quyết liên quan đến hoạt động của Công ty. Các cuộc họp đa số đều có đủ số thành viên HĐQT tham dự. Các thành viên HĐQT đều thể hiện trách nhiệm, các Nghị quyết và Quyết định ban hành trên cơ sở ý kiến thống nhất của tất cả các thành viên, như: Kế hoạch SXKD; Bổ nhiệm nhân sự quản lý; Các hợp đồng mua bán thuộc thẩm quyền, ...

Trong năm 2024, HĐQT đã ban hành 04 văn bản liên quan đến quản trị Doanh nghiệp cụ thể như sau:

- Nghị quyết thông qua việc ban hành Quy chế quản lý cán bộ Công ty.
- Nghị quyết thông qua việc ban hành Quy chế quản lý công tác An toàn môi trường Công ty.
- Nghị quyết thông qua việc ban hành quy chế quản lý lao động và tiền lương Công ty.
- Nghị quyết thông qua việc ban hành quy chế quản lý đầu tư Công ty.

Hội đồng quản trị thường xuyên kiểm tra tình hình, đôn đốc Công ty triển khai thực hiện nghị quyết, phối hợp với ban điều hành kịp thời có các biện pháp phù hợp, điều chỉnh hoạt động SXKD của công ty, chấn chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các mặt quản lý trong quản trị doanh nghiệp.

Phối hợp với BKS công ty để tăng cường thực hiện chức năng giám sát, quản lý chỉ đạo công ty thực hiện các mục tiêu Đại hội ĐCĐ đề ra và tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Kết quả giám sát với Giám đốc và Ban điều hành Công ty

- Hội đồng quản trị Công ty đã thường xuyên thực hiện công tác giám sát, chỉ đạo hoạt động của BĐH Công ty; hỗ trợ tạo điều kiện tối đa để BĐH Công ty chủ động và đẩy mạnh các hoạt động SXKD nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch hàng năm đề ra.

- Giám đốc và Ban điều hành đã luôn bám sát phương hướng, nhiệm vụ đề ra hàng năm, bám sát tình hình thực tiễn, linh hoạt trong quá trình điều hành SXKD của Công ty, quá trình điều hành luôn thể hiện tinh thần, trách nhiệm cao đảm bảo năng suất, chất lượng sản phẩm. Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty cổ phần cũng như các quy chế nội bộ.

- Trong năm 2024, Ban điều hành dưới sự chỉ đạo và giám sát của HĐQT đã hoạt động nỗ lực, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao trong điều kiện sản xuất kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn.

- Việc kiểm tra, giám sát của HĐQT đều đúng thẩm quyền không gây cản trở hoạt động của Công ty và bộ máy điều hành. Việc kiểm tra, giám sát này giúp cho HĐQT làm việc tốt hơn. Qua kiểm tra, giám sát, HĐQT đã nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động SXKD của Công ty và có những chỉ đạo kịp thời đảm bảo hoạt động SXKD của Công ty đạt hiệu quả, hạn chế các rủi ro.

5. Thù lao của Hội đồng quản trị trong năm 2024

Ngày 03/5/2024, Đại hội ĐCĐ thường niên năm 2024 đã thảo luận và nghị quyết về thực hiện chi trả mức thù lao của TV HĐQT, BKS năm 2024, HĐQT báo cáo về mức thù lao của các Thành viên HĐQT năm 2024 được chi trả trong năm 2024. Căn cứ tình hình SXKD thực tế, các văn bản hướng dẫn của Nhà nước và Tổng công ty, thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị được Quyết toán bằng 120% so với kế hoạch năm 2024 (theo mức tăng của lợi nhuận). Cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Số người	Mức thù lao 1 tháng (6 tháng đầu năm)	Mức thù lao 1 tháng (6 tháng cuối năm)	Thù lao nhận theo KH	Thù lao 2024 tăng thêm do tăng lợi nhuận sơ với KH (20%)	Thù lao được quyết toán 2024
1	Chủ tịch HĐQT	1	4.800.000	7.200.000	72.000.000	14.400.000	86.400.000
2	Thành viên HĐQT	4	4.000.000	6.000.000	240.000.000	48.000.000	288.000.000

STT	Họ và tên	Số người	Mức thù lao 1 tháng (6 tháng đầu năm)	Mức thù lao 1 tháng (6 tháng cuối năm)	Thù lao nhận theo KH	Thù lao 2024 tăng thêm do tăng lợi nhuận sơ với KH (20%)	Thù lao được quyết toán 2024
3	Trưởng BKS	1	4.200.000	6.300.000	63.000.000	12.600.000	75.600.000
4	Thành viên BKS	2	4.000.000	6.000.000	120.000.000	24.000.000	144.000.000
	TỔNG CỘNG		12.200.000	18.300.000	423.000.000	84.600.000	594.000.000

PHẦN 3

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2025

I. Mục tiêu chung

- Chỉ đạo thực hiện chiến lược SXKD của Công ty: Duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh với các thị trường, khách hàng truyền thống mà Công ty hiện đang có, đẩy mạnh chính sách bán hàng, tiếp thị sản phẩm của công ty. Tích cực mở rộng thêm thị trường, tạo tiền đề cho phát triển các năm tiếp theo.

- Nâng cao năng lực tài chính: Tăng cường tích lũy nội bộ, gia tăng lợi nhuận. Sử dụng nguồn vốn hợp lý, tích cực thu hồi các khoản nợ, phải thu nhằm tăng khả năng cạnh tranh trong kinh doanh, tăng cường năng lực tài chính.

- Thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng sản phẩm, đầu tư nâng cấp đổi mới công nghệ nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, dịch vụ; đồng thời tiết kiệm điện năng, nguyên vật liệu. Công ty tập trung vào nhiệm vụ sản xuất kinh doanh nhưng mục tiêu ưu tiên hàng đầu là an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường và cảnh quan xung quanh nhà máy cũng như của người dân địa phương, hướng đến phát triển bền vững, gắn với trách nhiệm xã hội và quan tâm đến lợi ích cộng đồng, tạo đủ việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, quyền lợi, chế độ chính sách của Nhà nước và người lao động.

- Nghiên cứu và triển khai chỉ đạo Công ty thực hiện các giải pháp quản trị theo chiều sâu đảm bảo đáp ứng kịp thời yêu cầu nhiệm vụ SXKD và tăng năng lực cho Công ty, mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh.

II. Chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2025

Các chỉ tiêu về sản xuất năm 2025

Tình quặng sắt Kíp Tước: 80.000 tấn.

Bóc xúc đất, đá thải Kíp Tước: 400.000 m³.

Bóc xúc đất đá ngoài bãi thải:	250.000 m ³ .
Các chỉ tiêu về tiêu thụ năm 2025	
Tinh quặng sắt Kíp Tước:	90.000 tấn
Các chỉ tiêu về giá trị chủ yếu năm 2025	
Doanh thu:	177.930 triệu đồng.
Lợi nhuận trước thuế:	5.550 triệu đồng.
Nộp NSNN:	68.000 triệu đồng.
Lao động BQ sử dụng:	125 người.
Quỹ lương:	22.146 triệu đồng.
Tiền lương bình quân:	14,76 trđ/người/tháng.
Đầu tư XDCB :	8.760 triệu đồng.
- Dự án Làng Vinh, Làng Cọ:	100 triệu đồng.
- Đầu tư thiết bị duy trì SXKD 2025 :	8.660 triệu đồng.

III. Phương hướng hoạt động của HĐQT

1. Chỉ đạo Ban điều hành công ty giải quyết dứt điểm các vướng mắc trong quá trình đền bù, giải phóng mặt bằng tại mỏ sắt Kíp Tước coi đây là nhiệm vụ ưu tiên trong năm 2025.

2. Xác định rõ định hướng thị trường chủ yếu để xây dựng chiến lược đầu tư, chiến lược phát triển thị trường đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Công ty.

3. Thực hiện thành công Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên 2025. Chỉ đạo thực hiện tốt các chỉ tiêu tài chính giai đoạn mới, đảm bảo cân đối và thu xếp vốn để thực hiện đầu tư, đáp ứng yêu cầu SXKD, cố gắng từng bước phát triển nguồn vốn. Đẩy mạnh quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro.

4. Chỉ đạo Ban điều hành công ty thực hiện các giải pháp nâng cao các mặt quản lý, nâng cao, đổi mới công tác quản trị, đẩy mạnh công tác quản lý kỹ thuật cơ bản. Tiếp tục kiện toàn sắp xếp lại tổ chức sản xuất nhằm nâng cao hiệu suất lao động, tăng cường hiệu quả SXKD. Chỉ đạo tổ chức thực hiện hoàn thành cơ bản cơ cấu nhân sự bộ máy tổ chức quản lý điều hành toàn Công ty. Có kế hoạch cán bộ dài hạn và đào tạo nguồn nhân lực trẻ có trình độ cao trong quy hoạch. Chú trọng phát triển lực lượng sản xuất, đảm bảo đội ngũ công nhân lành nghề và lực lượng cán bộ quản lý có trình độ cao.

5. Phối hợp cùng Ban kiểm soát công ty chỉ đạo Ban điều hành tăng cường nhận diện các rủi ro trong sản xuất, đặc biệt là rủi ro thị trường tiêu thụ để có phương án tiêu thụ tốt hơn.


6. Đẩy mạnh công tác thăm dò, phát triển tài nguyên, định hướng tài nguyên để xây dựng chiến lược đầu tư, chiến lược phát triển đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Công ty.

7. Tập trung mọi nguồn lực, chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ hoàn thành dự án điều chỉnh mỏ sắt Làng Vinh – Làng Cọ để phục vụ công tác quyết toán đầu tư và hoàn thành các thủ tục pháp lý theo đúng quy định của Nhà nước.

8. Thực hiện pháp luật về an toàn lao động, an toàn môi trường, an ninh trật tự trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

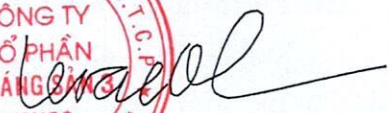
9. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng các cuộc họp của Hội đồng quản trị, nâng cao hơn trách nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình. Tiếp tục xây dựng hệ thống văn bản quản lý phù hợp với quy định của Pháp luật và tình hình thực tế của Công ty. Chỉ đạo rà soát, sửa đổi và ban hành các quy chế, quy định theo thẩm quyền để ban hành thực hiện thống nhất trong Công ty. Trên đây là báo cáo của HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico về kết quả hoạt động năm 2024 và phương hướng, kế hoạch hoạt động năm 2025

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận: 
- Như trên;
- Lưu VP; HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**




Lê Tuấn Ngọc

Số: 18 /TTr-HĐQT

Lào Cai, ngày 08 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/7/2008; sửa đổi, bổ sung lần thứ 6 được ban hành kèm theo Quyết định số 55/QĐ – KS3 ngày 05/7/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã kiểm toán, các chỉ tiêu chính bao gồm:

Đơn vị tính: đồng.

Chỉ tiêu	Mã số	Dư 31/12/2024	Dư 01/01/2024
I. Tài sản ngắn hạn	100-BCĐKT	72.900.785.051	75.440.295.134
II. Tài sản dài hạn	200-BCĐKT	62.440.366.763	70.458.547.232
III. Nợ phải trả	300-BCĐKT	93.776.811.727	108.084.026.252
1. Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	84.484.046.200	105.620.993.067
2. Nợ dài hạn	330-BCĐKT	9.292.765.527	2.463.033.185
IV. Nguồn vốn chủ sở hữu	400-BCĐKT	41.564.340.087	37.814.816.114
1. Vốn của chủ sở hữu	410-BCĐKT	41.564.340.087	37.814.816.114
Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411-BCĐKT	35.000.000.000	35.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.867.663.697	118.139.724
V. Kết quả kinh doanh		Năm 2024	Năm 2023
1. Tổng doanh thu		146.998.404.023	299.418.255.426
2. Tổng chi phí		139.070.659.655	290.615.765.028
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	50-BCKQKD	7.927.744.368	8.802.490.398
4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60-BCKQKD	3.867.663.697	6.830.886.810
VI. Chỉ tiêu khác		Năm 2024	Năm 2023
1. Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách		50.880.865.081	47.747.081.863
2. Lợi nhuận trước thuế/vốn CSH (%)		19,07%	25,59%
3. Lợi nhuận sau thuế/vốn CSH (%)		9,31%	19,86%
4. Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản (%)		2,86%	4,33%
5. Tổng số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (lần)		2,26	2,86

Báo cáo tài chính năm 2024 sau kiểm toán đã được đăng tải trên Website của Công ty <http://khoangsan3.com.vn>

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico xem xét, thông qua./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN 3
VIMICO
TP. LAO CAI
Lê Tuấn Ngọc

Số: 19 /TTr – HĐQT

Lào Cai, ngày 03 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

Vv thông qua phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ năm 2024 Kế hoạch năm 2025

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/07/2008; sửa đổi, bổ sung lần thứ 6 được ban hành kèm theo Quyết định số 55/QĐ – KS3 ngày 05/7/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã kiểm toán,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua:

I. Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ năm 2024

- LN trước thuế TNDN năm 2024:	7.927.744.368 đồng.
- Thuế TNDN năm 2024:	4.060.080.671 đồng.
- Lợi nhuận được phân phối năm 2024:	3.867.663.697 đồng.
- Phương án Phân phối lợi nhuận:	
+ Chi trả cổ tức (5,0%) :	1.750.000.000 đồng.
+ Phân bổ các quỹ:	
Trích quỹ khen thưởng - phúc lợi:	2.020.913.697 đồng.
Trích quỹ thưởng người QLDN:	96.750.000 đồng.

II. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025

Trong năm tài chính 2025, lợi nhuận được phân phối dự kiến là 4.440.000.000 đồng. Năm 2025 công ty dự kiến chi trả cổ tức tỷ lệ $\geq 4\%$ và thực hiện trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng - phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và thông qua. /

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Đăng trên Website Công ty;
- Lưu HĐQT, VT.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Tuấn Ngọc

Số: 20/BC-BKS

Lào Cai, ngày 03 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT KỲ NĂM 2024

Kính gửi: Quý vị cổ đông Công ty cổ phần khoáng sản 3 - Vimico

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần khoáng sản 3 - Vimico.

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty kết quả hoạt động của BKS năm 2024 và phương hướng, kế hoạch hoạt động năm 2025 như sau:

I. Tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát:

Tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 03/05/2024 tại Công ty cổ phần khoáng sản 3 – Vimico, đã thông qua Nghị quyết miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát và thông qua kết quả bầu cử thay đổi thành viên Ban kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2023-2028 với 03 thành viên, gồm:

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ, nơi công tác
1.	Lê Thanh Tùng	14/10/1988	Cử nhân kinh tế	CV- P.TCKT Tổng công ty khoáng sản - TKV
2.	Vũ Thị Thanh Hào	30/03/1983	Kỹ sư	PTP. Kế hoạch Tổng công ty khoáng sản - TKV
3.	Đình Quang Hữu*	02/10/1982	Cử nhân luật	Giám đốc Công ty luật TNHH Hữu Lý

(*). Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 03/05/2024 đã thông qua việc miễn nhiệm ông Nguyễn Thanh Quỳnh – TV Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028 và thông qua kết quả bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát công ty nhiệm kỳ 2023-2028 là ông Đình Quang Hữu.

Các thành viên BKS đều độc lập, không giữ các chức vụ quản lý, không làm việc tại bộ phận kế toán của Công ty:

- Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS đã được ĐHĐCĐ thông qua và ban hành làm cơ sở, căn cứ cho các hoạt động của Ban.

- BKS có các nhiệm vụ chính sau: Kiểm soát hoạt động quản lý, điều hành của Chủ tịch HĐQT, Giám đốc đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, chủ sở hữu công ty, điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của đơn vị; Thực hiện theo quy định về chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Thường xuyên tham gia các cuộc họp của HĐQT để nắm bắt tình hình SXKD của Cty, theo dõi việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các NQ của HĐQT, lưu ý HĐQT và Ban điều hành về việc thực hiện các NQ này để đảm bảo các NQ đưa ra được triển khai một cách triệt để, đúng quy định; Công tác thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, các báo cáo khác trước khi trình chủ sở hữu và cơ quan liên quan; thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Cty, chịu trách nhiệm thực hiện chương trình kiểm soát định kỳ Quý và cả năm, lập Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát báo cáo Vimico và trình ĐHĐCĐ thường niên.

II. Kết quả hoạt động của BKS:

1. Kết quả giám sát tình hình thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên trong năm 2024 của Công ty đã đạt kết quả như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2024	Nghị quyết ĐHĐCĐ 2024	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch
1. Tổng D/thu	Tr.đ	146.998	147.900	98,85%
2. Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	7.928	4.061	195,22%
3. Nộp ngân sách	Tr.đ	58.352	48.002	121,56%
4. Các chỉ tiêu sản lượng chính				
+ TQ sắt Kíp Tước	Tấn	78.294	78.200	100,12%
+ TQ sắt Làng Vinh – Làng Cọ	Tấn	-	-	-
+ Quặng sắt NK	Tấn	120.732	121.000	99,77%
+ Bóc xúc, đất đá thải mỏ sắt Kíp Tước	M ³	261.383	400.000	65,35%
5. Các chỉ tiêu tiêu thụ				
+ TQ sắt Kíp Tước	Tấn	71.612,065	85.000	84,25%
6. Lao động BQ	Người	118	123	95,93%
7. Thu nhập BQ	Tr.đ	13,27	11,25	117,96%
8. Giá trị đầu tư xây dựng	Tr.đ	8.760	10.985	79,75%

Lợi nhuận năm 2024 đạt 195,22% kế hoạch do giá bán bình quân 2.040.954/1.688.626 đồng/tấn TQ sắt bằng 120,86% cùng kỳ năm 2023.

2. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban Giám đốc và kết quả giám sát đối với HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc đã có sự phối hợp hoạt động trên tinh thần xây dựng hợp tác. Các Nghị quyết của HĐQT đều được Ban Kiểm soát giám sát tính đúng đắn và quá trình thực hiện. BKS được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT trong kỳ, các ý kiến đóng góp của BKS được ghi nhận và thực hiện.

Trong năm 2024, HĐQT công ty đã tiến hành 10 phiên họp và ban hành 28 Nghị quyết liên quan đến hoạt động của công ty như sau:

- Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐQT ngày 29/01/2024 về việc Thông qua kết quả SXKD, ĐTXD năm 2024 của Công ty CP Khoáng sản 3 – Vimico;

Kết quả thực hiện: Ban hành Quyết định số 27/QĐ-KS3 ngày 29/01/2024 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt kết quả SXKD, ĐTXD năm 2023 và kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2024 Công ty CP Khoáng sản 3 – Vimico;

- Nghị quyết số: 02/2024/NQ-HĐQT ngày 29/01/2024 về việc thống nhất phê duyệt quỹ lương thực hiện năm 2023;

Kết quả thực hiện: Ban hành Quyết định số 28/QĐ-KS3 ngày 29/01/2024 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt quỹ lương thực hiện năm 2023;

- Nghị quyết số: 03/2024/NQ-HĐQT ngày 29/01/2024 về việc thông qua phương án thuê tài chính cho các thiết bị của gói thầu thuộc Dự án: Đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2022 (điều chỉnh);

Kết quả thực hiện: Ban hành Quyết định số 26/QĐ-KS3 ngày 29/01/2024 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt phương án thuê tài chính cho các thiết bị của gói thầu thuộc Dự án: Đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2022 (điều chỉnh);

- Nghị quyết số: 04/2024/NQ-HĐQT ngày 29/01/2024 về việc thông qua Quy chế quản lý cán bộ Công ty CP Khoáng sản 3 – Vimico;

Kết quả thực hiện: Ban hành Quyết định số 29/QĐ-KS3 ngày 29/01/2024 của Hội đồng quản trị về việc Ban hành Quy chế quản lý cán bộ Công ty CP Khoáng sản 3 – Vimico;

- Nghị quyết số: 05/2024/NQ-HĐQT ngày 29/01/2024 về việc thông qua kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2024;

Kết quả thực hiện: Ban hành Quyết định số 30/QĐ-KS3 ngày 29/01/2024 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2024;

- Nghị quyết số: 06/2024/NQ-HĐQT ngày 26/03/2024 về việc thông qua nội dung các Tờ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty CP Khoáng sản 3 - Vimico;

- Nghị quyết số: 07/2024/NQ-HĐQT ngày 16/04/2024 về việc thay đổi thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 Công ty CP Khoáng sản 3 – Vimico;

Kết quả thực hiện: Ra Thông báo số 03/2024/TB-HĐQT ngày 16/04/2024 về việc thay đổi thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;

- Nghị quyết số: 08/2024/NQ-HĐQT ngày 16/04/2024 về việc thông qua Phương án GPMB dự án: Đầu tư mở rộng công suất khai thác và tuyển quặng mỏ sắt Kíp Tước – Lào Cai đạt 100.000 tấn quặng tinh/năm;

Kết quả thực hiện: Ban hành Quyết định số 45/QĐ-KS3 ngày 16/04/2024 của Hội đồng quản trị về việc thông qua Phương án GPMB dự án: Đầu tư mở rộng công suất khai thác và tuyển quặng mỏ sắt Kíp Tước – Lào Cai đạt 100.000 tấn quặng tinh/năm;

- Nghị quyết số: 09/2024/NQ-HĐQT ngày 03/05/2024 về việc miễn nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Khoáng sản 3 – Vimico nhiệm kỳ 2023-2028;

- Nghị quyết số: 10/2024/NQ-HĐQT ngày 03/05/2024 về việc bổ nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Khoáng sản 3 – Vimico nhiệm kỳ 2023-2028;

- Nghị quyết số: 11/2024/NQ-HĐQT ngày 03/05/2024 về việc thông qua lựa chọn đơn vị cung cấp tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty CP Khoáng sản 3 – Vimico;

Kết quả thực hiện: Ban hành Quyết định số 48/QĐ-KS3 ngày 03/05/2024 của Hội đồng quản trị về việc lựa chọn đơn vị cung cấp tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty CP Khoáng sản 3 – Vimico;

- Nghị quyết số: 12/2024/NQ-HĐQT ngày 19/06/2024 về việc thông qua chủ trương bổ nhiệm chức vụ Trưởng phòng Kỹ thuật – Cơ điện – An toàn môi trường;

- Nghị quyết số: 13/2024/NQ-HĐQT ngày 19/06/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án: Đầu tư mở rộng công suất khai thác và tuyển quặng mỏ sắt Kíp Tước – Lào Cai đạt 100.000 tấn quặng tinh/năm;

Kết quả thực hiện: Ban hành Quyết định số 59/QĐ-KS3 ngày 19/06/2024 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án: Đầu tư mở rộng công suất khai thác và tuyển quặng mỏ sắt Kíp Tước – Lào Cai đạt 100.000 tấn quặng tinh/năm;

- Nghị quyết số: 14/2024/NQ-HĐQT ngày 19/06/2024 về việc Thông qua việc thanh lý Tài sản cố định là máy móc thiết bị đã qua sử dụng;

Kết quả thực hiện: Ban hành Quyết định số 60/QĐ-KS3 ngày 19/06/2024 của Hội đồng quản trị về việc thanh lý Tài sản cố định là máy móc thiết bị đã qua sử dụng;

- Nghị quyết số: 15/2024/NQ-HĐQT ngày 04/07/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh dự án: Đầu

tư mở rộng công suất khai thác và tuyển quặng mỏ sắt Kíp Tước – Lào Cai đạt 100.000 tấn quặng tinh/năm;

Kết quả thực hiện: Ban hành Quyết định số 75/QĐ-KS3 ngày 04/07/2024 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh dự án: Đầu tư mở rộng công suất khai thác và tuyển quặng mỏ sắt Kíp Tước – Lào Cai đạt 100.000 tấn quặng tinh/năm;

- Nghị quyết số: 16/2024/NQ-HĐQT ngày 19/08/2024 về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế kỹ thuật dự án: Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2024;

- Nghị quyết số: 17/2024/NQ-HĐQT ngày 19/08/2024 về việc thông qua Quy chế quản lý công tác An toàn – Môi trường Công ty CP Khoáng sản 3 – Vimico;

Kết quả thực hiện: Ban hành Quyết định số 19/QĐ-HĐQT ngày 19/08/2024 của Hội đồng quản trị về việc Ban hành Quy chế quản lý công tác An toàn – Môi trường Công ty CP Khoáng sản 3 – Vimico;

- Nghị quyết số: 18/2024/NQ-HĐQT ngày 19/08/2024 về việc Thông qua việc thanh lý Tài sản cố định là máy móc thiết bị đã qua sử dụng lần 2;

Kết quả thực hiện: Ban hành Quyết định số 20/QĐ-HĐQT ngày 19/08/2024 của Hội đồng quản trị về việc thanh lý Tài sản cố định là máy móc thiết bị đã qua sử dụng;

- Nghị quyết số: 19/2024/NQ-HĐQT ngày 19/08/2024 về việc thông qua chủ trương, thực hiện quy trình bổ nhiệm lại chức vụ Trưởng phòng Kế hoạch – Đầu tư công ty;

- Nghị quyết số: 20/2024/NQ-HĐQT ngày 04/09/2024 về việc phê duyệt Đề án “Thăm dò nâng cấp trữ lượng trong phạm vi ranh giới Giấy phép khai thác khoáng sản số 52/GP-BTNMT mỏ sắt Kíp Tước xã Hợp Thành, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai”;

Kết quả thực hiện: Ban hành Quyết định số 23/QĐ-HĐQT ngày 04/09/2024 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt Đề án “Thăm dò nâng cấp trữ lượng trong phạm vi ranh giới Giấy phép khai thác khoáng sản số 52/GP-BTNMT mỏ sắt Kíp Tước xã Hợp Thành, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai”;

- Nghị quyết số: 21/2024/NQ-HĐQT ngày 18/10/2024 về việc thông qua việc tạm thời thôi quản lý điều hành Công ty CP Khoáng sản 3 – Vimico đối với giám đốc công ty và giao nhiệm vụ cán bộ thay thế;

Kết quả thực hiện: Ban hành Quyết định số 25/QĐ-HĐQT ngày 18/10/2024 của Hội đồng quản trị về việc tạm thời thôi quản lý, điều hành Công ty CP Khoáng sản 3 – Vimico và Quyết định số 26/QĐ-HĐQT ngày 18/10/2024 của Hội đồng quản trị về việc giao nhiệm vụ cán bộ;

- Nghị quyết số: 22/2024/NQ-HĐQT ngày 09/12/2024 về việc thông qua hệ thống thang bảng lương áp dụng tại công ty CP Khoáng sản 3 - Vimico;

Kết quả thực hiện: Ban hành Quyết định số 41/QĐ-HĐQT ngày 09/12/2024 của Hội đồng quản trị về việc Ban hành hệ thống thang bảng lương áp dụng tại công ty CP Khoáng sản 3 – Vimico;

- Nghị quyết số: 23/2024/NQ-HĐQT ngày 09/12/2024 về việc thông qua Quy chế quản lý lao động và tiền lương Công ty CP Khoáng sản 3 - Vimico;

Kết quả thực hiện: Ban hành Quyết định số 40/QĐ-HĐQT ngày 09/12/2024 của Hội đồng quản trị về việc Ban hành Quy chế quản lý lao động và tiền lương Công ty CP Khoáng sản 3 - Vimico;

- Nghị quyết số: 24/2024/NQ-HĐQT ngày 09/12/2024 về việc thông qua Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng Công ty CP Khoáng sản 3 - Vimico;

Kết quả thực hiện: Ban hành Quyết định số 42/QĐ-HĐQT ngày 09/12/2024 của Hội đồng quản trị về việc Ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng Công ty CP Khoáng sản 3 - Vimico;

- Nghị quyết số: 26/2024/NQ-HĐQT ngày 09/12/2024 về việc phê duyệt Dự án: Đầu tư thiết bị phục vụ SXKD năm 2024 điều chỉnh và Kế hoạch LCNT Dự án: Đầu tư thiết bị phục vụ SXKD năm 2024 điều chỉnh;

Kết quả thực hiện: Ban hành Quyết định số 44/QĐ-HĐQT ngày 09/12/2024 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt dự án: Đầu tư thiết bị phục vụ SXKD năm 2024 điều chỉnh và Quyết định số 48/QĐ-HĐQT ngày 30/12/2024 của Hội đồng quản trị về việc Kế hoạch LCNT Dự án: Đầu tư thiết bị phục vụ SXKD năm 2024 điều chỉnh;

- Nghị quyết số: 27/2024/NQ-HĐQT ngày 09/12/2024 về việc thông qua việc điều chỉnh mức tiền lương Người quản lý Công ty CP Khoáng sản 3 – Vimico năm 2024;

Kết quả thực hiện: Ban hành Quyết định số 46/QĐ-HĐQT ngày 09/12/2024 của Hội đồng quản trị về việc điều chỉnh mức tiền lương Người quản lý Công ty CP Khoáng sản 3 – Vimico năm 2024;

- Nghị quyết số: 28/2024/NQ-HĐQT ngày 09/12/2024 về việc thông qua phương án trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho Công ty CP Khoáng sản 3 - Vimico;

Kết quả thực hiện: Ban hành Quyết định số 47/QĐ-HĐQT ngày 09/12/2024 của Hội đồng quản trị về việc thông qua phương án trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho Công ty CP Khoáng sản 3 - Vimico;

- Nghị quyết số: 29/2024/NQ-HĐQT ngày 09/12/2024 về việc phê duyệt Thiết kế BVTC- Dự toán hạng mục làm đường (điều chỉnh) và rà soát chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án: “Khai thác lộ thiên mỏ sắt Làng Vinh, xã Võ Lao – Làng Cọ, xã Văn Sơn, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai”;

Kết quả thực hiện: Ban hành Quyết định số 48/QĐ-HĐQT ngày 09/12/2024 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt Thiết kế BVTC- Dự toán hạng mục làm đường (điều chỉnh);

Trong năm 2024 nhân sự Ban lãnh đạo công ty đã có sự thay đổi lý do ông Hoàng Minh Thắng – Giám đốc Công ty được cử tham gia khóa đào tạo Tiếng Anh thuộc chương trình Đào tạo Tiếng Anh và Quản trị doanh nghiệp mở hiện đại niên khóa 2024 – 2025 theo Quyết định số 1894/QĐ-TKV ngày 14/10/2024 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, cụ thể như sau:

TT	Ban Giám đốc	Chức vụ trong BGD	Quản lý điều hành hoạt động Công ty		Số nghị quyết/quyết định
			Ngày nhận nhiệm vụ	Ngày miễn nhiệm vụ	
1	Hoàng Minh Thắng	Giám đốc		21/10/2024	- Nghị quyết số: 21/2024/NQ-HĐQT ngày 18/10/2024 - Quyết định số 25/QĐ-HĐQT ngày 18/10/2024 của Hội đồng quản trị về việc tạm thời thôi quản lý, điều hành Công ty CP Khoáng sản 3 – Vimico
2	Tạ Quốc Hùng	Phó giám đốc	21/10/2024		- Nghị quyết số: 21/2024/NQ-HĐQT ngày 18/10/2024 - Quyết định số 26/QĐ-HĐQT ngày 18/10/2024 của Hội đồng quản trị về việc giao nhiệm vụ cán bộ.

Cơ cấu phòng ban, phân xưởng tổ chức hoạt động của công ty năm 2024, như sau:

- Phòng chuyên môn: 04 Phòng chuyên môn giúp việc
- + Phòng Tổ chức – LĐTL;
- + Phòng Kế hoạch – Đầu tư;
- + Phòng Kỹ thuật - Cơ điện – ATMT;
- + Phòng Tài chính – Kế toán;
- Phân xưởng sản xuất: 02 Phân xưởng sản xuất.
- + Phân xưởng mỏ sắt Kíp Tước
- + Phân xưởng mỏ sắt Làng Vinh – Làng Cọ

3. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2024:

- Một số chỉ tiêu chính của BCTC:

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Cuối kỳ 31/12/2023	Thời điểm 31/12/2024	Ghi chú
Tổng tài sản	145,833	135,341	
Nợ phải trả	108,08	93,777	
Vốn chủ sở hữu	37,815	41,564	
Doanh thu thuần	298,206	146,205	
Lợi nhuận sau thuế	6,831	3,868	
Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	0,70	0,86	
Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,47	0,50	
Hệ số Nợ/Tổng TS (lần)	0,74	0,69	
Hệ số Nợ/ VCSH (lần)	2,86	2,26	
Hệ số LNST/ DTT (%)	2,29	2,65	
Hệ số LNST/ VCSH (%)	19,86	9,305	
Hệ số LNST/ Tổng TS (%)	4,33	2,86	

Qua xem xét thẩm định Báo cáo tài chính từng năm, Ban kiểm soát có đánh giá như sau :

+) Về Hệ số LNST/ DTT (ROS) = 2,65% chứng tỏ Công ty có lãi năm 2024 nhưng so với ROS = 5,14% của ngành khai khoáng thì vẫn ở mức thấp và chưa đạt hiệu quả kinh tế cao;

+) Về Hệ số LNST/ VCSH (ROE) = 9,305% chứng tỏ Công ty hoạt động có hiệu quả (so với ROE = 8,45% của toàn ngành khai khoáng đã vượt 0,855%);

+) Về Hệ số LNST/ Tổng tài sản (ROA) = 2,86% chứng tỏ hiệu quả đầu tư của Công ty không cao so với ROA = 4,24% của ngành khai khoáng;

Chú thích: Dữ liệu lấy tại <https://finance.vietstock.vn/du-lieu-nganh.htm>

+) Về Hệ số thanh toán ngắn hạn là 0,86 lần < 1 và hệ số thanh toán nhanh là 0,50 lần < 1 thể hiện khả năng thanh toán trong ngắn hạn của Công ty tuy đã cải thiện so với năm 2023 nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, dễ có nguy cơ không thanh toán được các khoản nợ đến hạn trong ngắn hạn và sẽ ảnh hưởng đến dòng tiền phục vụ hoạt động SXKD của Công ty;

- Về kết cấu các khoản chi phí:

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		Ghi chú
	Giá trị (Tr.đồng)	Tỷ lệ (%) / TDT	Giá trị (Tr.đồng)	Tỷ lệ (%) / TDT	
Giá vốn hàng bán	275.625	92,07	108.297	74,07	
Chi phí tài chính	1.144	0,38	591,37	0,4	
Chi phí quản lý	12.726	4,25	17.810	12,18	
Chi phí khác	1.056	0,35	12.373	8,46	
Tổng:	290.551	97,06	139.071	95,12	

Giá thành sản phẩm TQ sắt là 1.382.168 /1.501.287 đồng/tấn, bằng 92,07 % KHN 2024, bằng 92,58% năm 2023. Chúng tôi công ty đã chú trọng quản lý, điều hành tiết kiệm chi phí ở các khâu sản xuất để giảm giá thành sản phẩm. Tuy vậy, có các khoản chi phí tăng đột biến cần lưu ý như:

- Chi phí quản lý doanh nghiệp: 17.810 triệu đồng, chiếm 12,18% doanh thu;
- Chi phí khác: 12.373 triệu đồng, chiếm 8,46% doanh thu

4. Công tác lao động tiền lương:

NỘI DUNG	ĐƠN VỊ	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
Lao động đầu kỳ	người	120	117	
Lao động tăng trong kỳ	người	08	08	
Lao động giảm trong kỳ	người	11	09	
Lao động cuối kỳ	người	117	116	
Lao động bình quân sử dụng	người	121	118	
Quỹ lương quyết toán	Tr.đồng	16.598	18.797	
Tiền lương bình quân	Tr.đồng	11,43	13,27	

Đầu năm Công ty đã tiến hành tạm giao đơn giá tiền lương để tạm tính tiền lương các tháng 1,2,3 năm 2024. Đến tháng 5 năm 2024 sau khi được Đại hội đồng cổ động phê duyệt quỹ lương kế hoạch năm 2024, Công ty đã kế hoạch hóa việc sử dụng quỹ lương, trích lập dự phòng, khen thưởng theo đúng tỷ lệ trích

15% sau đó phân bổ 85% vào đơn giá tiền lương cho người lao động. Việc xây dựng đơn giá tiền lương vẫn theo nguyên tắc và hướng dẫn chung của Tổng công ty: tiền lương được nhận được gắn với chất lượng, khối lượng công việc được nghiệm thu trong tháng, làm công việc gì hưởng lương theo công việc đó, ưu tiên tiền lương đối với các vị trí quan trọng yêu cầu trình độ, tay nghề: khoan, lái máy xúc, ô tô.

Năm 2024 Công ty phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như: Khai thác mỏ chưa đáp ứng đủ nhu cầu nguyên liệu cho sản xuất do vướng mắc nhiều thủ tục pháp lý, quy trình thực hiện mất nhiều thời gian, phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật. Ngày 06/7/2024 mỏ sắt Kíp Tước mới trở lại hoạt động, trong tháng 5 và tháng 6 phải bố trí cho lao động nghỉ chờ việc. Tháng 9/2024 do ảnh hưởng của bão Yagi mỏ sắt Kíp Tước phải dừng sản xuất ngày khắc phục hậu quả do bão gây ra. Mặc dù gặp nhiều điều kiện bất lợi, nhưng Công ty cũng đã linh hoạt trong các giải pháp điều hành, bố trí việc làm để đảm bảo thu nhập của người lao động không bị gián đoạn.

III. Thẩm tra các vấn đề chính trong năm 2024:

1. Thực trạng tài chính, thực hiện các dự án đầu tư (bao gồm cả đầu tư ra ngoài doanh nghiệp), tình hình sử dụng lao động:

1.1. Thực trạng tài chính:

$$\text{- Hệ số bảo toàn vốn} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu cuối kỳ (41.564 trđ)}}{\text{Vốn chủ sở hữu đầu kỳ (37.815 trđ)}} = 1,10$$

Khả năng bảo toàn vốn của Công ty: Hệ số bảo toàn vốn >1 phản ánh tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả, nguồn vốn được bảo toàn.

$$\text{- Tỷ số tự tài trợ} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu (41.564 trđ)}}{\text{Tổng nguồn vốn (135.341 trđ)}} = 30,71\%$$

Khả năng tự chủ tài chính của Công ty: Đánh giá khả năng tự chủ tài chính của Công ty: Tỷ số tài trợ >30% phản ánh khả năng tự chủ về nguồn vốn đã cải thiện so với năm 2023.

$$\text{- Hệ số thanh toán ngắn hạn} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn (72.901 trđ)}}{\text{Nợ Ngắn hạn (84.484 trđ)}} = 0,86$$

Khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty: Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn <1 phản ánh tài sản ngắn hạn không đủ bù đắp cho nợ ngắn hạn của Công ty.

1.2. Thực hiện các dự án đầu tư:

Kế hoạch ĐTXD năm 2024: 10.985 triệu đồng.

Trong đó :

- Giá trị chuyển tiếp năm 2023 7.785 triệu đồng.

- Dự án Làng Vinh, Làng Cọ: 200 triệu đồng.

- Đầu tư thiết bị duy trì SXKD 2024 : 3.000 triệu đồng.

Công ty thực hiện giá trị chuyển tiếp năm 2023 sang năm 2024 (mua 01 máy xúc bánh xích gầu 2,1 m³ và 01 máy xúc lật bánh lốp, dung tích gầu 3,1 m³) với giá trị 7.608 triệu đồng, đạt 69,26 % KHN 2024.

Hiện tại, Công ty vẫn còn dư giá trị xây dựng cơ bản dở dang 15.163.555.677 đồng, trong đó:

+ Dự án Khai thác mỏ sắt Làng Vinh, Làng Cọ: 13.628.800.269 đồng;

+ Dự án khai thác quặng Kaolanh: 1.534.755.408 đồng.

Đề nghị Công ty tiếp tục rà soát, điều chỉnh giá trị ghi nhận trên tài khoản 2412 (xây dựng cơ bản dở dang) của các dự án để tiến hành quyết toán dự án hoàn thành. Đặc biệt lưu ý khoản đã điều chỉnh chi phí đã được ghi nhận thời kỳ trước của Dự án: “Khai thác mỏ sắt Làng Vinh – Làng cọ” giá trị: 11.650.022.891 đồng sang chi phí SXKD năm 2024 (đã loại trừ chi phí hợp lý khi tính thuế TNDN).

2. Kết quả kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và báo cáo tài chính:

2.1. Kết quả kiểm tra hoạt động quản lý, điều hành của công ty:

Ban Giám đốc Công ty đã trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty, thể hiện trên các nội dung sau:

- Triển khai các cuộc họp và điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh và chỉ đạo công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của Ban Giám đốc.

- Về việc tình hình thực hiện các hợp đồng kinh tế cần lưu ý:

+ Hợp đồng mua bán Tinh quặng sắt số: Hợp đồng số 109/HĐKT/2023 ngày 19/05/2023 và Hợp đồng số 66/KS3-VIMICO/2024 ngày 15/05/2024 với Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP với khối lượng thực hiện là: 50.524,989 tấn tương ứng với doanh thu: 103.732.948.911 đồng.

+ Cùng với đó Công ty đã thực hiện hợp đồng bán TQ sắt số: 50/SISCO - KS3/2024 ngày 24/4/2024 và Hợp đồng số 86/CISCO - KS3/2024 ngày 27/6/2024, số lượng: 21.087,076 tấn tương ứng với doanh thu: 42.421.557.551 đồng với Công ty CP Gang thép Cao Bằng – Vimico (công ty con của cổ đông lớn – Tổng công ty Khoáng sản – TKV).

Qua việc rà soát theo dõi quá trình thực hiện Hợp đồng, Ban kiểm soát nhận thấy, Tổng công ty Khoáng sản – TKV (cổ đông chiếm hơn 51% vốn điều lệ của Công ty) đã tạo điều kiện thông qua việc tạm ứng trước tiền hàng để đảm bảo dòng tiền của Công ty, song song với đó giá trị quyết toán các lô hàng của Tổng công ty với các đơn vị mua hàng được áp dụng bằng đúng với giá trị quyết toán giữa Tổng công ty và Công ty CP Khoáng sản 3 – Vimico. Nhìn nhận, đánh giá khả năng tài chính của Công ty trong giai đoạn tới, BKS đề xuất, kiến nghị Công ty tiếp tục triển khai các trình tự thủ tục, pháp lý để có thể tiếp tục được ký kết Hợp đồng bán TQ sắt với Tổng công ty.

- Trong năm 2024, Ban kiểm soát công ty không nhận được bất kỳ khiếu nại hoặc tố cáo nào của cổ đông có liên quan đến hoạt động của ban điều hành nhưng có 01 Thư nạp danh kiến nghị lên Tập đoàn công nghiệp than – khoáng sản Việt Nam (cổ đông nắm 98,06% cổ phần tại Tổng công ty khoáng sản – TKV). Đây là kiến nghị vượt thẩm quyền nên BKS đề nghị không xem xét.

2.2. Kết quả kiểm tra công tác kế toán, thống kê và báo cáo tài chính:

Công tác hạch toán kế toán đúng theo quy định của Luật kế toán, đảm bảo kịp thời, chính xác theo quy định hướng dẫn của Pháp luật, Tập đoàn và của Tổng công ty.

Công tác thu hồi công nợ phải thu: Trong năm 2024, trước tình hình tài chính khó khăn công ty đã nỗ lực triển khai công tác thu hồi công nợ tồn đọng tuy nhiên chưa triệt để. Đặc biệt có những khoản công nợ như:

STT	Tên khách hàng	Dư 01/01/2024		Dư 31/12/2024	
		Nợ	Có	Nợ	Có
1	Cty CP xây dựng công trình An Gia Phát	301.649.466	-	301.649.466	
2	Công ty cổ phần bê tông khí trung áp Việt Nam	119.876.891	-	119.876.891	
3	Công ty cổ phần Nhân	908.541.574	-	908.541.574	
4	Công ty cổ phần Thanh Nhân	137.000.000	-	137.000.000	
5	Công ty Nguyên liệu Vigalcera	80.000.000	-	80.000.000	-
6	Công ty TNHH Hải Thành	465.554.900	-	465.554.900	
7	Công ty TNHH TM Hoàng Lan	2.795.988.323	-	2.795.988.323	
	Tổng cộng:	4.808.611.154		4.808.611.154	

Ban kiểm soát đề nghị Công ty lập kế hoạch triển khai quyết liệt các biện pháp để thu hồi triệt để các khoản công nợ khó đòi nêu trên.

- Về các khoản tạm ứng:

STT	Tên khách hàng	Dư 01/01/2024		Dư 31/12/2024	
		Nợ	Có	Nợ	Có
	Tổng cộng	320.000.000	-	110.000.000	-

STT	Tên khách hàng	Dư 01/01/2024		Dư 31/12/2024	
		Nợ	Có	Nợ	Có
1	Hoàng Tuấn Anh	200.000.000	-	-	-
2	Nguyễn Văn Đức	120.000.000	-	-	-
3	Lã Thành Long	-	-	30.000.000	-
5	Nguyễn Văn Thanh	-	-	20.000.000	-
5	Trần Văn Thông	-	-	50.000.000	-
6	Vàng Văn Thích	-	-	5.000.000	-
7	Đỗ Văn Vụ	-	-	5.000.000	-

Năm 2024, công ty đã tích cực thu hồi các khoản tạm ứng, còn 05 khoản tạm ứng đến cuối kỳ 31/12/2024 chủ yếu là công tác tạm ứng để giải quyết các vấn đề liên quan đến mua sắm vật tư phục vụ sản xuất.

3. Việc bảo toàn và phát triển vốn tại doanh nghiệp:

- Nhìn chung, tình hình tài chính của công ty là tốt và lành mạnh thể hiện qua một số chỉ tiêu phân tích tài chính nhanh như sau:

- + Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu: 2,26
- + Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn: 0,86
- + Lợi nhuận sau thuế năm 2024 là: 3.868 triệu đồng.
- + Lãi cơ bản trên cổ phiếu EPS năm 2024 là: 1.105 đồng;
- Hiện tại Công ty còn số dư Quỹ đầu tư phát triển: 2.696.676.390 đồng.

4. Tình hình nợ phải thu, nợ phải trả (đặc biệt nợ phải thu khó đòi):

4.1. Tình hình nợ phải thu:

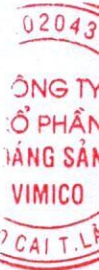
- Tổng nợ phải thu ngắn hạn tại 31/12/2024 : 3.042 triệu đồng;
- Tổng nợ phải thu dài hạn tại 31/12/2024 : 13.698 triệu đồng.

4.2. Tình hình nợ phải trả:

- Tổng nợ ngắn hạn tại 31/12/2024 là 84.484 triệu đồng, giảm 21.137 triệu đồng so với đầu năm.

- Trong đó chi tiết các khoản giảm như:

- + Giảm phải trả người lao động (6.800 – 6.469 = 331 triệu đồng);
- + Giảm khoản phải trả cho người bán ngắn hạn (46.198 – 29.846 = 16.352 triệu đồng);
- + Giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (40.264 – 32.792 = 7.472 triệu đồng);
- + Giảm người mua trả tiền trước ngắn hạn (4.344 – 0 = 4.344 triệu đồng)



- Trong khi các khoản có xu thế biến động ngược lại đáng chú ý là:

+ Tăng khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn ($12.156 - 6.235 = 5.921$ triệu đồng);

+ Tăng phải trả ngắn hạn khác ($3.058 - 1.687 = 1.371$ triệu đồng);

Điều này cho thấy công ty đã chú trọng hơn đến kỷ luật tài chính nhằm hạn chế các khoản phạt chậm nộp thuế, phạt vi phạm hợp đồng do chậm thanh toán (công ty không có nợ phải trả quá hạn chưa thanh toán và vay ngân hàng quá hạn) cũng như tiết giảm chi phí lãi vay ngắn hạn. Tuy nhiên công ty cũng cần cân đối nguồn lực tài chính để đảm bảo thanh toán các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả ngắn hạn khác khi đến hạn tránh ảnh hưởng đến dòng tiền phục vụ hoạt động SXKD.

- Tổng nợ phải trả dài hạn tại 31/12/2024 là 9.293 triệu đồng, tăng 6.830 triệu đồng, trong đó vay và nợ thuê tài chính dài hạn là 5.002 triệu đồng, dự phòng phải trả dài hạn tăng 1.828 triệu đồng.

IV. Kiến nghị:

Các thành viên trong Ban Kiểm soát đã nêu cao tinh thần trách nhiệm trong quá trình thực thi nhiệm vụ, đã thể hiện được tính trung thực, khách quan trong công việc. Tuy nhiên, trong điều kiện môi trường kinh doanh luôn thay đổi, kinh tế vĩ mô chưa ổn định thì công tác kiểm soát cũng không tránh khỏi những tồn tại mà Ban Kiểm soát cần phải quan tâm, nỗ lực và hoàn thiện hơn nữa trong thời gian tới. BKS có một số kiến nghị như sau:

- Lưu ý việc rà soát, điều chỉnh Dự án: “Khai thác mỏ sắt Làng Vinh – Làng Cọ” và Dự án khai thác quặng Cao Lanh Huyện Thanh Sơn - Tỉnh Phú Thọ để triển khai quyết toán hoặc tìm kiếm đối tác hợp tác đầu tư phù hợp;

- Lưu ý việc thực hiện triệt để và đề xuất các biện pháp, kế hoạch triển khai thu hồi công nợ của 07 đơn vị đã tồn tại từ lâu với tổng giá trị cần thu hồi: 4.808.611.154 đồng;

- Lưu ý thường xuyên đánh giá chất lượng, kiểm kê lượng tồn kho tinh quặng sắt Làng Vinh – Làng Cọ (Hàm lượng: 51%Fe): 3.505,585 tấn để tìm phương án bảo quản và xử lý phù hợp;

- Lưu ý làm việc với các Sở/Ban ngành địa phương về kế hoạch, lộ trình nộp ngân sách Nhà nước khoản phụ thu: 23.791.910.374 đồng (đư cuối 31/12/2024);

- Đề nghị/kiến nghị Đơn vị:

+ Tiếp tục rà soát, bổ sung quy chế, quy định nội bộ của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật, của Vimico và của TKV;

+ Phối hợp với Phòng/ban chuyên môn Tổng công ty và Công ty cổ phần Gang thép Lào Cai để thu hồi, đánh giá và xử lý sổ sách số tiền đã đầu tư: 18.082.293 đồng;

+ Tiếp tục làm việc với các Sở/Ban ngành địa phương về kế hoạch, lộ trình nộp ngân sách Nhà nước;

+ Tiếp tục kiểm soát cơ cấu chi phí, tiết kiệm, tránh gây lãng phí các khoản chi không phù hợp.

+ Rà soát lại các khoản điều chỉnh chi phí đầu tư của dự án: “Khai thác lộ thiên mỏ sắt Làng Vinh, xã Võ Lao – Làng Cọ, xã Văn Sơn, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai” đúng với Thiết kế BVTC và Dự toán (điều chỉnh) đặc biệt là 03 hạng mục công trình: Xây dựng tuyến đường nội mỏ (giá trị dự kiến quyết toán là: 830.973.267 đồng), San gạt mặt bằng (giá trị dự kiến quyết toán là: 1.204.167.087 đồng) và Thi công hồ thải quặng đuôi (giá trị dự kiến quyết toán là: 1.928.089.642 đồng).

+ Xây dựng kế hoạch, lộ trình triển khai tiêu thụ tinh quặng sắt tồn kho tại mỏ sắt Làng Vinh - Làng Cọ, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai số lượng: 3.505,590 tấn (hàm lượng 51%TFe) tránh gây tổn thất do quá trình bảo quản hàng hóa không sử dụng sau thời gian dài.

V. Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2025:

Căn cứ vào tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát nhiệm năm 2024 và Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban kiểm soát xin đề ra Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025, như sau:

TT	Nội dung nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Đối tượng kiểm tra, giám sát	Kết quả cần đạt được
I	Nhiệm vụ thường xuyên			
1	Tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	Tháng 04/2025		Báo cáo đại hội đồng cổ đông các vấn đề tồn tại, thực trạng của công ty trong năm 2024
2	Tham dự và tham gia thảo luận trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị theo định kỳ hoặc đột xuất (nếu có)	Thường xuyên	Hội đồng quản trị	Cho ý kiến với các nội dung trong Tờ trình của Ban điều hành trình HĐQT
3	Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý điều hành	Thường xuyên	Ban điều hành	Kiến nghị với HĐQT hoặc đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức, quản lý (nếu cần)
4	Kiểm tra tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê, xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và lập báo cáo tài chính	Thường xuyên	Bộ phận kế toán, thống kê	Kiến nghị với HĐQT hoặc ban điều hành biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức, quản lý, cập nhật phần mềm công

TT	Nội dung nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Đối tượng kiểm tra, giám sát	Kết quả cần đạt được
				nghệ, áp dụng chuyên đổi số (nếu phù hợp)
5	Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực, hiệu quả của của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro của công ty	Thường xuyên	Bộ phận kế hoạch	Đưa ra các cảnh báo sớm các dấu hiệu rủi ro của công ty
6	Thực hiện kiểm tra, giám sát hoặc thẩm định các yêu cầu của Hội đồng cổ đông, HĐQT khi có yêu cầu trong vòng bảy (07) ngày.	Thường xuyên	HĐQT, Ban điều hành và các phòng/ban liên quan	Đưa ra báo cáo các nội dung yêu cầu sau nhiều nhất mười lăm (15) ngày từ ngày kết thúc điều tra
7	Phân công nhiệm vụ thành viên Ban kiểm soát và kiểm tra, tổng hợp các ý kiến của các thành viên Ban kiểm soát khi thực hiện các nội dung được phân giao.	Thường xuyên	Ban kiểm soát	Phân công rõ ràng cụ thể, ghi chép, báo cáo những kiến nghị đề xuất của thành viên Ban kiểm soát tới Đại hội đồng cổ đông; HĐQT và Ban điều hành Công ty
II	Kiểm tra, giám sát theo chuyên đề			
1	Chuyên đề: “Thẩm định báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2025”	Giữa tháng 02/2025	Kiểm toán độc lập và bộ phận kế toán	Phối hợp rà soát, đưa ra khuyến nghị điều chỉnh và lưu ý các vấn đề kiểm toán loại trừ
2	Chuyên đề: “Rà soát, thẩm định kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 trước khi trình đại hội đồng cổ đông năm 2025”	Giữa tháng 03/2025	Ban điều hành, bộ phận kế hoạch, kỹ thuật và kế toán	Điều chỉnh cho phù hợp với tình hình sản xuất của công ty cho phù hợp với thời điểm rà soát
3	Chuyên đề: “Rà soát, thẩm định kết quả sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2025 so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và công tác thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản từ	Cuối tháng 06/2025	Ban điều hành, bộ phận kế hoạch, kỹ thuật cơ điện và kế toán	Đánh giá kết quả hoạt động SXKD của Công ty và đưa ra các khuyến cáo phù hợp với tình hình của công ty tại thời điểm rà soát. Kiểm tra các dự án đã quyết toán

TT	Nội dung nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Đối tượng kiểm tra, giám sát	Kết quả cần đạt được
	01/07/2024 đến 01/07/2025”			trong kỳ và đưa ra khuyến nghị các dự án chậm tiến độ theo quyết định đầu tư đã được phê duyệt
4	Chuyên đề: “Giám sát đánh giá công tác tính giá thành theo công đoạn, định ngạch sửa chữa thiết bị, công tác mua sắm vật tư, thiết bị và tình hình thực hiện các Hợp đồng kinh tế liên quan trong 06 tháng đầu năm 2025”	Cuối tháng 07/2025	Ban điều hành, bộ phận kế hoạch, kỹ thuật cơ điện và kế toán	Chấn chỉnh các vấn đề còn tồn tại (nếu có), khuyến nghị với HĐQT nếu có ý kiến trái chiều
5	Chuyên đề: “Rà soát, thẩm định kết quả sản xuất kinh doanh 09 tháng đầu năm 2025 so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt”	Đầu tháng 10/2025	Ban điều hành, bộ phận kế hoạch, kỹ thuật cơ điện và kế toán	Đánh giá kết quả hoạt động SXKD của Công ty và đưa ra các khuyến cáo phù hợp với tình hình của công ty tại thời điểm rà soát
6	Chuyên đề: “Rà soát, kiểm tra công tác tiền lương, chế độ đãi ngộ với người lao động và các văn bản pháp lý điều hành nội bộ của công ty”	Trung tuần tháng 11/2025	Ban điều hành, bộ phận Tổ chức hành chính, lao động tiền lương	Chấn chỉnh các vấn đề còn tồn tại (nếu có), khuyến nghị với Ban điều hành nếu có ý kiến trái chiều
7	Chuyên đề: “Rà soát, thẩm định kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt”	Cuối tháng 12/2025	Ban điều hành, các phòng/ban liên quan	Đánh giá kết quả hoạt động SXKD của Công ty và đưa ra các khuyến cáo phù hợp với tình hình của công ty tại thời điểm rà soát
III	Các công việc khác			
1	Phối hợp, đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025	Sau đại hội đồng cổ đông thường	Ban điều hành, Bộ phận Tài chính – kế toán	Lựa chọn công ty kiểm toán phù hợp với danh sách các đơn vị kiểm toán cho cổ đông lớn Tổng

TT	Nội dung nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Đối tượng kiểm tra, giám sát	Kết quả cần đạt được
		niên năm 2025		công ty khoáng sản - TKV
2	Tham gia đánh giá, rà soát các vấn đề khi có các đoàn kiểm tra của TKV, VIMICO và Ban ngành địa phương, cơ quan quản lý Nhà nước	Đợt xuất	Ban điều hành	Đánh giá, giảm thiểu tối đa rủi ro về các khoản phạt vi phạm hành chính

Trên đây là toàn bộ nội dung BKS báo cáo các quý cổ đông kỳ năm 2025. Kính mong Quý vị đóng góp ý kiến để BKS làm tốt chức năng, nhiệm vụ cổ đông giao. BKS xin trân trọng cảm ơn ĐHCĐ, HĐQT, Ban Giám đốc, các phòng chức năng, phân xưởng trực thuộc và cán bộ CNV Công ty đã ủng hộ và hợp tác để tạo điều kiện cho chúng tôi hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT Cty (e-copy);
- Ban lãnh đạo Cty(e-copy);
- Người đại diện phần vốn của VIMICO (e-copy);
- Người đại diện của Quý cổ đông tham gia kiểm soát tại đơn vị (e-copy);
- Lưu VT, BKS Cty.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**



Lê Thanh Tùng

Số: 21 /TTr-HĐQT

Lào Cai, ngày 03 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH
Về việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2024
và Kế hoạch chi trả thù lao năm 2025

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/7/2008; sửa đổi, bổ sung lần thứ 6 được ban hành kèm theo Quyết định số 55/QĐ - KS3 ngày 05/7/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico;

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico ngày 03 tháng 5 năm 2025,

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2024 và Kế hoạch chi trả thù lao năm 2025, cụ thể như sau:

1. Thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2024:

Quỹ thù lao của người quản lý công ty không chuyên trách được xác định trên cơ sở số lượng người quản lý công ty không chuyên trách, thời gian thực tế làm việc và mức thù lao tối đa bằng 20% mức tiền lương của người quản lý công ty chuyên trách:

STT	Họ và tên	Số người	Mức thù lao 1 tháng (6 tháng đầu năm)	Mức thù lao 1 tháng (6 tháng cuối năm)	Thù lao nhận theo KH	Thù lao 2024 tăng thêm do tăng lợi nhuận so với KH (20%)	Thù lao được quyết toán 2024
1	Chủ tịch HĐQT	1	4.800.000	7.200.000	72.000.000	14.400.000	86.400.000
2	Thành viên HĐQT	4	4.000.000	6.000.000	240.000.000	48.000.000	288.000.000
3	Trưởng BKS	1	4.200.000	6.300.000	63.000.000	12.600.000	75.600.000
4	Thành viên BKS	2	4.000.000	6.000.000	120.000.000	24.000.000	144.000.000
	TỔNG CỘNG		12.200.000	18.300.000	423.000.000	84.600.000	594.000.000

(Bảng chữ: Năm trăm chín mươi tư triệu đồng chẵn./).

2. Kế hoạch mức chi trả thù lao HĐQT, BKS Công ty năm 2025 như sau:

Kế hoạch mức chi trả thù lao tối đa bằng 20% mức thu nhập thực tế của các viên chức quản lý tương ứng theo Nghị định 53/2016/NĐ - CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ:

TT	Chức danh	Số người	Mức lương cơ bản đ/ng/thg	Tỷ lệ	Tiền thù lao đ/ng/thg	Tiền thù lao đồng/năm
1	Chủ tịch HĐQT	01	24.000.000	20%	4.800.000	57.600.000
2	Thành viên HĐQT	04	20.000.000	20%	4.000.000	192.000.000
3	Trưởng BKS	01	21.000.000	20%	4.200.000	50.400.000
4	Thành viên BKS	02	20.000.000	20%	4.000.000	96.000.000
	Cộng	08				396.000.000

(Bằng chữ: Ba trăm chín mươi sáu triệu đồng chẵn ./.)

Mức thù lao trên chỉ là dự kiến, mức thực tế chi trả cho HĐQT và BKS sẽ được xác định dựa vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico xem xét, thông qua./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY
CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN 3
VIMICO

M.S.D.N: 05002043
TP. LẠO CAI T. LẠO CAI

Lê Tuấn Ngọc

Số: 22 /TTr-BKS

Lào Cai, ngày 03 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025

Kính trình : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/7/2008; sửa đổi, bổ sung lần thứ 6 được ban hành kèm theo Quyết định số 55/QĐ - KS3 ngày 05/7/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico;

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 việc lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty như sau:

1. Đề xuất về các tiêu thức lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập:

Ban kiểm soát đề xuất với Đại hội đồng cổ đông các tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như sau:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, thương hiệu, được nhiều công ty đại chúng tin cậy, có đội ngũ kiểm toán viên trình độ cao và nhiều kinh nghiệm.
- Là đơn vị được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2025.
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán của Công ty.

2. Đề xuất các đơn vị kiểm toán độc lập:

Với các tiêu thức như trên, Ban kiểm soát đề xuất 04 công ty kiểm toán độc lập để đưa vào danh sách lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty như sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán BDO;
- Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP Hồ Chí Minh AISC;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế

3. Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông:

- Thông qua phê duyệt danh sách 04 công ty kiểm toán độc lập nêu trên để làm căn cứ lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

- Thông qua việc ủy quyền cho Ban kiểm soát làm đầu mối phối hợp với Công ty lựa chọn một trong 04 công ty kiểm toán độc lập nêu trên làm đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: Thư ký Cty, BKS.



Số: 23 /TTr – HĐQT

Lào Cai, ngày 03 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

Thông qua việc mua/bán tinh quặng sắt được sản xuất tại mỏ sắt Kíp Tước năm 2025 với Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

Kính trình : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/7/2008; sửa đổi, bổ sung lần thứ 6 được ban hành kèm theo Quyết định số 55/QĐ – KS3 ngày 05/7/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua việc mua/bán tinh quặng sắt được sản xuất tại mỏ sắt Kíp Tước năm 2025 với Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP. Các nội dung chủ yếu của hợp đồng như sau:

- Tên hàng hóa: Tinh quặng sắt.
- Khối lượng dự kiến: Tối đa theo kế hoạch SXKD năm 2025 của Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico được cấp có thẩm quyền thông qua/ phê duyệt (bao gồm cả kế hoạch SXKD điều chỉnh). Khối lượng tạm thời xác định là **90.000** tấn.
- Đơn giá: **2.174.700** đồng/tấn (đã bao gồm VAT)
- Tổng giá trị dự kiến: **195.723.000.000** đồng (đã bao gồm VAT)
- Đơn giá thanh toán thực tế được xác định cụ thể tại từng thời điểm mua/bán hàng hóa trên cơ sở: Giá bán quặng sắt do Tổng công ty chào bán và quyết toán được với khách hàng mua lô hàng hóa đó tại từng lần Tổng công ty tổ chức bán hàng thành công.
- Thời gian thực hiện: Đến đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
(Chi tiết tại Dự thảo Hợp đồng mua/bán quặng sắt kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua, đồng thời ủy quyền cho HĐQT quyết định các nội dung sửa đổi, bổ sung trong quá trình thực hiện Hợp đồng trên cơ sở phù hợp với thực tế SXKD của Công ty./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS, BGD;
- Đăng trên Website Công ty;
- Lưu HĐQT, VT.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Lê Tuấn Ngọc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Dự thảo

HỢP ĐỒNG
MUA BÁN TÍNH QUẶNG SẮT
Số: /VIMICO - KS3/2025

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Thương mại (văn bản hợp nhất) ngày 05/07/2019;

Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai Bên,

Hôm nay, ngày tháng năm **2025**, chúng tôi đại diện cho các Bên gồm:

I. BÊN BÁN : CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN 3 - VIMICO

(Sau đây gọi/viết tắt là "**Bên A hoặc KS3 hoặc Bên Bán**")

Địa chỉ : Tổ 7, phường Duyên Hải, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Điện thoại : 02143.821292 Fax: 02143.824804

Mã số thuế : 0500204315

Tài khoản : 839369999, Ngân hàng VP Bank, chi nhánh Láng Hạ, Hà Nội.

Người đại diện: Ông **Tạ Quốc Hùng** ; Chức vụ: Phó Giám đốc.

(Quyết định số 06/QĐ-HĐQT ngày 17/02/2025 về việc giao nhiệm vụ cán bộ cho ông **Tạ Quốc Hùng** - Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico phụ trách quản lý, điều hành hoạt động của Công ty).

II. BÊN MUA : TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV – CTCP

(Sau đây gọi/viết tắt là "**Bên B hoặc VIMICO hoặc Bên Mua**")

Địa chỉ : Số 193 đường Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại : 0462 876666 ; Fax: 0462883333

Mã số thuế : 0100103087

- Tài khoản số : 112000054351, tại Vietinbank - Chi nhánh Hai Bà Trưng

- Tài khoản số : 1600073585, tại BIDV - Chi nhánh Sở giao dịch 3

- Tài khoản số : 0021000243133, tại Vietcombank - Chi nhánh Hà Nội

- Tài khoản số : 0571104010005, tại MB Bank - Chi nhánh Hoàn Kiếm

- Tài khoản số : 170114851000017, EximBank - Chi nhánh Long Biên, Hà Nội.

- Tài khoản số : 4522666888, tại VP Bank

Người đại diện: Ông **Trịnh Văn Tuệ** ; Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Sau khi bàn bạc, thỏa thuận, hai Bên cùng thống nhất, tự nguyện ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa (sau đây gọi/viết tắt là "**Hợp đồng**") với nội dung như sau:

Điều 1. Hàng hóa mua bán

1. Tên hàng hóa: Tinh quặng sắt (sau đây gọi/viết tắt là "**TQ Fe**").

2. Xuất xứ: TQ Fe được Bên A sản xuất tại mỏ sắt Kíp Tước, xã Hợp Thành, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

3. Chất lượng (Phẩm chất), quy cách:

3.1. Hàm lượng tạm tính:

- a) Hàm lượng sắt tổng số (%TFe) có trong TQ Fe: Từ sắt từ 60% - 65% (TFe); Bình quân (tạm tính) 62%.
- b) Hàm lượng $\text{SiO}_2 \leq 10\%$.
- c) Các thành phần hóa học khác theo công bố của KS3.

3.2. Chất lượng của hàng hóa thực tế mua bán: Theo kết quả kiểm định (lấy mẫu, gia công, phân chia, phân tích xác định) chất lượng TQ Fe thực tế giao nhận được hai Bên thống nhất theo nguyên tắc quy định tại Điều 3 Hợp đồng.

3.3. Quy cách: Hàng để rời, không đóng bao.

4. Khối lượng mua bán:

4.1. Khối lượng mua bán (tạm tính): **90.000 tấn quy khô** (quy độ ẩm 0%).

4.2. Khối lượng mua bán (thực hiện): Theo thực tế sản xuất, nhu cầu tiêu thụ của KS3 và nhu cầu thị trường/khả năng tiêu thụ TQ Fe của Bên B. Khối lượng mua bán cụ thể hàng tháng, hàng quý, hàng năm sẽ được thực hiện theo Hợp đồng mua bán giữa VIMICO và Khách hàng.

Điều 2. Giao nhận hàng hóa

1. Đơn vị nhận hàng: Là Bên B hoặc là các Khách hàng mua lại TQ Fe thuộc hợp đồng này từ Bên B (sau đây gọi/viết tắt là "**Bên C**") tại từng lần Bên B tổ chức bán hàng thành công và được thể hiện tại Hợp đồng mua bán giữa Bên B và Bên C; trong trường hợp này, Hợp đồng được ký kết giữa Bên B và Bên C gửi cho Bên A được xem như là Phụ lục của hợp đồng này (ngoại trừ những nội dung, điều khoản xung đột lợi ích với nội dung, điều khoản quy định tại hợp đồng này).

2. Hàng hóa giao nhận: Theo tình trạng thực tế tại kho của KS3.

3. Phương thức giao nhận: Giao trên phương tiện vận chuyển của Bên B (Hoặc của Bên vận chuyển được Bên B thuê hoặc của Bên C,...).

4. Xác định khối lượng hàng hóa thực tế giao nhận:

4.1. Xác định khối lượng TQ Fe ướt thực tế giao nhận:

Bằng cân ô tô điện tử của Bên A đặt tại địa điểm giao nhận; Khối lượng hàng hóa giao nhận được thể hiện bằng Biên bản giao nhận được lập, ký kết giữa Đại diện giao nhận hàng của Bên A và Bên B (hoặc Bên C - theo ủy quyền của Bên B). Trường hợp cân tại địa điểm giao nhận hàng bị hỏng đột xuất thì sẽ lựa chọn trạm cân khác trên địa bàn tỉnh Lào Cai để cân xác định khối lượng hàng hóa thực tế giao nhận; chi phí cân hàng trong trường hợp này (nếu có) do Bên A Chi trả.

Khối lượng hàng hóa thực tế giao nhận (**TQ Fe ướt**) = (bằng) khối lượng cả xe và TQ Fe (tấn/tạ/kg) - (trừ) khối lượng xe (tấn/tạ/kg).

4.2. Xác định khối lượng TQ Fe quy khô (độ ẩm 0%) thực tế giao nhận:

Khối lượng TQ Fe mua bán là khối lượng TQ Fe quy khô (quy độ ẩm 0%) thực tế giao nhận. Khối lượng TQ Fe quy khô (quy độ ẩm 0%) = (Bằng) Khối lượng TQ Fe ướt (tấn/tạ/kg) - (trừ) khối lượng nước (% H_2O) có trong TQ Fe (tấn/tạ/kg).

$\text{TQ Fe quy khô (độ ẩm 0\%)} = \text{TQ Fe (ướt)} - (\text{trừ}) \text{TQ Fe (ướt)} \times (\text{nhân}) \% \text{H}_2\text{O}$

Độ ẩm thực tế của hàng hóa (% H_2O) là tỷ lệ nước (biểu thị bằng % khối lượng) bám dính trong TQ Fe. Độ ẩm thực tế của hàng hóa được đại diện hai Bên cùng lấy mẫu, phân tích xác định và được thể hiện, xác nhận bằng **Biên bản xác định độ ẩm**.

4. Địa điểm giao nhận: Kho TQ Fe của KS3; tại mỏ sắt Kíp Tước, xã Hợp Thành, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

5. Thời gian giao nhận hàng hóa: Từ 08 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút hàng ngày (ngoại trừ ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, tết). Thời gian giao nhận hàng hóa cụ thể hàng ngày (kể cả giao nhận ngoài thời gian trên hoặc vào ngày nghỉ cuối tuần – nếu cần thiết) sẽ được đại diện giao nhận hàng của hai Bên trao đổi trực tiếp và thống nhất thực hiện.

6. Tiến độ giao nhận hàng: Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi hợp đồng chấm dứt hiệu lực theo quy định tại Điều 10 Hợp đồng này.

7. Lô hàng: Toàn bộ khối lượng hàng hóa mua bán thuộc hợp đồng này được giao nhận thành nhiều lô hàng; khối lượng 01 (một) lô là **2.500 +/- (cộng hoặc trừ) 20% tấn** quy khô (độ ẩm 0%); khối lượng giao nhận cụ thể mỗi lô hàng (kể cả năm ngoài khoảng dung sai 2.500 +/- 20%) do Bên A và Bên B (hoặc Bên C - theo ủy quyền của Bên B) trao đổi trực tiếp (hoặc trao đổi qua điện thoại, tin nhắn SMS, gmail,...) trên cơ sở phù hợp thực tế sản xuất, nhu cầu tiêu thụ của KS3 và khả năng tiếp nhận hàng của VIMICO/Bên C để thống nhất thực hiện.

Điều 3. Lấy mẫu và xác định chất lượng hàng hóa

1. Khi giao hàng, hai Bên (Bên A và Bên B hoặc Bên C - theo ủy quyền của Bên B) sẽ cùng tiến hành lấy mẫu để phân tích xác định độ ẩm và hàm lượng thực tế của lô hàng theo quy trình lấy mẫu đã được hai Bên thống nhất (Kèm theo hợp đồng này).

2. Việc phân tích xác định độ ẩm thực tế của hàng hóa được thực hiện ngay tại địa điểm giao nhận hàng.

3. Lấy mẫu phân tích xác định độ ẩm và chất lượng của hàng hóa

3.1. Quy trình lấy mẫu, phân tích mẫu để xác định độ ẩm và chất lượng của hàng hóa: Quy trình lấy mẫu, phân tích mẫu để xác định hàm lượng %TFe, %SiO₂, độ ẩm, khối lượng quy khô của hàng hóa thuộc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định tại Quy trình lấy, gia công và phân tích mẫu tinh quặng sắt kèm theo hợp đồng này.

3.2. Số lượng mẫu phân tích hàm lượng của lô hàng: Mẫu phân tích hàm lượng của cả lô hàng sau khi trộn đều, gia công, giản lược được chia làm **08 phần**, mỗi phần đóng thành 01 gói (đóng gói kín, có đầy đủ chữ ký của các đại diện tham gia giám sát, gia công Mẫu của hai Bên và niêm phong giáp lai bao gói bằng dấu của KS3; **06 gói được gọi là “Mẫu Phân tích”, 02 (hai) gói được gọi là “Mẫu Lưu chung” (Mẫu lưu trọng tài)**. 06 gói Mẫu phân tích giao mỗi Bên (Bên A, Bên B, Bên C) 02 (hai) gói để phân tích/gửi phân tích xác định hàm lượng %TFe, hàm lượng %SiO₂; 02 Mẫu lưu chung (Mẫu trọng tài), 01 Mẫu giao Bên A quản lý, lưu giữ và 01 Mẫu giao Bên B/Bên C quản lý, lưu giữ.

3.3. Phân tích hàm lượng của lô hàng: Mẫu phân tích hàm lượng của Bên nào được Bên đó tự phân tích (nếu đạt chuẩn VILAS hoặc ISO/IEC/17025:2017) hoặc gửi phân tích tại đơn vị kiểm định đạt chuẩn VILAS hoặc ISO/IEC/17025:2017. Trong trường hợp các Bên đưa mẫu của mình đi phân tích tại các đơn vị kiểm định nước ngoài ở Việt Nam hoặc ở ngoài lãnh thổ Việt Nam thì các đơn vị này phải có chứng nhận đạt chuẩn ISO/IEC/17025:2017 và được Bên sử dụng gửi kèm Giấy chứng nhận (hoặc văn bản có giá trị tương tự) kết quả phân tích mẫu của mình. Giấy chứng nhận (hoặc văn bản có giá trị tương tự) kết quả phân tích nếu có sử dụng ngôn ngữ không phải tiếng Việt thì Bên sử dụng kết quả phân tích phải dịch ra tiếng Việt và phải được chứng thực của Phòng công chứng nơi dịch thuật.

3.4. Xác định hàm lượng sắt tổng số (%TFe), hàm lượng silic (%SiO₂) chính thức của lô hàng hóa, xử lý kết quả phân tích hàm lượng %TFe, %SiO₂: Mẫu phân tích hàm lượng %TFe, %SiO₂ của Bên nào do Bên đó tự phân tích hoặc gửi phân tích (nhưng phải đáp ứng yêu cầu

nêu tại điểm 3.3 khoản này) để xác định hàm lượng %TFe, %SiO₂ của lô hàng. Việc phân tích mẫu để xác định hàm lượng %TFe, %SiO₂ của lô hàng các Bên phải hoàn thành trong vòng 30 ngày làm việc, kể từ ngày hai Bên hoàn thành việc phân chia mẫu quy định tại điểm 3.2 khoản này.

Sau khi có kết quả phân tích hàm lượng %TFe, %SiO₂ Bên A và Bên B (hoặc Bên C – theo ủy quyền của Bên B) phải tổ chức làm việc (họp trực tiếp hoặc họp trực tuyến) để đối chiếu và thống nhất hàm lượng sắt tổng số (%TFe), hàm lượng silic (%SiO₂) chính thức của lô hàng theo nguyên tắc sau:

a) Khi kết quả phân tích mẫu hàm lượng sắt tổng số (%TFe) của Bên A và của Bên B (hoặc Bên C - theo ủy quyền của Bên B) chênh lệch nhau không quá (\leq) 0,4% TFe thì hàm lượng sắt tổng số (%TFe) chính thức của lô hàng làm cơ sở xác định đơn giá mua bán chính thức sẽ là trung bình cộng kết quả phân tích của Bên A và của Bên B (hoặc của Bên C - theo ủy quyền của Bên B):

Công thức tính giá trị trung bình cộng hàm lượng Fe:

$$\text{Hàm lượng sắt (\% TFe)} = [X_{\text{Fe (Bên A)}} + X_{\text{Fe (Bên B)}}]: 2$$

Trong đó:

$X_{\text{Fe (Bên A)}}$: Là kết quả phân tích hàm lượng sắt (%TFe) của Bên A;

$X_{\text{Fe (Bên B)}}$: Là kết quả phân tích hàm lượng sắt (%TFe) của Bên B (hoặc Bên C);

b) Nếu kết quả phân tích mẫu hàm lượng %TFe của Bên A và của Bên B (hoặc của Bên C - theo ủy quyền của Bên B) chênh lệch nhau vượt quá ($>$) 0,4% TFe thì hai Bên (Bên A và Bên B hoặc Bên C - theo ủy quyền của Bên B) sẽ thương thảo để thống nhất hàm lượng %TFe chính thức của lô hàng làm cơ sở xác định đơn giá mua bán và thanh, quyết toán lô hàng.

c) Trường hợp thương thảo theo quy định tại tiết b điểm này mà hai Bên không thể thống nhất được thì hai Bên (Bên A và Bên B hoặc Bên C - theo ủy quyền của Bên B) sẽ cùng nhau lấy 01 (một) trong 2 (hai) “**Mẫu Lưu Chung**” (việc lựa chọn Mẫu lưu chung nào sẽ do hai Bên (Bên A và Bên B hoặc Bên C - theo ủy quyền của Bên B) thống nhất quyết định khi họp thống nhất hàm lượng) chia thành hai phần, một phần được niêm phong và lưu lại tại Bên được giao quản lý, lưu giữ Mẫu lưu chung đó, phần còn lại sẽ được đại diện của hai Bên (Bên A và Bên B hoặc Bên C - theo ủy quyền của Bên B) cùng gửi đến Tổ chức giám định độc lập đạt chứng chỉ VILAS hoặc ISO/IEC/17025:2017 do hai Bên (Bên A và Bên B hoặc Bên C - theo ủy quyền của Bên B) thống nhất lựa chọn để phân tích xác định hàm lượng %TFe của lô hàng đó (trường hợp hai Bên (Bên A và Bên B hoặc Bên C - theo ủy quyền của Bên B) không thể thống nhất được đơn vị kiểm định để gửi mẫu trọng tài thì sẽ gửi mẫu đến **Công ty SGS Việt Nam TNHH**). Sau khi có kết quả phân tích Mẫu lưu chung Bên A và Bên B (hoặc Bên C - theo ủy quyền của Bên B) sẽ gặp gỡ làm việc (họp trực tiếp) hoặc từ xa (họp trực tuyến hoặc qua điện thoại) để cùng xác định và lập, ký Biên bản thống nhất hàm lượng %TFe chính thức của lô hàng. Kết quả phân tích xác định hàm lượng %TFe có trong TQ Fe của Tổ chức giám định độc lập được lựa chọn nêu trên sẽ là kết quả cuối cùng làm cơ sở xác định đơn giá, giá trị hàng hóa mua bán và thanh quyết toán giá trị của lô hàng.

d) Khi kết quả phân tích mẫu hàm lượng silic (%SiO₂) của Bên A và của Bên B (hoặc của Bên C - theo ủy quyền của Bên B) chênh lệch nhau không quá (\leq) 0,2% thì sẽ lấy kết quả chính thức của lô hàng là trung bình cộng kết quả phân tích của Bên A và của Bên B (hoặc của Bên C - theo ủy quyền của Bên B). Công thức tính giá trị trung bình cộng hàm lượng %SiO₂:

$$\text{Hàm lượng \%SiO}_2 = [(X_{\text{SiO}_2 \text{ (Bên A)}} + X_{\text{SiO}_2 \text{ (Bên B)}}): 2$$

Trong đó:

X_{SiO_2} (Bên A) Là kết quả phân tích hàm lượng silic (%SiO₂) của Bên A

X_{SiO_2} (Bên B) Là kết quả phân tích hàm lượng silic (%SiO₂) của Bên B (hoặc của Bên C - theo ủy quyền của Bên A).

e) Nếu kết quả phân tích mẫu hàm lượng silic (%SiO₂) của Bên A và Bên B (hoặc Bên C) chênh lệch nhau vượt quá (>) 0,2 %SiO₂ thì hai Bên sẽ thương thảo để thống nhất hàm lượng silic (%SiO₂) chính thức của lô hàng.

g) Trường hợp thương thảo theo quy định tại tiết e điểm này mà hai Bên không thể thống nhất được thì hai Bên (Bên A và Bên B hoặc Bên C - theo ủy quyền của Bên B) sẽ cùng nhau lấy 01 (một) trong 2 (hai) "**Mẫu Lưu Chung**" (việc lựa chọn Mẫu lưu chung nào sẽ do hai Bên (Bên A và Bên B hoặc Bên C - theo ủy quyền của Bên B) thống nhất quyết định khi hợp thống nhất hàm lượng) chia thành hai phần, một phần được niêm phong và lưu lại tại Bên được giao quản lý, lưu giữ Mẫu lưu chung đó, phần còn lại sẽ được đại diện của hai Bên (Bên A và Bên B hoặc Bên C - theo ủy quyền của Bên B) cùng gửi đến Tổ chức giám định độc lập đạt chứng chỉ VILAS hoặc ISO/IEC/17025:2017 do hai Bên (Bên A và Bên B hoặc Bên C - theo ủy quyền của Bên B) thống nhất lựa chọn để phân tích xác định hàm lượng %SiO₂ của lô hàng đó (trường hợp hai Bên (Bên A và Bên B hoặc Bên C - theo ủy quyền của Bên B) không thể thống nhất được đơn vị kiểm định để gửi mẫu trọng tài thì sẽ gửi mẫu đến **Công ty SGS Việt Nam TNHH**). Sau khi có kết quả phân tích Mẫu lưu chung Bên A và Bên B (hoặc Bên C - theo ủy quyền của Bên B) sẽ gặp gỡ làm việc (họp trực tiếp) hoặc từ xa (họp trực tuyến hoặc qua điện thoại) để cùng xác định và lập, ký Biên bản thống nhất hàm lượng %SiO₂ chính thức của lô hàng. Kết quả phân tích xác định hàm lượng %SiO₂ có trong TQ Fe của Tổ chức giám định độc lập được lựa chọn nêu trên sẽ là kết quả cuối cùng làm cơ sở xác định đơn giá, giá trị hàng hóa mua bán và thanh quyết toán giá trị của lô hàng.

3.4.3. Việc gia công, phân chia mẫu lưu chung để gửi Tổ chức giám định độc lập sẽ được xác định, thực hiện theo từng trường hợp cụ thể tùy thuộc yêu cầu của tổ chức giám định độc lập được hai Bên (Bên A và Bên B hoặc Bên C - theo ủy quyền của Bên B) lựa chọn nhưng phải đảm bảo quá trình bóc và gia công Mẫu lưu chung phải được đại diện hai Bên (Bên A và Bên B hoặc Bên C - theo ủy quyền của Bên A) cùng nhau thực hiện tại địa điểm do hai Bên thống nhất; Mẫu lưu chung sau khi được gia công, phân chia phải được đóng gói kín, có đầy đủ chữ ký của đại diện tham gia giám sát, gia công mẫu của hai Bên (và đại diện tổ chức giám định độc lập - nếu có) và niêm phong giáp lai bao gói bằng dấu của Bên A hoặc Bên B hoặc Bên C (hoặc của tổ chức giám định độc lập - nếu có).

3.3.4. Giấy chứng nhận (hoặc văn bản có giá trị tương tự) kết quả phân tích mẫu lưu chung (mẫu trọng tài) nếu có sử dụng ngôn ngữ không phải tiếng Việt thì phải được dịch ra tiếng Việt và phải được chứng thực của Bên dịch thuật.

3.4.5. Chi phí phân tích mẫu trọng tài và chi phí dịch thuật (nếu có) sẽ do Bên có kết quả phân tích chênh lệch nhiều hơn so với kết quả phân tích mẫu trọng tài chi trả.

3.5. Hàm lượng %TFe, %SiO₂, độ ẩm, khối lượng quy khô của TQ Fe được xác định theo từng lô hàng hóa thực giao nhận và lập thành Biên bản được đại diện hai Bên (Bên A và Bên B hoặc Bên C - theo ủy quyền của Bên B) ký xác nhận.

3.6. Xác nhận khối lượng, độ ẩm, hàm lượng %TFe, %SiO₂

3.6.1. Biên bản giao nhận (xác nhận) khối lượng, kết quả phân tích độ ẩm hàng hóa thực tế giao nhận phải được đại diện hai Bên (Bên A và Bên B và hoặc Bên C) tham gia giám sát và lấy, phân tích mẫu ký xác nhận. Số lượng biên bản phát hành tối thiểu 06 bản (ít nhất 03 bản

gốc ký trực tiếp) có nội dung, giá trị pháp lý như nhau mỗi Bên (Bên A, Bên B, Bên C) giữ 02 bản (01 bản gốc, 02 bản chính).

3.6.2. Biên bản xác định thống nhất hàm lượng %TFe, %SiO₂ chính thức của lô hàng phải được đại diện của hai Bên (Bên A và Bên B hoặc Bên C – theo ủy quyền của Bên B) ký, đóng dấu xác nhận. Số lượng Biên bản phát hành tối thiểu 06 bản (ít nhất 02 bản gốc) có nội dung, giá trị pháp lý như nhau Bên A, Bên B, Bên C mỗi Bên giữ 02 bản (01 bản gốc, 01 bản chính).

Điều 4. Loại Hợp đồng; Đơn giá, giá hợp đồng

1. Loại hợp đồng: Theo đơn giá điều chỉnh.

2. Giá trị hợp đồng tạm tính khi ký kết hợp đồng

2.1. Đơn giá tạm tính (chưa bao gồm VAT): 1.977.000 đồng/tấn quy khô.

2.2. Giá trị hợp đồng tạm tính: Giá trị hợp đồng tạm tính (đã bao gồm 10% thuế GTGT và các khoản thuế, phí, lệ phí khác theo quy định của pháp luật Việt Nam - nếu có) là **195.723.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm chín năm tỷ, bảy trăm hai ba triệu đồng)**. Giá hợp đồng tạm tính được xác định theo: Đơn giá tạm tính; khối lượng TQ Fe mua bán tạm tính **90.000 tấn quy khô**; thuế suất thuế GTGT: 10%.

2. Giá trị hợp đồng

2.1. Giá mua bán:

Giá mua bán chính thức được tính theo giá thị trường. Đơn giá mua bán TQ Fe (thuộc hợp đồng này) là đơn giá Bên B bán TQ Fe (thuộc hợp đồng này) cho Bên C (được xác định trên cơ sở kết quả đấu giá, chào giá, áp giá... Mua TQ Fe theo quy chế tiêu thụ do HĐQT VIMICO ban hành (bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung, thay thế sau khi hai Bên ký kết hợp đồng này - nếu có) và chất lượng TQ Fe thực tế giao nhận, nguyên tắc tăng giảm đơn giá quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Điều này.

2.2. Nguyên tắc điều chỉnh đơn giá mua bán:

Đơn giá mua bán được điều chỉnh theo mức tăng hoặc giảm hàm lượng sắt (%TFe); hàm lượng silic (%SiO₂) của TQ Fe thực tế mua bán:

a) Nếu hàm lượng sắt bình quân (%TFe) của TQ Fe thực tế mua bán (giao nhận) lớn hơn (>) 62,00% thì cứ mỗi 0,1% TFe tăng thêm sẽ được cộng (+) thêm vào đơn giá mua bán tạm tính (trước thuế GTGT) là: **4.000 đồng/tấn**.

b) Nếu hàm lượng sắt bình quân (%TFe) của TQ Fe thực tế mua bán (giao nhận) nhỏ hơn (<) 62,00% thì cứ mỗi 0,1% TFe giảm đi sẽ được trừ (-) vào đơn giá mua bán tạm tính (trước thuế GTGT) là: **4.000 đồng/tấn**.

c) Nếu hàm lượng silic (%SiO₂) bình quân cao hơn 10% và nằm trong khoảng từ trên 10% đến bằng (=) 14% thì cứ mỗi 0,1% SiO₂ tăng lên sẽ trừ (-) vào Đơn giá tạm tính trước thuế GTGT là: **1.500 đồng/tấn**.

2.3. Đơn giá mua bán chính thức:

Đơn giá mua bán TQ Fe chính thức (thuộc hợp đồng này) là đơn giá được xác định theo quy định tại điểm 2.1 và 2.2 khoản 2 Điều này.

2.4. Giá trị hợp đồng chính thức:

2.4.1. Giá trị hợp đồng chính thức là tổng giá trị chính thức các lô hàng mua bán thuộc hợp đồng này – (trừ) Chi phí tiêu thụ (nếu có).

2.4.2. Giá trị chính thức từng lô hàng sẽ được hai Bên xác định trên cơ sở quy định tại điểm 2.3 khoản này và khối lượng, chất lượng... của TQ Fe thực tế giao nhận

(mua bán); Quy định về thuế GTGT của pháp luật Việt Nam. Giá trị chính thức từng lô hàng sẽ được hai Bên xác định và thể hiện trong **Biên bản quyết toán lô hàng (hoặc văn bản có giá trị pháp lý tương tự)**.

2.4.3. Chi phí tiêu thụ (đăng báo thông tin tổ chức đấu giá, chào giá,... - Nếu có) do Bên B thực hiện và được Bên A thanh toán hoàn trả khi kết thúc năm tài chính hoặc trước khi chấm dứt hợp đồng.

Điều 5. Tạm ứng và Thanh toán:

1. Thanh toán trả trước tiền mua hàng:

1.1. Thanh toán trả trước (trong Hợp đồng này và các văn bản có liên quan đến Hợp đồng này được gọi tắt là "**Tạm ứng**") được hiểu là Bên B thanh toán tiền mua hàng hóa thuộc Hợp đồng này cho Bên A trước thời điểm Bên A chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa mua bán thuộc Hợp đồng này cho Bên B. Thời điểm Bên A chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa mua bán thuộc Hợp đồng này cho Bên B được hiểu là thời điểm hai Bên hoàn thành việc giao nhận hàng hóa thể hiện bằng Biên bản giao nhận hàng hóa được đại diện hai Bên ký kết và Bên A đã phát hành Hóa đơn Giá trị gia tăng của hàng hóa gửi Bên B.

1.2. Giá trị thanh toán trả trước: Bên B sẽ tạm ứng cho Bên A một khoản tiền tối đa không quá 20% giá trị hợp đồng tạm tính quy định tại khoản 2 Điều 4 hợp đồng.

1.3. Tiến độ, giá trị mỗi lần tạm ứng sẽ được hai Bên xem xét, thống nhất thực hiện theo đề nghị của Bên A và phù hợp khả năng tài chính của Bên B.

1.4. Chiết khấu thanh toán trả trước

1.4.1. Chiết khấu thanh toán được hiểu là khoản tiền tính bằng VND/VND Bên A giảm trừ cho Bên B khi Bên B thanh toán trả trước tiền mua hàng hóa thuộc Hợp đồng này cho Bên A (sau đây được gọi tắt là "**tiền chiết khấu**").

1.4.2. Tiền chiết khấu (T_{CK}) được xác định như sau:

$T_{CK} = \text{Số tiền thực tế Bên B thanh toán trả trước} \times (\text{nhân}) \text{ Tỷ lệ chiết khấu (\%/năm)} \times (\text{nhân}) \text{ Số ngày thanh toán trả trước : (chia) 365}$

Trong đó:

- Số tiền thực tế Bên B thanh toán trả trước được xác định theo thực tế Bên B chuyển cho Bên A (bao gồm cả số tiền Bên A còn nợ Bên B được hai Bên thống nhất chuyển thành tiền thanh toán trả trước - nếu có).

- Tỷ lệ chiết khấu: Được tính tương đương với lãi suất Bên B huy động vay ngắn hạn tại BIDV - Sở giao dịch 3 (hoặc Bên B huy động vay ngắn hạn tại một ngân hàng khác được hai Bên thống nhất nếu Bên B không huy động vay ngắn hạn tại BIDV) theo từng thời kỳ tương ứng với kỳ tính tiền chiết khấu.

- Số ngày thanh toán trả trước: Được tính từ ngày Bên B chuyển tiền thanh toán trả trước cho Bên A (hoặc ngày hai Bên thống nhất chuyển nợ thành tiền thanh toán trả trước - nếu có) đến ngày Bên B khấu trừ tiền thanh toán trả trước theo quy định của Hợp đồng.

1.4.3. Giá trị chiết khấu hàng tháng/kỳ thanh toán được hai Bên xác định cụ thể tại **Biên bản thống nhất giá trị chiết khấu tiền hàng** theo quy định của Hợp đồng này.

1.4.4. Tổng số tiền chiết khấu thuộc Hợp đồng này sẽ được hai Bên quyết toán khi kết thúc năm tài chính và/hoặc khi quyết toán Hợp đồng.

1.4.5. Chứng từ ghi nhận việc thanh toán tiền chiết khấu giữa hai Bên được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

1.5. Số tiền thanh toán trả trước sẽ được giảm trừ dần theo nguyên tắc quy định tại điểm 2.5 khoản 2 Điều này.

2. Thanh toán trả sau:

2.1. Thanh toán trả sau được hiểu là việc Bên B trả tiền mua hàng hóa thuộc Hợp đồng cho Bên A sau khi hai Bên đã hoàn thành việc chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa (đã hoàn thành giao nhận hàng hóa) Bên B đã nhận được Hóa đơn Giá trị gia tăng tạm tính của hàng hóa mua bán hoặc Bên B trả tiền mua hàng hóa thuộc Hợp đồng cho Bên A sau khi hai Bên đã hoàn thành quyết toán giá trị của từng lô hàng hóa giao nhận theo Hợp đồng và Bên B đã nhận được Hóa đơn Giá trị gia tăng điều chỉnh (nếu có) của hàng hóa được phát hành bởi Bên A.

2.2. Đồng tiền thanh toán: Đồng tiền Việt Nam (“VND/VNĐ”).

2.3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản và/hoặc bù trừ công nợ (nếu có). Bên B sẽ tự chi trả phí chuyển tiền và tất cả các khoản phí và lệ phí ngân hàng khác (nếu có) liên quan đến việc chuyển tiền thanh toán cho Bên A.

2.4. Tiến độ thanh toán:

2.4.1. Thanh toán lần đầu: Bên B thanh toán tối đa 90% giá trị tạm tính của lô hàng giao nhận trong vòng 30 ngày làm việc, kể từ ngày hai Bên hoàn thành giao nhận (hoặc tạm giao nhận) lô hàng và Bên B đã nhận được hoá đơn GTGT thể hiện giá trị tạm tính của lô hàng do Bên A phát hành gửi Bên B

2.4.2. Thanh toán lần sau: Bên B sẽ thanh toán cho Bên A giá trị còn lại của lô hàng (nếu có) trong vòng 30 ngày, kể từ ngày hai Bên ký **Biên bản thống nhất giá trị lô hàng (hoặc văn bản có ý nghĩa, giá trị pháp lý tương tự)**.

2.5. Thu hồi tiền thanh toán trả trước:

Số tiền thanh toán trả trước sẽ được Bên B thu hồi dần qua các lần thanh toán (tối đa không vượt quá 50% giá trị thanh toán của từng lô hàng) cho đến khi Bên B thu hồi hết giá trị thanh toán trả trước và/hoặc thu hồi hết khi đến **30/06/2026** (tùy thuộc thời điểm nào đến trước).

2.6. Hồ sơ thanh toán lô hàng:

- Văn bản đề nghị thanh toán Bên A gửi Bên B (chỉ áp dụng khi thanh toán chuyển khoản).

- Bản chính Biên bản giao nhận quặng sắt giữa Bên A và Bên B (hoặc Bên C).

- Bản chính Biên bản xác định chất lượng lô hàng (hoặc văn bản có ý nghĩa, giá trị pháp lý tương tự) giữa Bên A và Bên B (hoặc Bên C).

- Bản chính Biên bản quyết toán giá trị chính thức lô hàng hóa giao nhận giữa Bên A và Bên B.

- Hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ, hợp pháp của hàng hóa thực tế mua bán do Bên A phát hành gửi Bên B.

2.7. Phát hành Hóa đơn GTGT của hàng hóa

2.7.1. Thông tin Bên Mua hàng: Quy định tại phần đầu hợp đồng và/hoặc theo văn bản thông báo của Bên B về các nội dung thay đổi trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).

2.7.2. Phát hành Hóa đơn GTGT tạm tính của hàng hóa:

a) Khối lượng hàng hóa thể hiện trên hóa đơn tạm tính là khối lượng TQ Fe quy khô (quy độ ẩm 0%) Bên A đã giao và Bên B (hoặc Bên C) đã nhận. Nếu vì lý do khách quan, hai Bên (A & B hoặc C) chưa thể hoàn thành phân tích độ ẩm (chưa có kết quả phân tích độ ẩm thực tế/chưa xác định được khối lượng quy khô) của TQ Fe giao nhận nhưng Bên B (hoặc Bên C) có nhu cầu phải vận chuyển TQ Fe rời khỏi địa

điểm giao nhận để đảm bảo thời gian, tiến độ vận chuyển hàng hóa thì Bên A và Bên B (hoặc Bên C) thống nhất tạm tính độ ẩm của hàng hóa giao nhận là 10% (mười phần trăm). Trong trường hợp này, khối lượng hàng hóa quy khô thể hiện trên hóa đơn GTGT tạm tính được hiểu là khối lượng TQ Fe quy khô tạm tính.

b) Đơn giá mua bán hàng hóa tạm tính: Là đơn giá tạm tính Bên B ký Hợp đồng mua bán với Bên C;

c) Thuế suất thuế GTGT: Theo quy định của pháp luật liên quan có hiệu lực tại thời điểm thực tế phát sinh giao dịch mua bán (thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa mua bán).

2.7.3. Phát hành hóa đơn GTGT điều chỉnh hóa đơn GTGT tạm tính đã phát hành:

Sau khi Bên A và Bên B (hoặc Bên C) đã xác định được khối lượng quy khô của TQ Fe giao nhận (đã xuất hóa đơn tạm tính) và/hoặc sau khi hai Bên ký Biên bản quyết toán giá trị chính thức của lô hàng hóa mua bán (hoặc văn bản có giá trị pháp lý tương tự), Bên A sẽ phát hành hóa đơn GTGT điều chỉnh (tăng hoặc giảm) khối lượng, đơn giá, giá trị của hàng hóa, tiền thuế GTGT thể hiện trên hóa đơn GTGT tạm tính đã phát hành.

2.7.4. Việc phát hành hóa đơn GTGT của hàng hóa phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật có liên quan. Hóa đơn GTGT sau khi điều chỉnh lần cuối phải thể hiện đúng, chính xác khối lượng, giá trị hàng hóa thực tế đã mua bán (giao nhận) giữa hai Bên.

2.7.5. Email nhận hóa đơn: Lamtchc@gmail.Com và haidn.vimico@gmail.com

Điều 6. Ủy quyền và nhận ủy quyền:

1. Trong trường hợp Bên B ký hợp đồng mua bán TQ Fe thuộc hợp đồng này với Bên C thì VIMICO ủy quyền và KS3 nhận ủy quyền thực hiện:

1.1. Trực tiếp liên hệ và tổ chức giao nhận hàng hóa mua bán thuộc hợp đồng này với Bên C theo quy định Hợp đồng giữa Bên B và Bên C.

1.2. Hướng dẫn, quản lý người đại diện nhận hàng của Bên C bao gồm cả người được Bên C thuê vận chuyển hàng hóa - nếu có) khi vào khu vực giao nhận hàng thuộc quyền quản lý của KS3;

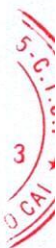
1.3. Yêu cầu đại diện nhận hàng của Bên C (bao gồm cả người được Bên C thuê vận chuyển hàng hóa - nếu có) tuân thủ đúng các quy định và hướng dẫn của KS3 khi vào khu vực giao nhận hàng; tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và mọi rủi ro có liên quan nếu vi phạm quy định gây tai nạn thiệt hại cho chính bản thân mình hoặc người, tài sản của Bên Khách hàng; nếu vi phạm quy định dẫn đến gây tai nạn thiệt hại cho người, tài sản của KS3 hoặc của Bên thứ 3 khác thì phải bồi thường cho KS3 toàn bộ giá trị thiệt hại đó;

1.4. Phối hợp với Bên C để giải quyết các vướng mắc (nếu có) trong quá trình giao nhận hàng hóa và/hoặc thực hiện các nội dung được VIMICO ủy quyền.

1.5. Cân, ghi chép, tổng hợp, đối chiếu, lập, ký hồ sơ giao nhận hàng hóa (Phiếu cân, Phiếu xuất kho, Biên bản giao nhận hàng hóa hàng ngày, Biên bản tổng hợp khối lượng giao nhận từng lô hàng) với Bên C;

1.6. Cùng Bên C lấy, gia công, phân chia mẫu theo quy định của Hợp đồng này và Hợp đồng giữa Bên và Bên C.

1.7. Cùng Bên C phân tích xác định độ ẩm, lập, ký xác nhận Biên bản xác độ ẩm hàng hóa thực tế giao nhận theo quy định của Hợp đồng này và Hợp đồng giữa Bên B và Bên C;



1.8. Phân tích hoặc gửi phân tích xác định hàm lượng %TFe, hàm lượng %SiO₂ của hàng hóa thực tế giao nhận theo quy định của Hợp đồng này; Hợp đồng giữa Bên B và Bên C;

1.9. Cùng Bên C đối chiếu, thống nhất, lập, ký xác nhận Biên bản thống nhất lượng %TFe; %SiO₂ chính thức của lô hàng theo các quy định của Hợp đồng này; Hợp đồng giữa Bên B và Bên C;

1.10. Các nội dung khác (nếu có) theo thông báo của VIMICO gửi KS3 và/hoặc theo thỏa thuận khác (nếu có) thể hiện tại hợp đồng mua bán ký giữa Bên B và Bên C.

2. Khối lượng, chất lượng hàng hóa thực tế giao nhận được KS3 và Bên C cùng thống nhất, xác nhận sẽ đồng thời là khối lượng, chất lượng hàng hóa thực tế giao nhận được KS3 và Bên B xác nhận và sẽ là căn cứ để các Bên (A&B; B&C) xác định, thống nhất đơn giá, giá trị hàng hóa mua bán chính thức giữa VIMICO và KS3 theo hợp đồng này; đồng thời, cũng là căn cứ để xác định, thống nhất đơn giá, giá trị hàng hóa mua bán chính thức giữa VIMICO và Bên C.

3. VIMICO có toàn quyền tự quyết định thay đổi một hoặc toàn bộ nội dung, phạm vi ủy quyền nêu trên nếu thấy cần thiết vào bất kỳ thời điểm nào mà nội dung, phạm vi công việc ủy quyền chưa diễn ra.

Điều 7. Bất khả kháng

1. Sự kiện bất khả kháng là các sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, khiến cho một Bên hoặc các Bên không thể thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng này.

2. Trong trường hợp bất khả kháng, các Bên sẽ thông báo cho nhau về các biến cố của trường hợp này và cả những hậu quả có thể xảy ra cho việc thực hiện hợp đồng này trong vòng 07 ngày kể từ khi xảy ra biến cố.

3. Không Bên nào được miễn trách nhiệm thanh toán các khoản nợ đáo hạn cho nghĩa vụ của mình vì bất cứ lý do gì.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của các Bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

1.1. Hướng dẫn, quản lý người đại diện nhận hàng của Bên B hoặc Bên C (bao gồm cả người được Bên B/Bên C thuê vận chuyển hàng hóa - nếu có) khi vào khu vực giao nhận hàng thuộc quyền quản lý của Bên A;

1.2. Yêu cầu đại diện nhận hàng của Bên B/Bên C (bao gồm cả người được Bên B/Bên C thuê vận chuyển TQ Fe - nếu có) tuân thủ đúng các quy định và hướng dẫn của Bên A khi vào khu vực giao nhận hàng; tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và mọi rủi ro có liên quan nếu vi phạm quy định gây tai nạn thiệt hại cho chính bản thân mình hoặc người, tài sản của Bên B/Bên C; nếu vi phạm quy định dẫn đến gây tai nạn thiệt hại cho người, tài sản của Bên A thì phải bồi thường cho Bên A toàn bộ giá trị thiệt hại đó;

1.3. Yêu cầu Bên B thanh toán theo quy định của hợp đồng;

1.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc, xuất xứ, quyền sở hữu của hàng hóa bán cho Bên B/Bên C;

1.5. Xác nhận khối lượng hàng hóa thực tế giao nhận, lập Biên bản thống nhất giá trị từng lô hàng/hợp đồng theo những điều khoản quy định trong Hợp đồng này;

1.6. Phối hợp chặt chẽ với Bên B (hoặc Bên C) để giải quyết các vướng mắc (nếu có) trong quá trình giao nhận hàng hóa/thực hiện hợp đồng .

1.7. Phát hành hóa đơn GTGT của hàng hóa theo quy định;

1.8. Định kỳ, không muộn hơn ngày 20 hàng tháng (nếu rơi vào ngày nghỉ thì chuyển sang ngày làm việc liền sau ngày 20) Bên A gửi thông báo cho Bên B về kế hoạch nhu cầu tiêu thụ tháng liền sau (nội dung bao gồm: Khối lượng TQ Fe tồn kho tháng dự kiến đến hết tháng, kế hoạch sản xuất, kế hoạch tiêu thụ,...).

1.9. Định kỳ trước ngày 20 (nếu rơi vào ngày nghỉ thì chuyển sang ngày làm việc liền sau ngày 20) tháng cuối quý, Bên A gửi thông báo cho Bên B về kế hoạch tiêu thụ quý sau (nội dung bao gồm: Khối lượng TQ Fe tồn kho dự kiến khi kết thúc tháng cuối quý, kế hoạch sản xuất, kế hoạch tiêu thụ quý,...).

1.10. Xác định và thông báo giá sàn chào bán TQ Fe khi Bên B yêu cầu. Trong trường hợp này Bên A phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về giá sàn do mình xác định và thông báo cho Bên B.

1.11. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác đã thỏa thuận trong hợp đồng này và pháp luật có liên quan.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

2.1. Yêu cầu Bên A giao hàng theo đúng Hợp đồng.

2.2. Yêu cầu Bên A phát hành hóa đơn GTGT của hàng hóa theo quy định;

2.3. Phối hợp chặt chẽ với Bên A và Bên C trong quá trình giao nhận hàng hóa;

2.4. Bên B (hoặc Bên C) thông báo cho Bên A kế hoạch tiếp nhận hàng (số lượng, khối lượng, phương tiện vận chuyển, thời gian dự kiến,...) trước khi ngày nhận hàng;

2.5. Tổ chức tiếp nhận, vận chuyển hàng hóa theo Hợp đồng đã ký;

2.6. Thanh toán tiền mua hàng đầy đủ, đúng tiến độ cho Bên A;

2.7. Trong trường hợp không thể tiếp nhận hàng hóa theo kế hoạch Bên B (hoặc Bên C) đã thông báo cho Bên A trước đó thì Bên B (hoặc Bên C) phải thông báo lại kịp thời cho Bên A.

2.8. Tuân thủ và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam trong việc kinh doanh, sử dụng hàng hóa mua bán thuộc Hợp đồng này kể từ thời điểm tiếp nhận hàng hóa từ Bên A.

2.9. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác đã thỏa thuận trong hợp đồng này.

Điều 9. Giải quyết tranh chấp

Hai Bên cần chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện hợp đồng. Nếu có vấn đề gì bất lợi phát sinh các Bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực bàn bạc, thương lượng, đàm phán để giải quyết trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Nếu không giải quyết được thì trong vòng 30 ngày, kể từ ngày thúc thương lượng, đàm phán không thành, một trong hai Bên đều có quyền đệ đơn đến Tòa án có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật Việt Nam để giải quyết. Phán quyết của Tòa là phán quyết cuối cùng, có hiệu lực đối với cả hai Bên. Chi phí giải quyết vụ việc tại Tòa án (bao gồm cả phí thuê Luật sư) do Bên thua kiện chi trả.

Điều 10. Hiệu lực hợp đồng và thanh lý hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai Bên ký kết và hết hiệu lực theo thỏa thuận, thống nhất của hai Bên được thể hiện tại Biên bản quyết toán, thanh lý hợp đồng (hoặc văn bản có ý nghĩa, giá trị tương tự).

Điều 11. Thỏa thuận khác

1. Hợp đồng này được điều chỉnh theo quy định của luật pháp Việt Nam.
2. Không Bên nào có quyền tự ý sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này khi không có sự đồng ý của Bên kia. Mọi sửa đổi, bổ sung chỉ có hiệu lực thực hiện khi được hai Bên đồng ý bằng văn bản.
3. Hai Bên cam kết thực hiện đúng các nội dung, điều khoản đã thỏa thuận được thể hiện trong Hợp đồng. Nếu có gì vướng mắc phải cùng nhau bàn bạc giải quyết.
4. Nếu Bên nào đơn phương hủy bỏ hoặc chấm dứt Hợp đồng không có lý do chính đáng mà không được sự đồng ý của Bên kia thì phải bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại do việc đơn phương hủy bỏ hoặc chấm dứt hợp đồng gây ra cho Bên kia.
5. Hai Bên cùng đồng ý và tự nguyện ký kết Hợp đồng này vào ngày, tháng, năm ghi tại phần đầu hợp đồng.
6. Hợp đồng này gồm 12 trang văn bản bằng tiếng Việt, được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 03 bản để làm cơ sở cùng thực hiện./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A (KS3)
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**ĐẠI DIỆN BÊN B (VIMICO)
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tạ Quốc Hùng

Trịnh Văn Tuệ

Lào Cai, ngày 25 tháng 4 năm 2025

DỰ THẢO

BIÊN BẢN
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Hôm nay, vào hồi 8h00' ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại Hội trường Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico, số 162a, tổ 7, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico được tiến hành với các nội dung sau:

A. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

1. Tên: Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico
2. Địa chỉ: Số 162A, phường Duyên Hải, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
3. Mã số Doanh nghiệp: 0500204315, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 26/8/2022; Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính là khai thác, chế biến quặng sắt.

B. THÀNH PHẦN THAM DỰ ĐẠI HỘI, TÍNH HỢP PHÁP, HỢP LỆ CỦA ĐẠI HỘI

I. Thành phần tham dự

1. Cổ đông hoặc người được ủy quyền bằng văn bản của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 26/03/2025 tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
2. Các ông/bà thành viên HĐQT, thành viên BKS; Ban Giám đốc, Trưởng các phòng chức năng; Quản đốc các đơn vị trực thuộc; Các quý cổ đông và Thư ký Công ty.

II. Tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội:

1. Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Văn Thanh - Trưởng Ban thẩm tra tư cách cổ đông của Đại hội thay mặt cho Ban thẩm tra thông tin cổ đông trình bày Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội và tuyên bố ĐHCĐ đủ điều kiện tiến hành. Nội dung cơ bản như sau:

- Tính đến thời điểm 17h00' ngày 26/03/2025, số cổ đông có quyền tham dự Đại hội là 45 cổ đông (trong danh sách có 43 cá nhân và 02 tổ chức), đại diện cho 3.500.000 cổ phần của công ty có quyền biểu quyết theo sổ đăng ký cổ đông của Công ty

- Tính đến thời điểm 8h00' ngày 25/4/2025, số cổ đông có người được ủy quyền tham dự Đại hội là người, đại diện cho cổ phần, đạt tỷ lệ%

tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Tất cả các cổ đông và người đại diện cổ đông đều có đủ tư cách tham dự Đại hội.

2. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành. *(Có biên bản kiểm tra tư cách cổ đông kèm theo)*

C. NỘI DUNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2025

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thảo luận, thông qua và phê duyệt các nội dung sau:

1. Thông qua báo cáo kết quả SXKD, ĐTXD năm 2024 và Kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2025 của Phó giám đốc Công ty.

2. Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và phương hướng, kế hoạch hoạt động năm 2025.

3. Thông qua báo cáo hoạt động của BKS năm 2024 và phương hướng, kế hoạch hoạt động năm 2025.

4. Thông qua báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán

5. Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập, sử dụng các quỹ năm 2024 và kế hoạch năm 2025.

6. Tờ trình chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2024 và Kế hoạch chi trả thù lao năm 2025.

7. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

8. Tờ trình thông qua về việc mua/bán tinh quặng sắt được sản xuất tại mỏ sắt Kíp Tước, xã Hợp Thành, TP Lào Cai năm 2025 với Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP.

D. DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI

I. Khai mạc đại hội

1. Ông Nguyễn Văn Thanh – Trưởng phòng Tổ chức – LĐTL thay mặt Ban tổ chức Đại hội điều hành chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, trình bày toàn văn Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 *(Có quy chế làm việc kèm theo)*

2. Theo quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức của Đại hội, Ông Lê Tuấn Ngọc – Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico làm chủ tọa ĐHĐCĐ.

3. Ông Lê Tuấn Ngọc – Chủ tọa Đại hội đề nghị các cổ đông tham dự Đại hội cho ý kiến biểu quyết đối với Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 *(Có văn bản trình bày tại Đại hội)*

** Đại hội đã biểu quyết bằng hình thức thẻ biểu quyết*

** Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu tán thành phiếu/phiếu đạt tỷ lệ%; số phiếu không tán thành..... phiếu/.....phiếu đạt tỷ lệ.....%; số phiếu không có ý kiến.....phiếu/.....phiếu đạt tỷ lệ.....%.*

Kết quả:.....% số phiếu có quyền biểu quyết tán thành.

4. Ông Lê Tuấn Ngọc – Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa Đại hội mời ông Tạ Quốc Hùng – Phó giám đốc Công ty thay mặt Ban điều hành Công ty cùng tham gia làm đồng chủ tọa Đại hội.

5. Ông Lê Tuấn Ngọc – Chủ tọa Đại hội thông qua Ban thư ký, Ban kiểm phiếu biểu quyết các nội dung tại Đại hội.

5.1 Thành phần Ban thư ký

- Bà Chu Thị Ngọc Huyền – Phó TP Tổ chức – LĐTL, Thư ký Công ty – Trưởng ban;

- Ông Nguyễn Ngọc Lâm – CV phòng Kế hoạch – Đầu tư – Ủy viên.

** Đại hội đã biểu quyết bằng hình thức thẻ biểu quyết*

** Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu tán thành phiếu/phiếu đạt tỷ lệ%; số phiếu không tán thành..... phiếu/.....phiếu đạt tỷ lệ.....%; số phiếu không có ý kiến.....phiếu/.....phiếu đạt tỷ lệ.....%.*

Kết quả:.....% số phiếu có quyền biểu quyết tán thành.

5.2 Thành phần Ban kiểm phiếu biểu quyết và kiểm phiếu bầu cử:

- Ông Mai Văn Thành - TP. Kế hoạch đầu tư – Trưởng ban

- Bà Ngô Thị Thùy - CV. Tài chính kế toán - Ủy viên

- Ông Lã Thành Long - CV Phó phòng Kỹ thuật CĐ ATMT - Ủy viên

** Đại hội đã biểu quyết bằng hình thức thẻ biểu quyết*

** Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu tán thành phiếu/phiếu đạt tỷ lệ%; số phiếu không tán thành..... phiếu/.....phiếu đạt tỷ lệ.....%; số phiếu không có ý kiến.....phiếu/.....phiếu đạt tỷ lệ.....%.*

Kết quả:.....% số phiếu có quyền biểu quyết tán thành.

6. Ông Lê Tuấn Ngọc trình bày Chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 (có nội dung chi tiết chương trình kèm theo)

Ngày 04/4/2025 Công ty đã công bố trên website của Công ty về chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025. Ông Lê Tuấn Ngọc chủ trì thông qua Chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

** Đại hội đã biểu quyết bằng hình thức thẻ biểu quyết*

** Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu tán thành phiếu/phiếu đạt tỷ lệ%; số phiếu không tán thành..... phiếu/.....phiếu đạt tỷ lệ.....%; số phiếu không có ý kiến.....phiếu/.....phiếu đạt tỷ lệ.....%.*

Kết quả:.....% số phiếu có quyền biểu quyết tán thành.

II. Nội dung chính của Đại hội :

1. Báo cáo kết quả SXKD, ĐTXD năm 2024 và Kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2025 của Phó giám đốc Công ty.

Ông Tạ Quốc Hùng – Phó giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico trình bày Báo cáo số 16/BC-HĐQT ngày 03/4/2025 về kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD, ĐTXD năm 2024 và Kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2025 của Công ty. (Có văn bản trình tại Đại hội).

a. Báo cáo kết quả SXKD, ĐTXD năm 2024:

* Chỉ tiêu kinh tế:

- Tổng doanh thu: 146.998/ 147.900 triệu đồng, 99,39 % KHN 2024, bằng 49,09 % năm 2023.
- Lợi nhuận trước thuế: 7.928/4.061 triệu đồng, đạt 195,22 % KHN 2024, bằng 90,07 % năm 2023.
- Quỹ tiền lương: 18.797/16.818 triệu đồng, đạt 111,76% KHN 2024, bằng 113,24 % năm 2023.
- Lao động BQSD: 118/123 người, đạt 95,93% KHN 2024, bằng 97,52 % năm 2023.
- Tiền lương bình quân: 13,27/11,39 triệu đồng/người/tháng, đạt 116,51% KHN 2024, bằng 116,13% năm 2023.
- Nộp NSNN: 58.352/48.002 triệu đồng, bằng 121,56 % KHN 2024, bằng 106,47 % năm 2023.
- Hệ số bảo toàn vốn: 1,099 lần, năm 2024 Công ty phát triển được vốn Chủ sở hữu.
- Hệ số nợ/vốn CSH: 2,256 lần, Hệ số Nợ/vốn CSH được cải thiện so với năm 2023.

* Chỉ tiêu sản xuất:

- Tinh quặng sắt Kíp Tước: 78.294 tấn/ 78.200 tấn, đạt 100,12 % KHN 2024, bằng 108,95 % năm 2023.
- Khai thác quặng NK: 120.732 tấn/121.000 tấn, bằng 99,77 % KHN 2024 và bằng 100 % năm 2023.
- Bóc xúc đất đá thải mỏ Kíp Tước: 261.383/ 400.000 m³, đạt 65,35 % KHN 2024, và bằng 67,43 % năm 2023.

* Chỉ tiêu tiêu thụ

- Tình quặng sắt Kíp Tước: 71.612,065 tấn/ 85.000 tấn, đạt 84,25 % KHN 2024, bằng 80,35 % năm 2023.

* Công tác đầu tư XDCB

Kế hoạch ĐTXD năm 2024: 10.985 triệu đồng.

Trong đó:

- Giá trị chuyển tiếp năm 2023: 7.785 triệu đồng.

- Dự án Làng Vinh, Làng Cọ: 200 triệu đồng.

- Đầu tư thiết bị duy trì SXKD 2024: 3.000 triệu đồng.

Năm 2024, do tình hình tài chính của Công ty gặp rất nhiều khó khăn nên Công ty chỉ thực hiện đầu tư chuyển tiếp năm 2023, với giá trị là 7.608 triệu đồng, đạt 69,25% KHN 2024

- Mua 01 máy xúc đào bánh xích, gầu 1,9 m³: 5.895 triệu đồng

- Mua 01 máy xúc lật bánh lốp, gầu 3,1 m³: 1.713 triệu đồng.

b. Kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2025:

Các chỉ tiêu về sản xuất năm 2025

Tình quặng sắt Kíp Tước: 80.000 tấn.

Bóc xúc đất, đá thải Kíp Tước: 400.000 m³.

Bóc xúc đất đá ngoài bãi thải 250.000 m³

Các chỉ tiêu về tiêu thụ năm 2025

Tình quặng sắt Kíp Tước: 90.000 tấn.

Các chỉ tiêu về giá trị chủ yếu năm 2025

Doanh thu: 177.930 triệu đồng.

Lợi nhuận trước thuế: 5.550 triệu đồng.

Nộp NSNN: 68.000 triệu đồng.

Lao động BQ sử dụng: 125 người.

Quỹ lương: 22.146 triệu đồng.

Tiền lương bình quân: 14,764 triệu đồng/người/tháng.

Đầu tư XDCB : 8.760 triệu đồng.

- Dự án Làng Vinh, Làng Cọ: 100 triệu đồng.

- Đầu tư thiết bị phục vụ SXKD 2025 : 8.660 triệu đồng.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch, căn cứ vào tình hình thực tế, biến động giá cả của thị trường chủ động điều chỉnh kế hoạch phù hợp nhằm đảm bảo được mục tiêu kế hoạch, lợi nhuận, duy trì sản xuất ổn định, bảo toàn, phát triển vốn.

2. Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và phương hướng, kế hoạch hoạt động năm 2025:

Ông Lê Tuấn Ngọc – Chủ tịch HĐQT thay mặt Đoàn chủ tọa trình bày Báo cáo số 17/BC-HĐQT ngày 03/4/2025 về hoạt động của HĐQT năm 2024 và phương hướng, kế hoạch hoạt động năm 2025 (có văn bản trình tại Đại hội).

3. Thông qua báo cáo hoạt động của BKS năm 2024 và phương hướng, kế hoạch hoạt động năm 2025:

Ông Lê Thanh Tùng – Trưởng ban kiểm soát Công ty thay mặt BKS trình bày Báo cáo số 20/BC-BKS ngày 03/4/2025 về tình hình hoạt động của BKS năm 2024 và phương hướng, kế hoạch hoạt động năm 2025. (có văn bản trình tại Đại hội).

4. Thông qua báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán

Bà Trần Kiều Minh – TP Tài chính kế toán Công ty trình bày báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 tại Tờ trình số 18/TTr-HĐQT ngày 03/4/2025. Nội dung này đã được đăng tải tại Website Công ty.

5. Tờ trình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ năm 2024 và kế hoạch năm 2025

Ông Tạ Quốc Hùng – Phó giám đốc Công ty thay mặt Đoàn Chủ tọa trình bày Tờ trình số 19/TTr-HĐQT ngày 03/4/2025 về việc thực hiện phương án phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ năm 2024, Kế hoạch năm 2025. (Có văn bản trình tại Đại hội)

6. Tờ trình thông qua mức chi trả thù lao của HĐQT, BKS Công ty năm 2024 và kế hoạch chi trả năm 2025.

Ông Lê Tuấn Ngọc – Chủ tịch HĐQT thay mặt Đoàn Chủ tọa trình bày Tờ trình số 21/TTr-HĐQT ngày 03/4/2025 về việc thực hiện chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2024 và Kế hoạch chi trả thù lao năm 2025 (có văn bản trình tại Đại hội).

7. Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.

Ông Lê Thanh Tùng - Trưởng Ban kiểm soát Công ty thay mặt Ban kiểm soát trình bày Tờ trình số 22/TTr-BKS ngày 03/4/2025 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty (có văn bản trình tại Đại hội).

8. Thông qua việc mua/bán tinh quặng sắt được sản xuất tại mỏ Kíp Tước năm 2025 với Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

Ông Tạ Quốc Hùng – Phó giám đốc Công ty thay mặt Đoàn Chủ tọa trình bày Tờ trình số 23/TTr-HĐQT về việc mua/bán tinh quặng sắt Manhetit được sản xuất tại mỏ Kíp Tước năm 2025 với Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP (có văn bản trình tại Đại hội).

9. Đại hội tiến thành thảo luận:

Ý kiến của cổ đông

10. Đại hội tiến hành biểu quyết các nội dung tại Đại hội

Sau phân thảo luận, dưới sự điều hành của Đoàn chủ tọa, Ông Lê Tuấn Ngọc đề nghị Đại hội tiến hành biểu quyết bằng thẻ biểu quyết từng nội dung đã được quy định tại Chương trình Đại hội. Ban kiểm phiếu tiến hành làm việc.

Nội dung 1. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD, ĐTXD năm 2024 và Kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2025 của Phó giám đốc Công ty.

** Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu tán thành phiếu/phiếu đạt tỷ lệ%; số phiếu không tán thành..... phiếu/.....phiếu đạt tỷ lệ.....%; số phiếu không có ý kiến.....phiếu/.....phiếu đạt tỷ lệ.....%.*

Kết quả:.....% số phiếu có quyền biểu quyết tán thành.

Nội dung 2. Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và phương hướng, kế hoạch hoạt động năm 2025:

** Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu tán thành phiếu/phiếu đạt tỷ lệ%; số phiếu không tán thành..... phiếu/.....phiếu đạt tỷ lệ.....%; số phiếu không có ý kiến.....phiếu/.....phiếu đạt tỷ lệ.....%.*

Kết quả:.....% số phiếu có quyền biểu quyết tán thành.

Nội dung 3. Thông qua báo cáo hoạt động của BKS năm 2024 và phương hướng, kế hoạch hoạt động năm 2025:

** Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu tán thành phiếu/phiếu đạt tỷ lệ%; số phiếu không tán thành..... phiếu/.....phiếu đạt tỷ lệ.....%; số phiếu không có ý kiến.....phiếu/.....phiếu đạt tỷ lệ.....%.*

Kết quả:.....% số phiếu có quyền biểu quyết tán thành.

Nội dung 4. Thông qua báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.

** Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu tán thành phiếu/phiếu đạt tỷ lệ%; số phiếu không tán thành..... phiếu/.....phiếu đạt tỷ lệ.....%; số phiếu không có ý kiến.....phiếu/.....phiếu đạt tỷ lệ.....%.*

Kết quả:.....% số phiếu có quyền biểu quyết tán thành.

Nội dung 5. Thông qua phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ năm 2024 và kế hoạch năm 2025.

** Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu tán thành phiếu/phiếu đạt tỷ lệ%; số phiếu không tán thành..... phiếu/.....phiếu đạt tỷ lệ.....%; số phiếu không có ý kiến.....phiếu/.....phiếu đạt tỷ lệ.....%.*

Kết quả:.....% số phiếu có quyền biểu quyết tán thành.

Nội dung 6. Thông qua mức chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2024 và Kế hoạch chi trả năm 2025.

** Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu tán thành phiếu/phiếu đạt tỷ lệ%; số phiếu không tán thành..... phiếu/.....phiếu đạt tỷ lệ.....%; số phiếu không có ý kiến.....phiếu/.....phiếu đạt tỷ lệ.....%.*

Kết quả:.....% số phiếu có quyền biểu quyết tán thành.

Nội dung 7. Thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025.

** Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu tán thành phiếu/phiếu đạt tỷ lệ%; số phiếu không tán thành..... phiếu/.....phiếu đạt tỷ lệ.....%; số phiếu không có ý kiến.....phiếu/.....phiếu đạt tỷ lệ.....%.*

Kết quả:.....% số phiếu có quyền biểu quyết tán thành.

Nội dung 8. Thông qua việc mua/bán tinh quặng sắt sản xuất tại mỏ sắt Kíp Tước với Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP năm 2025. (Người đại diện phần vốn của VIMICO không thực hiện biểu quyết nội dung này)

** Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu tán thành phiếu/phiếu đạt tỷ lệ%; số phiếu không tán thành..... phiếu/.....phiếu đạt tỷ lệ.....%; số phiếu không có ý kiến.....phiếu/.....phiếu đạt tỷ lệ.....%.*

Kết quả:.....% số phiếu có quyền biểu quyết tán thành.

11. Đại hội nghị giải lao.

12. Các nội dung được Đại hội thông qua:

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều lệ của Công ty và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2025. Căn cứ kết quả ghi tại Biên bản kiểm phiếu/ thẻ biểu quyết. Chủ tọa Đại hội kết luận những vấn đề đã được Đại hội thông qua.

12.1 Thông qua Báo cáo kết quả SXKD, ĐTXD năm 2024 và Kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2025 của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

(1) Kết quả thực hiện chỉ tiêu SXKD, ĐTXD chủ yếu năm 2024:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	So sánh %
1	Chỉ tiêu sản xuất tinh quặng sắt Kíp Tước	Tấn	78.200	78.294	100,12
2	Chỉ tiêu tiêu thụ tinh quặng sắt Kíp Tước	Tấn	85.000	71.612	84,25
3	Tổng doanh thu:	Tr.đồng	147.900	146.998	99,39
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	4.061	7.928	195,22
5	Quỹ tiền lương	Tr.đồng	16.818	18.797	111,77
6	Lao động BQSD	Người	123	118	95,93
7	Tiền lương bình quân	Tr.đồng	11,39	13,27	116,51
8	Nộp NSNN	Tr.đồng	48.002	58.352	121,56
9	Đầu tư XDCB	Tr.đồng	10.985	7.608	69,26

- Hệ số bảo toàn vốn 1,09 lần, năm 2024 Công ty phát triển được vốn Chủ sở hữu.

- Hệ số nợ/vốn CSH: 2,256 lần, Hệ số Nợ/vốn CSH được cải thiện so với năm 2023.

(2) Chỉ tiêu Kế hoạch SXKD, ĐTXD chủ yếu năm 2025:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	So sánh %
1	Chỉ tiêu sản xuất tinh quặng sắt Kíp Tước	Tấn	78.294	80.000	102,18
2	Chỉ tiêu tiêu thụ tinh quặng sắt Kíp Tước	Tấn	71.612	90.000	125,68
3	Tổng doanh thu:	Tr.đồng	146.998	177.930	121,04
4	Lợi nhuận trước thuế:	Tr.đồng	7.928	5.550	70,01
5	Quỹ tiền lương:	Tr.đồng	18.797	22.146	117,82
6	Lao động BQSD:	Người	118	125	105,93
7	Tiền lương bình quân:	Tr.đồng	13,27	14,76	111,26
8	Nộp NSNN:	Tr.đồng	58.352	68.000	116,53
9	Đầu tư XDCB	Tr.đồng	7.608	8.790	115,54

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch, căn cứ vào tình hình thực tế, biến động giá cả của thị trường chủ động điều chỉnh kế hoạch phù hợp nhằm đảm bảo được mục tiêu kế hoạch lợi nhuận, duy trì sản xuất ổn định, bảo toàn và phát triển vốn.

12.2 Thông qua Báo cáo số 17/BC-HĐQT ngày 03/4/2025 về tình hình hoạt động của HĐQT năm 2024 và phương hướng, kế hoạch hoạt động năm 2025.

12.3 Thông qua Báo cáo số 20/BC-BKS ngày 03/4/2025 về tình hình hoạt động của BKS năm 2024 và phương hướng, kế hoạch hoạt động năm 2025.

12.4 Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.

12.5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ năm 2024, Kế hoạch năm 2025.

- LN trước thuế TNDN năm 2024:	7.927.744.368 đồng.
- Thuế TNDN năm 2024:	4.060.080.671 đồng.
- Lợi nhuận được phân phối năm 2024:	3.867.663.697 đồng.
- Phương án Phân phối lợi nhuận:	
+ Chi trả cổ tức (5,0%) :	1.750.000.000 đồng.
+ Phân bổ các quỹ:	
Trích quỹ khen thưởng - phúc lợi:	2.020.913.697 đồng.
Trích quỹ thưởng người QLDN:	96.750.000 đồng.

Theo kế hoạch trình được thông qua, dự kiến trong năm tài chính 2025, lợi nhuận được phân phối dự kiến là 4.440.000.000 đồng. Năm 2025 Công ty dự kiến chi trả cổ tức tỷ lệ $\geq 4\%$ và thực hiện trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng - phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành.

12.6 Thông qua việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2024; Kế hoạch chi trả thù lao năm 2025:

(1) Thực hiện chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2024

Quỹ thù lao của người quản lý công ty không chuyên trách được xác định trên cơ sở số lượng người quản lý công ty không chuyên trách, thời gian thực tế làm việc và mức thù lao tối đa bằng 20% mức tiền lương của người quản lý công ty chuyên trách:

STT	Họ và tên	Số người	Thù lao nhận theo KH	Thù lao 2024 tăng thêm do tăng lợi nhuận so với KH (20%)	Thù lao được quyết toán 2024
1	Chủ tịch HĐQT	1	72.000.000	14.400.000	86.400.000
2	Thành viên HĐQT	4	240.000.000	48.000.000	288.000.000
3	Trưởng BKS	1	63.000.000	12.600.000	75.600.000
4	Thành viên BKS	2	120.000.000	24.000.000	144.000.000
	TỔNG CỘNG		423.000.000	84.600.000	594.000.000

(2) Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2025:

Kế hoạch mức chi trả thù lao tối đa bằng 20% mức thu nhập thực tế của các viên chức quản lý tương ứng theo Nghị định 53/2016/NĐ - CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ:

TT	Chức danh	Số người	Mức lương cơ bản (đ/ng/thg)	Tỷ lệ	Tiền thù lao đ/ng/thg	Tiền thù lao đồng/năm
1	Chủ tịch HĐQT	01	24.000.000	20%	4.800.000	57.600.000
2	Thành viên HĐQT	04	20.000.000	20%	4.000.000	192.000.000
3	Trưởng BKS	01	21.000.000	20%	4.200.000	50.400.000
4	Thành viên BKS	02	20.000.000	20%	4.000.000	96.000.000
	Cộng	08				396.000.000

Mức thù lao trên chỉ là dự kiến, mức thực tế chi trả cho HĐQT và BKS sẽ được xác định dựa vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty.

12.7 Thông qua Tờ trình số 22/TT-HĐQT ngày 03/4/2025 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.

12.8 Đại hội đồng cổ đông thông nhất thông qua Hợp đồng mua bán tinh quặng sắt năm 2024 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico và Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP với những nội dung điều khoản như bản dự thảo Hợp đồng kèm theo.

(Có chi tiết dự thảo hợp đồng đi kèm)

13. Trình bày dự thảo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2025

Bà Chu Thị Ngọc Huyền – Thư ký Công ty, Thay mặt Ban thư ký trình bày trước Đại hội toàn văn dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

14. Thông qua dự thảo Biên bản, Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2025

Ý kiến thảo luận về Biên bản và Nghị quyết của Đại hội: không

Ông Lê Tuấn Ngọc - Chủ tọa Đại hội đề nghị Đại hội biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết của Đại hội

** Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu tán thành phiếu/phiếu đạt tỷ lệ%; số phiếu không tán thành..... phiếu/.....phiếu đạt tỷ lệ.....%; số phiếu không có ý kiến.....phiếu/.....phiếu đạt tỷ lệ.....%.*

Kết quả:.....% số phiếu có quyền biểu quyết tán thành.

E. BẾ MẠC ĐẠI HỘI

Ông Lê Tuấn Ngọc - Chủ tọa Đại hội đọc diễn văn bế mạc Đại hội, cảm ơn các Quý vị cổ đông đã tới tham dự Đại hội.

Toàn văn Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico đã được đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với sự chấp thuận của 100% số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Biên bản này được lập vào hồi 11h30' ngày 25/4/2025 ngay sau khi Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico kết thúc chương trình nghị sự.

Biên bản này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau và công bố theo quy định của Pháp luật hiện hành.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Webservice công ty.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

**CHỦ TRÌ CUỘC HỌP
CHỦ TỊCH HĐQT**

Chu Thị Ngọc Huyền

Lê Tuấn Ngọc

DỰ THẢO

Lào Cai, ngày 25 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN 3 – VIMICO

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/7/2008; sửa đổi, bổ sung lần thứ 6 được ban hành kèm theo Quyết định số 55/QĐ – KS3 ngày 05/7/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico;

Căn cứ Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2025;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico ngày 25 tháng 4 năm 2025,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả SXKD, ĐTXD năm 2024 và Kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2025 của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico với các chỉ tiêu chính như sau:

1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu SXKD, ĐTXD chủ yếu năm 2024:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	So sánh %
1	Chỉ tiêu sản xuất tinh quặng sắt Kíp Tước	Tấn	78.200	78.294	100,12
2	Chỉ tiêu tiêu thụ tinh quặng sắt Kíp Tước	Tấn	85.000	71.612	84,25
3	Tổng doanh thu:	Tr.đồng	147.900	146.998	99,39
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	4.061	7.928	195,22
5	Quỹ tiền lương	Tr.đồng	16.818	18.797	111,77
6	Lao động BQSD	Người	123	118	95,93
7	Tiền lương bình quân	Tr.đồng	11,39	13,27	116,51
8	Nộp NSNN	Tr.đồng	48.002	58.352	121,56
9	Đầu tư XDCB	Tr.đồng	10.985	7.608	69,26

- Hệ số bảo toàn vốn: 1,099 lần, năm 2024 Công ty phát triển được vốn Chủ sở hữu.
- Hệ số nợ/vốn CSH: 2,256 lần, Hệ số Nợ/vốn CSH được cải thiện so với năm 2023.

2. Kế hoạch SXKD, ĐTXD chủ yếu năm 2025:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	So sánh %
1	Chỉ tiêu sản xuất tinh quặng sắt Kíp Tước	Tấn	78.294	80.000	102,18
2	Chỉ tiêu tiêu thụ tinh quặng sắt Kíp Tước	Tấn	71.612	90.000	125,68
3	Tổng doanh thu:	Tr.đồng	146.998	177.930	121,04
4	Lợi nhuận trước thuế:	Tr.đồng	7.928	5.550	70,01
5	Quỹ tiền lương:	Tr.đồng	18.797	22.146	117,82
6	Lao động BQSD:	Người	118	125	105,93
7	Tiền lương bình quân:	Tr.đồng	13,27	14,76	111,26
8	Nộp NSNN:	Tr.đồng	58.352	68.000	116,53
9	Đầu tư XDCB	Tr.đồng	7.608	8.790	115,54

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch, căn cứ vào tình hình thực tế, biến động giá cả của thị trường chủ động điều chỉnh kế hoạch phù hợp nhằm đảm bảo được mục tiêu kế hoạch lợi nhuận, duy trì sản xuất ổn định, bảo toàn và phát triển vốn.

Điều 2. Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025.

Điều 3. Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025.

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.
(Báo cáo tài chính đã được đăng tải lên Webside của Công ty)

Điều 5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập, sử dụng các quỹ năm 2023 và kế hoạch năm 2024.

- LN trước thuế TNDN năm 2024: 7.927.744.368 đồng.
- Thuế TNDN năm 2024: 4.060.080.671 đồng.
- Lợi nhuận được phân phối năm 2024: 3.867.663.697 đồng.
- Phương án Phân phối lợi nhuận:
 - + Chi trả cổ tức (5,0%) : 1.750.000.000 đồng.
 - + Phân bổ các quỹ:

Trích quỹ khen thưởng - phúc lợi: 2.020.913.697 đồng.

Trích quỹ thưởng người QLDN: 96.750.000 đồng.

Theo kế hoạch trình được thông qua, dự kiến trong năm tài chính 2025, lợi nhuận được phân phối dự kiến là 4.440.000.000 đồng. Năm 2025 Công ty dự kiến chi trả cổ tức tỷ lệ $\geq 4\%$ và thực hiện trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng - phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành.

Điều 6. Thông qua mức chi trả thù lao của HĐQT, BKS Công ty năm 2024 và kế hoạch chi trả năm 2025.

(1) Thực hiện chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2024

Quỹ thù lao của người quản lý công ty không chuyên trách được xác định trên cơ sở số lượng người quản lý công ty không chuyên trách, thời gian thực tế làm việc và mức thù lao tối đa bằng 20% mức tiền lương của người quản lý công ty chuyên trách:

STT	Họ và tên	Số người	Thù lao nhận theo KH	Thù lao 2024 tăng thêm do tăng lợi nhuận so với KH (20%)	Thù lao được quyết toán 2024
1	Chủ tịch HĐQT	1	72.000.000	14.400.000	86.400.000
2	Thành viên HĐQT	4	240.000.000	48.000.000	288.000.000
3	Trưởng BKS	1	63.000.000	12.600.000	75.600.000
4	Thành viên BKS	2	120.000.000	24.000.000	144.000.000
	TỔNG CỘNG		423.000.000	84.600.000	594.000.000

(2) Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2025:

Kế hoạch mức chi trả thù lao tối đa bằng 20% mức thu nhập thực tế của các viên chức quản lý tương ứng theo Nghị định 53/2016/NĐ - CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ:

TT	Chức danh	Số người	Mức lương cơ bản (đ/ng/thg)	Tỷ lệ	Tiền thù lao đ/ng/thg	Tiền thù lao đồng/năm
1	Chủ tịch HĐQT	01	24.000.000	20%	4.800.000	57.600.000
2	Thành viên HĐQT	04	20.000.000	20%	4.000.000	192.000.000
3	Trưởng BKS	01	21.000.000	20%	4.200.000	50.400.000
4	Thành viên BKS	02	20.000.000	20%	4.000.000	96.000.000
	Cộng	08				396.000.000

Mức thù lao trên chỉ là dự kiến, mức thực tế chi trả cho HĐQT và BKS sẽ được xác định dựa vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty.

Điều 7. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 Công ty.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thống nhất ủy quyền cho Ban kiểm soát Công ty chủ trì làm đầu mối phối hợp với Công ty lựa chọn một trong các đơn vị kiểm toán sau để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty:

- Công ty TNHH Kiểm toán BDO;
- Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP Hồ Chí Minh AISC;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế.

Điều 8. Thông qua việc mua/bán tinh quặng sắt được sản xuất tại mỏ sắt Kíp Tước năm 2025 với Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua Hợp đồng mua bán tinh quặng sắt năm 2025 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico và Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP với những nội dung điều khoản như bản dự thảo Hợp đồng kèm theo.

(Có chi tiết dự thảo hợp đồng đi kèm)

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông có mặt tại ĐHĐCĐ.

2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và toàn thể các cổ đông Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. ĐHĐCĐ giao HĐQT và Ban điều hành tổ chức triển khai thực hiện theo thẩm quyền, chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico./.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BKS, Ban điều hành;
- Website Công ty;
- Lưu: HĐQT, VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

Lê Tuấn Ngọc